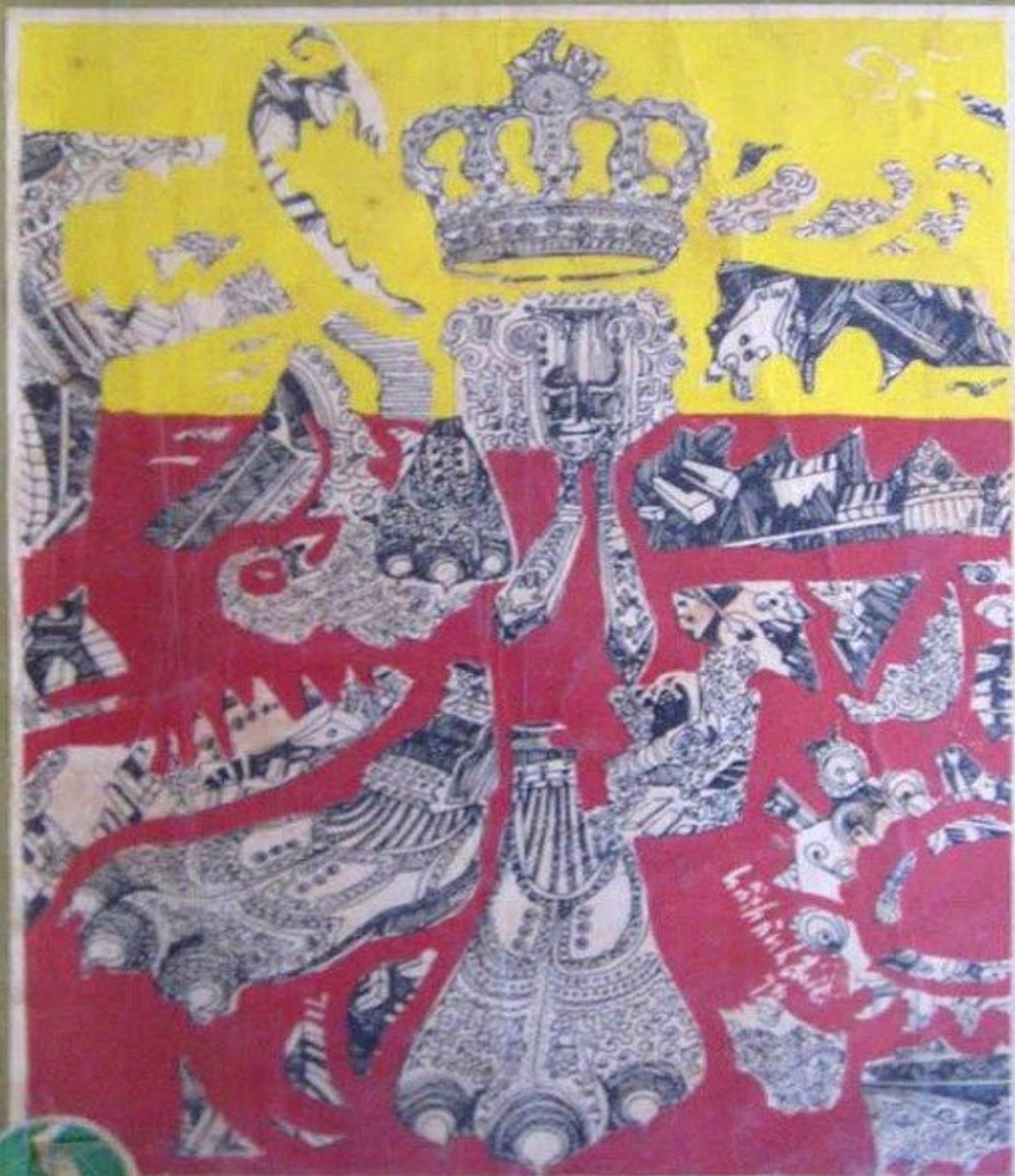


Con chó hào hùng

VŨ HẠNH



Loi Voi

Con chó hào hùng

Vũ Hạnh

Chia sẻ ebook: <https://downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://facebook.com/caphebuoitoi>

Table of Contents

[Thông tin Ebook](#)

[Chương một](#)

[Chương hai](#)

[Chương ba](#)

[Chương bốn](#)

[Chương năm](#)

[Chương sáu](#)

[Chương bảy](#)

[Chương tám](#)

[Chương chín](#)

Lời Nói Đầu

Vào khoảng những năm 1965-1967 tôi được quen biết anh Lê văn Diệm, tức là ký giả Lương Ngọc, trong các sinh hoạt đấu tranh chống lại văn hóa nô dịch của chế độ cũ, ở Sài Gòn này. Anh thuộc lớp những người kháng chiến về thành hoạt động báo chí sau ngày ký kết hiệp định Genève và bị Diệm - Nhu bắt giữa khoảng năm 1955, giam ở Mỹ Tho, vụ án được nói đến nhiều vào thời điểm đó.

Đến năm 1967, khi bị nhốt ở biệt giam của Sở Công an Thành phố tôi lại gặp anh trong số những người ký giả quen thân bị bọn Thiệu - Kỳ bắt giữ.

Sau khi chúng tôi rời khỏi nhà lao Tân Hiệp để trở về nhà, vào khoảng đầu năm 1971, anh Lương Ngọc có đem đến cho tôi xem tập tư liệu khá dày ghi chép những điều về chó - chó ta cũng như chó Tây - toàn những chuyện chó bảo đảm có thực, biểu dương bản chất thông minh và có tình có nghĩa của giống toài này. Anh Lương Ngọc là con người uyên bác, đa tài, không chỉ giỏi nhiều bộ môn nghệ thuật còn có cái vốn hiểu biết khoa học khá rộng và vốn sinh ngữ dồi dào. Con người cực kỳ thông minh và mẫn tiệp đó, có một nghị lực ít thấy, lại sống cuộc đời đạo đức gần như theo sát với những quy phạm khô cứng nên dễ cảm thấy bi phần sâu xa trước những thế tình điên đảo của thời buổi đó. Phải chăng như Bồ Tùng Linh của Trung Hoa xưa, ngán ngẩm về những người sống đương thời nên quay trở lại ca ngợi chồn cáo, hồ ly cùng các yêu ma trong tập Liêu trai, anh Lương Ngọc muốn giải tỏa những điều bi phần nơi mình nên bỏ thời gian sưu tầm chuyện chó?

Trong sự tế nhị của mối giao tình tôi không dám hỏi thẳng anh điều ấy. Nhưng quý tấm lòng anh đã đem đến cho tôi xem tập tư liệu, và tưởng chừng như đã cảm thông được phần nào tâm sự của anh, tôi đã xin anh cho phép tôi được tự do lựa chọn trong mớ tư liệu dồi dào để viết nên một truyện vừa với một chủ đề nhất định: trong một hoàn cảnh mà khá nhiều người gần như mất đi ý niệm Tổ quốc, có những giống loài bị xem hạ đẳng - là loài chó má - vẫn sống trọn vẹn nghĩa tình, vẫn luôn hướng về lẽ phải trên cuộc đời này. Chúng ta không chỉ trân trọng truyền lưu cái đẹp tinh thần của những con người, không chỉ chăm sóc giữ gìn vẻ đẹp thiên nhiên của những thắng cảnh danh lam, mà còn bốn phận phát hiện, bảo tồn tất cả những gì tốt đẹp ở trong muôn loài - những người bạn sống với ta trên mặt hành tinh - đặc biệt là những giống loại gần gũi, đã từng góp phần công sức với người trong việc phát triển sự sống vô cùng kỳ diệu.

Trong những điều kiện giới hạn nhất định, tôi đành tiếc rẻ gác lại tất cả những chuyện về chó nước ngoài để chọn những chuyện về chó Việt Nam, và muốn nhiều người còn sống ở đất Tiền Giang xinh đẹp, kiên cường - quê hương của anh Lương Ngọc - có thể kiểm chứng sự thực về các chuyện này, tôi chỉ nhắc lại chuyện con chó Vá dắt dẫn một người giao liên Cách mạng qua các phường phố Mỹ Tho, và con chó Quít của gia đình anh - ở Lương Hòa Lạc - cùng hai con chó kể truyền.

Vì vậy tiếng "tôi" ở trong tác phẩm là của chính anh Lương Ngọc kể những chuyện chó quen thuộc trong thời thơ ấu của mình. Và tác phẩm này đã được ấn hành lần đầu, vào giữa tháng 3 của năm 1973, tái bản lần thứ hai vào năm 1988, lần thứ ba, nhờ nhiệt tình giúp đỡ của đồng chí Lê Vũ Hùng, giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp, quyển sách lại được gặp gỡ bạn đọc trong toàn quốc, và đây là lần thứ tư, Công ty cổ phần CADASA, chúng tôi muốn cho tái bản để giúp các bạn đọc trẻ hiểu biết về một con vật của quê hương mình, con chó hào hùng.

TPHCM, ngày 27/7/2007

Vũ Hạnh

Chương một

Hồi ấy, còn mài đũng quần ở ghế nhà trường tiểu học, mỗi khi tan lớp thay vì đi tắt bến đò để qua xóm Dầu về nhà, tôi theo chúng bạn ngược đường cầu Quay, men xuống nhà Lồng chợ mới Mỹ Tho, xem ông lão mù dẫn chó xin ăn.

Chúng tôi đến đây thì chợ đã thừa thớt rồi. Các hàng rau cải, cây trái, quà bánh ở khoảng đất trống trước chợ phần lớn hạ lều, dọn dẹp sạch sẽ. Riêng các thớt thịt, các quán tạp hóa cùng các sạp vải ở trong nhà Lồng vẫn còn bày bán tới chiều.

Ông lão mù thường chọn giờ tan chợ để đến xin ăn các quán và các thớt thịt cho thông thả hơn. Dẫn đường cho ông là một con chó khá lớn, mõm dài, hàm bạnh, răng lởm chởm nhọn trông mà phát khiếp. Hai tai khá to, cụp xuống như hai cây quạt xếp treo hai bên. Mắt nó tròn xoe, sáng ngời. Da lông màu trắng có vá nâu đậm, và lởm đốm màu nâu nhạt các bạn của tôi gọi là chó Vá bông lau. Đuôi dài lông không xòe như của chó bẹc-giê, hơi uốn cong về phía trái và đó là điều giúp cho người ta nhận biết nó mang trong người dòng máu của chó Việt Nam. Cổ được mang vòng dây da gắn bằng nhôm nhỏ ghi tên chủ nó là người ăn xin mù lòa. Ngay dưới cổ nó, ông lão treo một cái giỏ với bốn mối dây được cột túm lại như là chiếc giống. Để phòng thủ cho con vật, ông đã căng dưới cổ nó một cây mây to bằng ngón chân cái, mỗi đầu cột vào dây cổ bằng da và nơi hai ngọn cây mây cắm hai cây đinh mài nhọn. Như thế, phía trước không lũ chó nào dám xáp lại gần vì hai bên hông có hai mũi nhọn di động theo sự xoay trở của con vật ấy. Phía sau, đã có ông lão thủ cây gậy dài. Ông cột chéo một sợi dây choàng qua ngực và vai nó thông phía sau để nắm thật chặt như cầm cương ngựa. Cứ thế, con chó dẫn ông lão mù la cà từ khu phố này sang khu phố khác, đi từ chợ Mới bờ kinh Bảo Định đến vùng chợ Cũ kinh Lấp, đi từ xóm đình Điều Hòa cho đến Xóm Củi.

Không hiểu ông lão đã khéo tập luyện thế nào hay do bản năng đặc biệt mà nó khôn ngoan đáo để. Sự khôn ngoan ấy làm cho nhiều người kinh ngạc. Nhà nào, hôm nay đã đến xin rồi, ngày mai nó không dắt dẫn ông lão tới nữa. Thớt thịt nào đã "độ" rồi, hôm sau nó sang thớt khác. Có người đã thử sự thông minh ấy bằng cách ngày sau gọi nó lại cho, nó vẫn không nhận, nếu ngày hôm trước đã nhận của người ấy rồi. Một điều lạ lùng là dù ép nó bao nhiêu, nó cũng chối từ. Sự chối từ ấy thường được biểu lộ một cách tế nhị: con chó né mình tránh khỏi món quà, hoặc ngoay ngoáy đầu, không cho chủ thớt bỏ vào trong giỏ món quà mà nó tự xem như không được quyền tham lam nhận lãnh quá nhiều.

Ban ngày, khi đã xin được đầy đủ thức ăn, con chó dẫn ông lão mù về đình Điều Hòa, nằm nghỉ ngơi sau nhà khoi. Ông lão sờ soạn lấy các thức ăn để riêng một bên, rồi chia cơm làm

hai phần. Ông đặt đồ ăn lên một phần cơm, rồi đẩy về phía con chó và âu yếm bảo: "Này, ăn đi con". Ông ngồi yên lặng, chờ nghe con chó ăn rồi mới bắt đầu ăn. Con chó thường nhai chậm rãi, ngược mắt trông chừng người chủ chứ không gục đầu vào mải mê ăn như một số loại chó khác.

Thấy sự khôn ngoan kỳ lạ của nó, những người thí chủ không nỡ cho những đồ ăn thừa thãi. Tấm lòng của nó với chủ chừng như cũng đã chuyển động lòng người. Thiên hạ cảm thấy thương hại ông lão già nua mù lòa, không ai nuôi dưỡng, chỉ sống cô đơn với mỗi con chó mà ông luôn gọi là "con" nên những thức ăn gồm những thịt thà người ta chia sót cũng được rút bỏ hết xương, thái sẵn cho ông lão dùng được dễ dàng hơn.

Mỗi lần dẫn chó xin ăn như vậy, ông lão thường nhắc nhở nó:

- Thôi, liệu vừa phải là về đi con. Đủ ăn thì thôi, đừng có tham lam.

Người ta cũng đã tự hỏi với chiếc giỏ treo dưới cổ, làm sao con vật biết thế nào là vừa phải. Có lẽ con chó dò biết theo cái sức nặng của các phần ăn, khi giỏ còn nhẹ là được coi như chưa đủ, cần dẫn người chủ mù lòa xin thêm một vài nơi khác. Có khi chủ một nhà nào đem cho món ăn, nhận thấy trùng hợp, liền trở vào bếp để đổi món khác. Lòng thương của họ đối với con chó và người mù lòa đã khiến cho sự bố thí trở thành tế nhị và kiểu cách hơn. Con chó, trong trường hợp ấy, vẫn cứ ngoan ngoãn đứng đợi.

Cứ thế, ông lão và con chó được nuôi dưỡng đầy đủ. Một điều đặc biệt, có thể coi như khác thường là không bao giờ ông ấy ngửa tay nhận tiền bố thí. Luôn luôn, hai bàn tay ông không rời sợi dây và chiếc gậy dài.

Buổi chiều, con chó dắt ông trở về xóm Cá ngừ trong tòa miếu cổ nhìn ra bờ sông Cửa Long. Có khi nó dẫn ông về ngủ ở trại cửa ngang nơi chợ Cá. Cả thành phố Mỹ Tho, từ bến Giồng Nhỏ, hăng Xáng đi xuống Vĩnh Kim, Rạch Gầm, từ ngã Chợ Gạo qua lối Xóm Cũi, Xóm Dầu, ai ai cũng quen thuộc ông lão mù ăn xin và con chó ấy. Trên đường cầu thực của nó, chưa hề có con chó nào dám xáp lại gần gây sự hay khiêu khích sủa. Những nhà có nuôi chó dữ, khi thấy bóng ông lão mù thấp thoáng, đã vội đuổi chúng vào nhà.

Sau một thời gian quen thuộc, thỉnh thoảng ông lão nằm nghỉ ở nhà để con chó đi xin ăn một mình. Cứ mỗi lần vắng ông lão, các người đem thức ăn cho đều thắc mắc như hỏi nó: "Bộ ông cụ đau gì sao?". Bọn trẻ chúng tôi thường đi theo nhìn ông lão và con chó ấy mà không biết chán. Chúng tôi tự hỏi: "Ông lão mù lòa làm sao dạy được con chó? Sao một con vật có thể khôn ngoan quá vậy?". Nơi nào đi qua một lượt là nó nhớ không lầm nhà. Làm sao nó biết đếm từng căn nhà, phân biệt được các số nhà? Nó cũng không hề tiểu tiện dọc đường để làm dấu vết như các chó khác. Có thể ông lão đã tập luyện nó trước khi mù chăng? Nếu vậy thì nay ông đã già rồi, làm sao con chó có thể còn sống để dắt ông lão đi xin? Ông

lão là người thế nào, đến nỗi ngày nay không còn một ai nuôi dưỡng? Trước khi đến đây ăn xin, ông sống nơi đâu? Và làm thế nào ông di chuyển sang những thành phố khác?

Chúng tôi cũng thường hỏi nhau như vậy, và những thắc mắc như thế, bọn trẻ chúng tôi không đứa nào giải đáp được. Chúng tôi lò dò đi theo ông lão tìm biết chỗ ăn chỗ ngủ của ông, ngoài ra không còn có thể biết gì hơn nữa. Ông lão cũng rất ít lời. Trông ông hiền từ, hòa nhã, những câu trả lời của ông đối với mọi người thường rất vắn tắt. Những lúc đi xin, ông chỉ bảo với con vật: "Thôi chào ông chủ (hay là bà chủ) rồi đi nghe con", hoặc: "Liệu vừa phải là về, con". Thông thường, ông chỉ cúi chào lúc đến, cảm ơn lúc đi, và nhiều câu hỏi chỉ được ông ngẩng đầu lên mà không nói gì. Người ta cho rằng ông đã lãng tai hay là điếc nặng.

Ông lão đã ít lời mà cũng không thường tiếp xúc với ai. Những lần ông mệt chỉ mỗi một mình con chó đi xin thức ăn mang về. Đến khi gió bắc thổi già mang luồng hơi lạnh mạn Bắc tràn xuống, các cây ngô đồng trụi lá bắt đầu đâm bông đỏ sẫm như máu thì ông lão mù nằm luôn ở tòa miếu cổ không đi đâu nữa. Ban đầu thấy con chó đi một mình, nhiều người cũng có thắc mắc hỏi thăm và gửi thuốc men cho nó mang về. Nhưng sau lâu ngày người ta cũng quên dần đi, và con chó cứ tuần tự theo các lối cũ đi hết xóm này rảo sang xóm khác, đi từ nhà nọ bước sang nhà kia, lần lượt xin ăn đem về nuôi chủ. Nhiều lúc đến một ngôi nhà nào đó, chủ nhà bận việc đằng sau và đóng cửa trước, con chó chồm lên cào cửa mấy cái rồi lại đứng yên chờ đợi.

Từ khi ông lão không đi theo nữa, hình như nó đỡ vương vís hơn nhiều nên nó đi, về sớm hơn thường lệ. Tôi còn nhớ rõ dáng điệu của nó mỗi khi nhận các món ăn: nó đứng trên hai chân sau, còn hai chân trước chắp lại xá lia, xá lia. Khi nhận các thức ăn rồi nó cũng nhớ xá mấy lượt mới sang nhà khác. Những cái xá đó thay lời cảm ơn cho ông lão mù khi ông vắng mặt trên các đường phố, vì vậy ai nấy cũng đều hài lòng, thầm thương ông lão, quý mến con chó nhiều hơn.

Con chó đã đi một mình như vậy trong một thời gian khá lâu. Mãi về sau này, khi nhiều biến cố xảy đến khiến chúng tôi hồi tưởng lại sự việc đã qua, chúng tôi mới nhận biết rằng trong thời khoảng đó người chủ con chó đã bận việc ở nơi khác và nhờ con vật thay thế cho mình duy trì một sự có mặt giữa chốn phố phường.

Chúng tôi theo dõi con chó được một thời gian, rồi thấy không còn có gì mới lạ và hấp dẫn hơn, lại cũng bận rộn về việc bãi trường vào dịp nghỉ Tết nên không quan tâm đến nó và ông lão mù như trước.

Vả lại, tình hình thời cuộc bây giờ đã bị xáo trộn bởi nhiều sự kiện lớn lao. Cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái thất bại vào năm 1930 và những biến động tiếp theo tràn về đến cả nông thôn chúng tôi. Lúa chín vàng ối ở trên cánh đồng, không còn ai gặt. Yêu sách của những thợ gặt giăng lên khắp đường: thợ gặt yêu cầu chủ điền tính công chín gạ ăn một, thay vì tính mười ba gạ. Thời ấy mỗi gạ lúa khô thật tốt bán giá cao nhất là hai mươi xu. Lần hồi, dân

chúng đồng lòng chống xấu và yêu sách nhà cầm quyền giảm món thuế thân từ hai đồng bạc xuống một đồng hai. Nhà cầm quyền Pháp đánh hơi bàn tay sách động của các lực lượng Cách mạng nên tìm mọi cách đàn áp, cản ngăn. Rồi học sinh trường trung học Mỹ Tho bãi khóa. Giáo sư - thời trước người dạy từ cấp trung học trở lên được gọi như thế - dạy môn hội họa bị bắt lúc đi vào lớp. Ở trường tiểu học con trai đang giữa buổi học lính kín kéo ập vào lớp thầy Phương. Nhưng trước đó chừng vài phút thầy đã nhìn ra cửa sổ rồi quay vào bảo học trò:

- Các em hãy ngồi yên lặng. Ông Đốc gọi thầy lên ngay văn phòng có việc.

Rồi thầy ung dung bước ra, vòng quanh sân nhà ông Đốc và lên đi mất. Lính bấy giờ bù đầu vào việc đối phó. Ngay trong làng tôi, mỗi chiều tiếng mõ vang rền gom dân kiểm soát. Thế mà sáng nào cũng thấy truyền đơn và cờ búa liềm xuất hiện nhan nhản khắp nơi. Có khi trên đường dây "cáp" vô tuyến viễn thông phát phối những ngọn cờ lớn không làm thế nào mà gỡ xuống được.

Lũ học trò nhỏ chúng tôi được lệnh hễ gặp truyền đơn là phải lượm hết, báo cho cò bót tới lập biên bản thu nhận chứ không được đem truyền cho người khác. Ở nơi nhà trường, mấy ông thầy giáo không còn bàn bạc những chuyện làm ăn, nghề nghiệp, thuyền chuyền, mà thường trao đổi tin tức đọc thấy trên tờ Đông Pháp - vụ xử tử 13 người yêu nước ở Yên Bái, vụ ném bom làng Cổ Am làm bật bia thờ Trạng Trình, phát giác được mấy câu sấm tiên đoán thời cuộc... Nhà chức trách thì cuống cuồng lo ngăn ngừa hội kín Nguyễn An Ninh, một mặt theo dõi đạo Cao Đài đang hoạt động mạnh vì sợ các đảng Cách mạng lợi dụng những buổi cầu cơ của tôn giáo ấy. Tiếp đó, cuộc đình công lớn của hãng Xáng được nổ ra, thợ thuyền xung đột kịch liệt với lính mã tà. Phía thợ dùng đến

cả những bù lon, đinh sắt và chai át-xít. Học sinh ở trường trung học cũng nổi lên đòi thả những học sinh và những giáo sư bị bắt. Cuộc tranh đấu này đã bị cò lính kéo đến đàn áp nhưng được những anh em thợ ủng hộ, ném đá tấn công khiến bọn tay sai thực dân kéo chạy có cờ sau khi bắn dọa chỉ thiên vài phát.

Kể từ ngày đó, những cuộc khám xét, lừa dân, bắt đi lũ lượt diễn ra ngay giữa ban ngày. Các trường trung học, trường máy đã bị đóng cửa. Riêng bọn chúng tôi mỗi ngày đến trường tiểu học, không được học hành gì hết. Đợi cho chúng tôi vào lớp, ngày nào cũng vậy ông Đốc được lệnh từ lũ cầm quyền buộc phải kể lễ công ơn nước Pháp cho chúng tôi nghe, bắt học thuộc lòng những câu tương tự: *"Nous avons deux patries: la France et l'Annam"* (Chúng tôi có hai Tổ quốc: nước Pháp và nước An Nam), được phát nhiều bài vọng cổ chống đối phong trào Cách mạng.

Mỗi đứa chúng tôi được lãnh hàng ôm tranh màu bôi nhọ phong trào yêu nước, bắt phải đem về dán vách, dán những gốc cây. Số đặc biệt của tạp chí Đông Pháp do tên Ba Bút làm chủ, nói về vụ xử 13 chiến sĩ Yên Bái được đem phát không cho các thầy giáo với cái tựa đề

lồ lộ như sau: *"Treize têtes de pirates dans un panier de son"* (Mười ba đầu tên cướp trong một giỏ cám). Mỗi đứa chúng tôi còn được phát cho một tập ghi rõ công ơn Mẫu Quốc là nước Đại Pháp.

Cổ nhiên những tài liệu tranh ảnh và sách vở loại đó đều được phát không và chẳng bắt buộc phải học nhưng các thầy giáo ở trường chúng tôi có vị dặn bảo học trò phải xem cho nhớ nằm lòng mấy cái tựa lớn, tựa nhỏ, đề phòng khi đoàn thanh tra khám trường đến hỏi thì đáp cho rành. Ông Đốc ở trường chúng tôi còn đi xa hơn trong việc hưởng ứng chính quyền thực dân về việc ngăn chặn tình hình ở tại trường sở. Ông đã ra lệnh cấm nói tiếng Việt trong trường. Khi ra cổng trường, về nhà, thì được tha hồ nói tiếng mẹ đẻ. Khi bước vô cổng, mỗi đứa học trò phải nói tiếng Pháp và đứa trẻ nào mở miệng nói bằng tiếng Việt phải nộp phạt liền hai xu. Tưởng nên ghi rằng lít gạo thời ấy giá một xu rưỡi.

Tuy nhiên chúng tôi có cái may mắn là được học với ông thầy giàu lòng yêu nước. Khi nhận được quyển tạp chí Đông Pháp, thầy tôi chỉ đặt trên bàn lấy lệ rồi giảng dạy cho chúng tôi biết rõ về vụ bạo động Yên Bái và các phong trào Cách mạng khác nữa. Thầy bảo chúng tôi:

- Hoàn cảnh không cho phép thầy được nói dài dòng. Những đầu kẻ cướp nói đến trong tạp chí này là đầu của những chiến sĩ yêu nước. Thầy khuyên các em lớn lên nên tìm thêm sách mà đọc và phải suy nghĩ nhiều hơn mới nhận ra được sự thực. Ở những thời kỳ đen tối thế này, phần nhiều sách vở chỉ nói toàn là những điều xằng bậy, đảo điên.

Trong số các thầy ở đây, có lẽ thầy tôi được coi là bạo hơn hết. Vì ngoài tấm lòng yêu nước nhiệt thành thầy còn là một tín đồ có tiếng ngoan đạo, được vị cha xứ quý mến và ông Đốc trường nể kiêng. Lối dạy của thầy giáo tôi cũng luôn luôn hướng chúng tôi đến những tình tự mới mẻ, cao cả. Đối với khá nhiều những bậc danh nhân, văn hào thời trước, những vị thường hay vịnh cảnh ngời tình, thầy vẫn tỏ lòng kính trọng nhưng chẳng mấy chút quan tâm. Thầy chú trọng nhất là các nhân vật mới mẻ xuất hiện đương thời, chẳng hạn thầy thường kể chuyện cho chúng tôi nghe về nhà cách mạng Nguyễn An Ninh cùng những sự việc mà ông đã làm rồi phê phán với thái độ ngưỡng mộ, tôn kính đặc biệt. Mỗi lần kể chuyện như vậy, thầy thường đứng gần cửa sổ trông ra ngoài đường, về phía sân trong thầy lựa những anh lớn nhất trong lớp cắt đặt trông chừng cầu thang, đề phòng ông Đốc cho người lên bắt thành linh. Tôi tin chắc rằng, thời ấy, trong đám học trò chúng tôi chưa có những bọn làm nghề mật báo hay điếm chỉ viên.

Suốt hai năm liền như vậy, nhà nước thực dân bãi bỏ các cuộc thi cử. Thầy tôi bảo rằng: "Các em chẳng mong học tập được gì ở trong lớp đâu". Và thầy chỉ cách chúng tôi về nhà tự lực học riêng, tra cứu thêm các sách vở. Thú thật, chúng tôi đã trải qua cơn mê sáng bàng hoàng, đầu óc như bị quay cuồng trước bao biến cố dồn dập, và lẽ dĩ nhiên không một đứa nào trong bọn chúng tôi còn nhớ đến ông lão mù ăn xin và con chó ấy.

Suốt thời gian thành phố có những cuộc biểu tình xung đột giữa thợ và lính, giữa học sinh và mã tà, con chó không đi ăn xin về phía chợ Mới, mà chỉ quanh quẩn bên phía chợ Cũ. Tôi còn nhớ rõ, thời đó lần lượt có nhiều ông thầy người Nghệ đi bán thuốc cao, sâm, quế vào ghé nhà tôi để xin nước uống, rồi tìm thăm ông Tòng Am dạy chữ Nho ở trong làng. Lần lượt nhiều người xách những tay nải chuyên bán hàng vải cũng đến bán rong từng nhà. Đặc biệt là những thanh niên trong xóm cứ chờ tối đến là tập hợp lại tổ chức những cuộc đánh ma ngay đầu cầu Vỹ hoặc bên nghĩa địa của chùa Bửu Long phía sau kho Dầu. Họ đồn đãi rằng ma quái ở những nơi ấy xuất hiện quá nhiều cần phải lập trận tấn công để tiêu diệt chúng. Ở tuổi nhỏ của chúng tôi, nghe chuyện tập hợp đánh ma thật là kích thích lạ lùng. Mỗi đêm cứ thấy từng tốp thanh niên xúm xít, hầm hì kéo đi thấp thoáng ở trong bóng tối, tôi thật náo nức những muốn hòa theo nhưng vì quá nhỏ nên không được ai chấp nhận. Mỗi lần thí võ với ma như thế thanh niên trong xóm đều có mang theo roi dâu tằm ăn và nhiều chó mực trợ chiến. Phần đông dân chúng đều tin như vậy hay cũng ra vẻ là tin như vậy. Nhưng nhà cầm quyền thực dân nhất định không tin như thế.

Bỗng đến một hôm, ông lão mù lòa ăn xin xuất hiện cùng với con chó trên một đường vắng ở ngoài phạm vi Châu Thành. Giữa lúc ông đang lần mò đi dạt về hướng bờ sông thì một số lính mã tà xuất hiện. Bọn chúng phóng tới, buộc ông lão mù đứng lại và đòi đưa ông về bắt. Nhưng vừa lúc ấy ông lão đã thả chiếc dây cầm dắt con vật và nhanh như cắt, con chó nhảy chồm lên cắn vào cổ một tên mã tà. Đồng thời ông lão mù lòa bấy giờ không còn là người mù nữa và cũng không còn là kẻ già lão sờ soạng để tìm lối đi, nhảy đến tấn công quyết liệt những tên mã tà vây hãm chung quanh. Bọn chúng quá đông và nếu trì hoãn thì chúng sẽ tiếp viện đến mỗi lúc nhiều hơn nên người ăn xin tháo chạy về phía bờ sông. Lúc ấy con chó cũng vừa xông xáo cắn xé kẻ thù vừa chạy theo chủ. Một tên mã tà xuất hiện đột ngột ở một góc đường đuổi theo kịp người ăn xin và y cũng là một tay võ nghệ nên giở quyền cước quần thảo với con người kia ở bên bờ nước. Con chó cố tìm lối thoát khỏi đám vây quanh, phóng đến nhảy lên đằng sau gáy gã ngoạm lấy. Gã phải quay mình đối phó thì ngay lúc ấy người ăn xin kia đã lao xuống sông. Bọn lính mã tà đuổi kịp chĩa súng bắn theo, nhưng những viên đạn chìm sâu đáy nước, còn người ăn xin đã lặn biệt tăm.

Tức giận vì để con mồi trốn thoát, bọn lính mã tà trút hết căm hận lên đầu con chó. Một tên rút súng bắn vào con vật ba phát. Con vật nhào xuống, nằm giãy giụa trên vũng máu. Kịp vào lúc ấy, Quán Là - một tên bộm nhậu nổi tiếng trong vùng - đi ngang qua đấy, thấy vậy thương lượng với bọn mã tà đem xác con chó về nhà làm thịt, với giá đánh đổi là ba bịch thuốc.

Qua ngày hôm sau, viên quan Ba coi tiểu đoàn Lê Dương, viên Chánh tham biện, viên Quận Châu Thành cùng với viên Cò sen đầm dẫn lính vào trong khu rừng ở trước nhà tôi tập trận. Cuộc tập trận này chỉ là danh nghĩa bên ngoài, nhưng thật bên trong là cuộc lùng xết. Họ đã quan sát khu rừng, quan sát kho Dầu để lục soát nữa, nhưng không tìm ra một

dấu vết gì. Kho Dầu này được thiết lập ở xa thành phố là nơi dự trữ an toàn. Chỉ những khi nào dầu được chứa đầy mới tổ chức cuộc canh phòng nghiêm ngặt để ngừa trộm cắp. Một khi chở hết dầu rồi, kho được bỏ trống thì các nhân viên canh gác lại được rút về. Người ta chỉ giao công việc chăm nom quét tước hàng ngày cho một thím xẩm ở nơi cổng vào gần lộ. Còn phía mé sông có cầu tàu lên, hoàn toàn bỏ trống.

Sau này tôi được nhiều người biết chuyện cho hay đã có một cuộc hội họp quan trọng tổ chức kín đáo ở tại nơi này. Những ông thầy Nghệ đi bán thuốc cao, những kẻ mang tay nải vải bán rong từng nhà đều thuộc thành phần những người dự hội kéo về nơi đó. Anh tôi, một vị giáo làng biết rõ thời cuộc bấy giờ, đã tiết lộ rằng: khi cuộc bạo động Yên Bái bị đàn áp trong biển máu, bọn Pháp liền mở những cuộc ruồng bắt những đảng bộ Việt Nam Quốc Dân đảng trong Nam rất là gắt gao. Trong khi phá vỡ cơ sở đảng này, đồng thời thực dân cũng làm động đến những hội kín khác của các lực lượng Cách mạng. Nếu không có cuộc dấy lên khắp nơi cầm chân, phân tán lực lượng khủng bố của nhà cầm quyền, thì những bộ phận đầu não của các phong trào Cách mạng bấy giờ khó lọt khỏi lưới bao vây. Trong lúc bọn Pháp bố phòng nghiêm mật, muốn khuấy động được phong trào rộng rãi cần phải liên lạc thật gấp và đi trốn lọt vòng lưới bao vây của nhà cầm quyền. Ông lão mù lòa ăn xin là người đã đóng vai trò liên lạc rất khẩn cấp đó, và con chó kia cũng đã làm tròn nhiệm vụ trao các thư từ, mật hiệu, triệu tập phiên họp cao cấp trong khu rừng cấm ở tại kho Dầu, cách Châu Thành không quá ba cây số theo đường chim bay. Để bảo vệ cho cuộc họp, những lớp dân chúng có cảm tình với Cách mạng ngụy trang đánh võ với ma. Ông lão ăn xin có dịp rảo khắp thành phố, quen thuộc từng nhà, một khi đã gài được mật hiệu rồi thì nằm yên ở một nơi để mình con chó trao nhận mật thư trong những chuyến đi đội lốt xin ăn, hoàn toàn ngoài sự tưởng tượng của nhà cầm quyền thực dân, mà đến bao nhiêu tầng lớp dân chúng bên ngoài cũng không biết được.

Mãi khi phát giác được cuộc họp mật quan trọng nói trên, các lực lượng cầm quyền địa phương đã vội mở cuộc hành quân gọi là tập trận để lùng bắt. Nhưng đã quá trễ. Nhà đương cuộc Pháp điên đầu không hiểu làm sao mà phe Cách mạng tổ chức được một cuộc họp cao cấp ở trong vòng lưới sắt nách thành phố, và lại phân tán một cách an toàn như thế.

Viên Chánh tham biện, viên Cò sen đầm, cả viên quan Ba cai quản cơ lính Lê Dương và lính pháo thủ đều bị thuyền chuyển. Bọn họ ra đi, vì không chu toàn nhiệm vụ mà nhà cầm quyền thực dân giao phó. Cả đến người liên lạc kia có lẽ quay lại Châu Thành lần chót ghi nhận tình hình cũng đã vượt thoát. Món chiến lợi phẩm duy nhất của họ chỉ là con chó bị bắn trọng thương và được ghi nhận ở trên biên bản là đã chết rồi.

Nhưng trên thực tế, con chó chưa chết.

Chương hai

Ông Quán Là mang con chó máu me đầm đìa bằng cách nắm hai chân trước của nó kéo lết qua các đường phố. Con chó nằm yên bất tỉnh, và ông Quán Là nghĩ là nó chết rồi. Khi đặt nó xuống nơi chân, dưới một gốc xoài, ông mới cúi xuống quan sát. Một viên đạn xuyên qua mắt có lẽ đã làm lủng óc con vật. Một viên đạn khác bắn gãy một cái chân sau và một viên nữa trúng vào giữa lưng. Với ba phát đạn như thế, lại bị máu chảy quá nhiều, làm sao con vật có thể sống sót? Và lại, theo quan niệm của ông, con chó dù sống cũng chẳng ích gì. Trên một quan điểm thuần túy nhậu nhẹt, ông Quán Là nghĩ rằng loài chó, dù là khôn ngoan đến mấy chẳng nữa, vẫn chỉ đáng được làm món chả nướng hay là xắt phay. Ông chỉ hơi tiếc con chó đã bị mất máu khá nhiều trên các đường phố. Nhưng bù trừ lại, ông đã đổi nó bằng giá quá rẻ. Lâu nay con chó đã được nuôi dưỡng quá sức đầy đủ bằng những món đồ ngon béo nên thật mập mạp, mượt lông.

Bấy giờ vào lúc đương mưa, ánh nắng oi bức làm cho con người mệt mỏi. Ông Quán Là nghĩ đến một người cộng sự trong việc xẻ thịt con chó để cho nhẹ bớt phần nào công việc. Hơn nữa, cần phải có người đài thọ món rượu và những chi tiêu khác nữa về phần gia vị. Trong số bạn nhậu quen thuộc của ông, ông Quán Là nghĩ ngay đến ông Hai Thìn. Ông Hai Thìn có một quán rượu nhỏ và nổi tiếng là con người hiền lành. Những người hiền lành có một điều lợi là ai gặp những việc gì khó khăn cũng thường nghĩ ngay đến họ.

Khi ông Hai Thìn đã được gọi sang, nhìn thấy con chó, ông thật kinh ngạc. Ông đã từng biết quá nhiều về nó, cũng đã từng nuôi dưỡng nó lâu nay. Trong cái bề ngoài của kẻ lè phè nhậu nhẹt, ông Thìn là người yêu nước, và tâm hồn ông nếu dễ xúc động trước những rượu thịt thì cũng sẵn sàng rung động trước những nghĩa cả. Trái với ông Quán Là, ông Hai cúi nhìn con chó rồi ngồi sụp xuống để che giấu nỗi ghen ngào. Khi đã trấn tĩnh lại được, ông mới bắt đầu quan sát con vật. Được nằm yên trong bóng mát và được chuyển tiếp hơi đất quen thuộc, con chó dường như vẫn còn thoi thóp. Phải cứu sống nó, ông Hai tự nhủ như vậy. Cứu sống con chó, đối với ông Hai bây giờ là một bổn phận. Con chó này đáng cứu sống hơn là chán vạ con người phản bội đang sống phây phây giữa cuộc đời này.

Ông bước vào nhà, bảo ông Quán Là:

- Con chó này mất máu nhiều lại quá già nua, ăn chẳng ngon gì. Tôi coi may ra nó còn sống được, nếu mình chịu khó thuốc men. Tôi bằng lòng đổi con Vàng nhà tôi và hai lít để hạo hạng để mang nó về. Ông Quán có bằng lòng không?

Cố nhiên, ông Quán Là bằng lòng. Ông cũng không cần thắc mắc vì sao mà ông Hai Thìn đánh đổi như vậy. Kể ra, không thiếu gì cách giải thích khi cần biện bạch nhưng ông Hai Thìn đã biết ông Quán Là từ lâu rồi. Những người chỉ biết có việc nhậu nhẹt là quan trọng nhất trên đời thường nhìn thế sự theo một khía cạnh dễ dãi.

Thế là ông Hai đem con chó Vá bông lau về nhà dưỡng bệnh. Vòng da cùng với niềng mây được ông tháo gỡ. Con chó được đặt trong buồng nhỏ thật yên tĩnh và tự tay ông săn sóc hàng ngày. Viên đạn chỉ làm nó hư một mắt chứ không đi sâu vào óc. Ông tự tay rửa vết thương, chăm sóc cho nó từng ly từng tí. Ông nấu cháo, khuấy sữa đổ cho nó dùng. Với một con vật như thế, người ta không được tiếc rẻ gì hết. Và sự tận tâm của ông, sau nhiều tháng dài đã cứu con chó thoát chết và nó đã đứng dậy được. Tuy nhiên con chó vừa chột vừa què. Nó không được mập như xưa, không còn phong độ như xưa, nhưng ông Hai Thìn nghĩ rằng cái hình thức nó dù là tàn phế nhưng tinh thần nó - nếu quả con chó cũng có tinh thần - thì vẫn vẹn toàn.

Bây giờ con chó vẫn đi quanh quẩn trong nhà, lặng lẽ, buồn rầu. Thỉnh thoảng nó cũng đi ra ngoài xóm thơ thẩn ít vòng rồi lại quay về. Vì chột và què, nó đi chậm chạp, khó khăn. Hơn nữa hình như ở trong lòng nó mang sẵn những điều buồn phiền nên không lúc nào ông Hai thấy nó linh hoạt, tươi vui. Một điều đặc biệt, con chó không chỉ chiếm được lòng thương của mọi người gặp mà ngay đến loài chó khác, riêng đối với nó cũng có một sự kiêng nể rõ ràng. Dù bị tật nguyền nó vẫn không bị đồng loại ức hiếp.

Ông Hai Thìn nghĩ con chó này là báu vật, và ông quyết gìn giữ một kỷ niệm lớn lao của một thời kỳ đất nước trải qua những cơn biến động xốn xang. Nhưng giữ như thế nào đây? Vật sống thật là khó lòng tồn tại, và một con chó vừa chột vừa què lại là cái gì rất dễ đổi mong manh. Lại thêm, mỗi ngày con chó trông càng tiều tụy hơn và có nhiều hôm nó đi thơ thẩn suốt buổi từ sáng đến trưa mới lại trở về. Nó có thể gặp tai nạn dọc đường, hoặc gặp những kẻ bất lương giết chết. Nhưng con chó ấy đi đâu? Ban đầu ông Hai Thìn không để ý, nhưng rồi những sự vắng mặt kéo dài như thế cũng khiến cho ông bồn chồn.

Một bữa, ông Hai theo nó, lững thững đi phía sau xa. Cứ nhìn con vật lê bước khó khăn trên đường phố mà thấy thương tâm. Trong những ngày đầu người ta vẫn còn trầm trồ bàn tán về nó, và nhiều người đi trên đường gặp nó, đã đứng dừng lại với lòng quý mến đặc biệt. Những sự khôn ngoan lạ lùng của nó ngày xưa cũng được phóng đại nhiều hơn qua sự khẩu truyền. Việc nó liều mình cứu chủ cũng được thêu dệt như một khúc anh hùng ca với nhiều chi tiết ly kỳ mà trí tưởng tượng phong phú của nhiều con người mới xây dựng nổi. Người ta cũng tỏ lòng thương nó đấy, cũng gọi nó lại để trao cho những thức ăn, nhưng bây giờ đây con chó buồn bã và tàn tật đó gần như cũng không tha thiết gì đến quanh mình. Tiếc nhớ người chủ đã xa khuất rồi hay là cảm thấy bất lực trước những kẻ thù tàn bạo, những tình cảm ấy nơi lòng con chó cô đơn không ai có thể biết được. Và những hình tượng anh

hùng, dầu có đẹp dễ bao nhiêu, một khi đã thành quen thuộc, gần gũi, cũng mất khá nhiều hấp dẫn, khác với khi được hình dung ở trong mơ tưởng xa vời. Cứ nhìn mãi nó trong cái dáng vẻ bình thường tiều tụy, người ta rồi không còn ai lưu ý đến nữa. Lắm khi, đi bên cạnh nó, nhiều người cũng đã quên rằng mới ngày nào đây con chó là một đối tượng mà họ thần phục không ngừng. Hơn nữa, chút lòng thương hại không được kể như là loại tình cảm lâu bền. Con người đối với đồng loại đã không có thể nghiêng mãi tấm lòng chia sẻ, giữa một xã hội cạnh tranh giành giật hàng ngày, làm sao có thể không ngót tiếc thương cho một con chó, dầu là con chó khác thường?

Ông Hai Thìn vừa nhẩn nha đi sau con vật một quãng khá xa vừa nghĩ ngợi về thế tình. Dầu sao còn một lý lẽ này nữa đã khiến nhiều người không dám biểu lộ một sự vồ vập dài ngày đối với con chó khôn ngoan, là cái ý tưởng sợ hãi những sự rình mò, khủng bố của nhà cầm quyền. Dưới một chế độ mà cái danh từ công lý chỉ là bình phong che đậy cho những hành động tàn ác, phi nhân thì mỗi thiện cảm đối với con chó của một số người được xem như là phiền loạn, dầu là con chó tật nguyền, cô độc chẳng nữa, cũng dễ bị coi như là bằng chứng của sự bất trung, của một tội lỗi. Trong chế độ ấy lòng thương phải được gói kín, phải được ngụy trang bằng nhiều kiểu cách, và ông Hai Thìn chợt thấy mình là một kẻ liều lĩnh, một hạng gan lì đã dám chứa chấp một vật nguy hiểm. Dầu sao ông cũng tự an ủi rằng ở thành phố này người ta vẫn đánh giá ông quá thấp để có thể nghĩ những điều bất lợi cho ông. Ông được kể trong thành phần bọm nhậu nên việc nuôi con chó ấy có lẽ cũng được người ta xét trên phương diện ẩm thực mà thôi, vả lại, đây chính là sự đối chác với ông Quán Là và ông Quán Là đối chác với bọn mã tà, như thế ít nhất cũng có chừng hai thế lực, dầu là thế lực cỡ nhỏ, chớ che cho sự nuôi chó của ông.

Cứ thế, ông Hai thông thả đi theo lộ trình con chó hướng dẫn và ông thấy nó đi qua khá nhiều đường phố khác nhau, ghé lại nhiều nơi, dừng lại nhiều chỗ. Có lẽ những nơi chốn đó ngày xưa nó và người chủ giả dạng ăn xin mù lòa đã từng ngồi đấy nghỉ ngơi hay làm một chỗ trú ngụ. Con chó ngửi hít những nơi chốn ấy như tìm hình bóng một người quen thuộc thân yêu, có khi nó lại nằm khoanh tại chỗ như để đắm chìm trong cái không khí kỷ niệm. Ông Hai tôn trọng những giờ phút đó và ông lảng vảng ngoài xa để đợi chờ nó trở lại chuyển đi, hoặc ông rón rén lại gần, cảm động nhìn ngắm con vật có nghĩa khoanh tròn ở dưới bóng cây hay trong một tòa cổ miếu. Theo dõi con chó vài lần như thế, ông Hai không thắc mắc nữa. Nó còn đi nơi nào khác, ông không nghĩ tới. Yên trí con vật quay lại trên những lối cũ đường mòn, ông bắt đầu nghĩ một kế hoạch khác, ngõ hầu duy trì cái dòng giống chó khôn ngoan cho được dài lâu. Như mọi con người suy tưởng thực tế, ông Hai nghĩ cách kiếm tìm cho nó một người bạn đường khác giống. Một hôm, ông bảo bà Hai:

- Bà xem, con chó ấy sống một mình nó cũng buồn rầu. Ngày xưa nó quen hoạt động, đi đó đi đây, đầu óc của nó chắc không suy nghĩ gì khác. Nhưng bây giờ đây, bất lực và tàn phế rồi, chắc nó phải buồn. Để giúp cho nó khỏi sống cô độc, chúng ta hãy tìm cho nó một người vợ

tốt. Coi xem có con chó cái nào xứng đôi không? Tôi sợ nó chết mà mình không gầy giống được, thật là đáng tiếc. Không dễ gì gặp được một con chó khôn ngoan, có lòng như thế.

- Minh cứ để nó thả rong ngoài đường, hễ gặp con nào vừa ý thì nó tìm đến kết bạn chứ hơi sức đâu kiếm tìm.

- Chúng ta định gầy giống tốt chó cứ để nó lang thang ngoài đường thì biết làm sao mà gầy giống được. Vả lại, tôi đã theo nó nhiều lần, thấy nó đi trên đường phố mà không lưu ý chút nào đến những con chó khác giống. Con này đã quen cuộc sống như vậy, bây giờ mình phải ép nó lấy vợ mới xong.

Ông Hai Thìn tự thấy mình có bốn phận tìm người bạn đời cho con chó Vá.

Gìn giữ một truyền thống tốt ở trong đời sống muôn mặt của xã hội này cũng là một thứ trách nhiệm. Đừng làm mất đi mầm giống của một loại cây, đừng làm lạc mất một câu hát cổ, đừng làm quên đi một câu chuyện xưa, đừng làm phai nhòa ý nghĩa một phong tục tốt, đó cũng là một trong muôn nghìn cách bảo vệ sự sống của giống nòi mình. Ngay đến loài gà, loài chó với những đặc tính lạ lùng của nó mà để cho mai một đi, chẳng lỗi lắm sao? Bây giờ ông Hai không thể làm được những gì to lớn để góp phần vào đại cuộc thì một chứng tích của đại cuộc ấy cũng không đành đoạn để bị tiêu trầm. Biết đâu con chó này sẽ chết đi và bây con nó, cháu nó sẽ còn tồn tại, tiếp tục một nòi giống tốt ở trong đời sống phố phường, làng mạc, giúp ích được cho con người không biết chừng nào.

Rồi sẽ có ngày nào đó nhiều người còn nhớ đến nguồn cội nó, nhắc lại sự tích của cha ông xưa, và những cổ tích của loại chó ấy biết đâu không sẽ trở thành bài học phấn khởi cho biết bao người?

Vốn quen biết nhiều trong dân làng nhậu, có sự giao thiệp khá rộng, ông Hai cũng đã để tâm đến nhiều những cô chó khác. Ông cũng dựa theo tính tình của con chó nhà mà chọn bạn đời cho nó. Nó vốn trầm tĩnh, nghiêm trang, hiền lành, kín đáo, không thể kiếm một người vợ sẵn sàng, những loại chó cái bông lông ưa sự chạy đuổi chung quanh bờ rào hay thích la cà dưới trăng với những anh chàng xa lạ. Hơn nữa, sức khỏe của con chó Vá bây giờ đã suy giảm rồi. Tìm một cô nàng sinh lực dồi dào, có một bản năng hiếu động cũng không phù hợp. Ban đầu đến nhà Tư Hải thấy một con Vện thật là hiền lành, ông Hai để tâm quan sát. Con chó không to lớn lắm, bề ngoài sạch sẽ dễ coi, cung cách đi đứng chào hỏi chủ nhà hay là đón tiếp khách lạ cũng không ồ ạt, sẵn sàng. Trong những bữa nhậu, nó không tranh giành gấu ó với những đồng bọn trong nhà, và theo Tư Hải cho biết thì cứ về đêm nó vẫn nằm ngủ ngoài hiên, kể cả những hôm mưa lạnh để mà bảo vệ nhà chủ. Tư Hải cũng còn nói đến nhiều sự khôn ngoan đặc biệt của con vật đó ở trong sinh hoạt thường ngày. Những lúc đi xa, con chó không theo Tư Hải, nhưng các đứa bé trong nhà bước ra khỏi ngõ là nó lẻo đẻo theo sau, sẵn sàng nhảy đến gầm gừ với những con chó khác lạ khi chúng đến gần chủ nó hoặc là sủa vang xua đuổi những đứa trẻ khác chòng ghẹo chủ mình. Đuổi gà phá luống

rau cải, bắt chuột ở trong nhà bếp, ngăn ngừa con mèo háu ăn đánh cắp thực phẩm, quả con Vện nhà Tư Hải cũng thuộc về dòng chó quý và thuộc mẫu mực những bà nội trợ hiền lương. Kiếm một con chó như thế đem về làm vợ cho con chó Vá ở nhà thật là xứng đáng. Bây giờ đã hết thời kỳ giang hồ ngang dọc, con Vá kia sẽ yên lành bao nhiêu bên người bạn đời hiền thực, khôn ngoan như thế. Ông Hai quyết định sự chọn lựa ấy nhưng vẫn chưa nói cho một ai hay. Một hôm, lại trong bữa nhậu, quanh quẩn với đề tài chó, luận bàn về chó và người, ông Hai lần hồi đưa đến kết luận về sự đổi chác hay sự mua bán có thể xảy đến giữa những con chó nhà họ. Tức thì Tư Hải kêu lên:

- Không, tôi thì nhất định không bán con Vện cho bất kỳ ai, dầu bằng giá nào.

Ông Hai liền hỏi:

- Sao vậy?

Ông Tư trả lời:

- Thì có gì đâu: mình chưa đến nỗi đói khổ phải bán con chó của mình. Hơn nữa, nó đã ở tốt với mình quá đổi, bán đi sao đành? Con chó mà đã có nghĩa với mình như vậy, lẽ nào mình lại tham tiền mà xử tệ hơn cả nó hay sao?

Ông Hai cười nói:

- Sao lại bảo rằng xử tệ? Nếu bán để nó được nơi no đủ nhiều hơn, được người chăm sóc kỹ hơn, thì chẳng là quý hơn không?

Ông Tư đáp xẵng:

- Tôi sợ con chó nó không tính toán như thế. Nó không có nghĩ lợi hại như người mà tính thiệt hơn.

Câu trả lời tuy thành thực nhưng lại ngụ cái ý tưởng xúc phạm đến ông Hai Thìn. Tuy vậy, ông Hai không giận. Giận dữ thường làm hỏng việc. Ông tự trấn tĩnh được mình và cười đáp lại:

- Nó không biết tính thiệt hơn thì chủ nó phải tính giùm nó chứ.

Bấy giờ ông Tư mới tiết lộ thêm một sự thật khác:

- Thực ra cũng chẳng biết ai mà đối xử tốt với nó hơn mình. Đổi chác con chó lợi lộc bao nhiêu mà mang tiếng đời không ít. Lại có điều này, con Vện nhà tôi tuy vậy mà thuộc dòng dõi hiếm con. Con mẹ của nó trước kia cũng chỉ sinh mỗi mình nó. Và bà ngoại nó cũng chỉ sinh được mỗi mình mẹ nó mà thôi. Có lẽ là loài chó quý sinh đẻ không nhiều.

- Cái đó chưa chắc đâu ông Tư ơi.

Cả hai tay nhậu đều cười vui vẻ nhưng chính câu nói vừa rồi của ông Tư Hải tuy có phần nào làm cho ông Hai thất vọng nhưng cũng giải tỏa cho ông được một thắc mắc: ông nhận thấy ngay con Vện không thể nào là người vợ lý tưởng cho con chó Vá nhà ông. Bởi lẽ nó thuộc về dòng sinh đẻ hiếm hoi, còn ông cần có cả một nòi giống phồn thịnh. Ông tự nhủ mình: "May quá, mình quên hỏi rõ cái chi tiết ấy mà thằng cha Tư vô tình lại cho mình biết. Dem một con chó như thế về sống với một anh chàng có vẻ không mấy nhiệt tình trong sự thương yêu, dễ gì kiếm được ít con chó nhỏ để mà gầy giống. Phải chọn một con chó cái thuộc loài đẻ nhiều mới được. Đó là tiêu chuẩn hết sức quan trọng trong sự chọn lựa".

Và ông Hai Thìn tiếp tục công việc tìm kiếm của mình. Ông mở mang thêm các mối giao thiệp, lân la đến các gia đình nhiều chó, quan tâm đến tất cả chó mà ông gặp gỡ trên đường, đề cập đến câu chuyện chó trong mọi tiếp xúc, dù với người thân hay là kẻ lạ. Tình thế và những sự kiện bất ngờ đã biến ông Hai thành một chuyên viên về chó, một nhà khảo cứu về chó mà ông không ngờ. Đôi khi ông cũng lấy làm buồn cười về sự hiểu biết quá nhiều của mình thuộc loài giống đó và đối với nhiều bạn hữu ông đã trở thành một cái đề tài giễu cợt rất là ồn ào. Người ta thường cười cợt hỏi:

- Chẳng hay tuổi của ông Hai thuộc về tuổi gì?

Và ông Hai Thìn cười đáp hết sức tự nhiên:

- Tuổi Tuất.

Thật ra ông Hai tuổi Dậu, là tuổi con gà. Nhưng gà hay chó, điều đó đối với ông Hai chẳng quan hệ gì. Con vật gán cho tuổi tác chỉ là một sự bày đặt và ông Hai Thìn không hề lấy đó làm điều quan tâm. Biết bao nhiêu là hạng người tuổi Cọp mà yếu như sên, hạng người tuổi Trâu mà lười như quỷ. Cái tuổi thuộc về con gì là một sáng chế nhằm nhí, ăn nhập gì đến vận mạng cũng như ý chí của những cá nhân phải sinh hoạt trong guồng máy xã hội? Nhưng sự kiện ông Hai Thìn quan tâm quá nhiều đến loại chó cái cũng khiến nhiều người nghiêm chỉnh không sao ngăn được nụ cười. Những sự cười cợt phần nhiều không tránh khỏi được nông nổi. Và không người nào hiểu được dụng tâm của ông trong việc kén chọn như thế.

Nhưng rồi mọi sự nhiệt thành, mọi lòng nhẩn nại phải dẫn đến đích. Cuối cùng ông Hai đã tìm được người bạn đường vừa ý cho con chó Vá của mình.

Người bạn đường ấy thuộc giống loại nào, và được xuất xứ từ đâu, đó cũng là câu chuyện dài mà chúng ta sẽ nói tới.

Chương ba

Trong lúc tình hình biến động, do những phong trào đấu tranh bùng nổ khắp nơi, nhà cầm quyền Pháp đã cho dời đồn cầu Vỹ xuống tại Bình Cách trấn ngã ba đường Bình Cách, Gò Cát, Tân Xuân, thẳng qua Gò Công. Cả vùng Cầu Vỹ, Mỹ Hội, Mỹ Chánh, Mỹ Phong được sĩ quan Pháp trực tiếp đưa lính lê dương và lính khố xanh tập trận, tuần rôn thường xuyên. Có khi bọn chúng căng lều ngủ đêm giữa ruộng đã gặt hái xong chỉ còn trơ các cuống rạ.

Thầy đội Sáu, từ khi được chuyển về Gò Cát cảm thấy số phận của mình càng hẩm hiu thêm. Ban ngày thầy phải dẫn lính biểu diễn đi a-la-mát ¹, ban đêm phải trấn tháp canh. Bây giờ thầy đã già rồi. Nhưng đời làm lính của thầy, kể cho đến già, vẫn chưa lúc nào hưởng sự thông thả.

Thầy đã bị đưa sang Pháp từ hồi thế chiến thứ nhất mãi cho đến năm 1924 mới được hồi hương. Trong thời gian dài sống ở xứ người, thầy chẳng mang về được kỷ niệm nào vui thú. Người ta vẫn bảo những kẻ đi xa về thường nói láo nhưng thầy, khổ thay, lại không có tài bịa đặt. Thầy cũng có cặp vài người vợ đầm, những kiểu lang chạ trong cái thời gian đánh đấm ở tại nước ngoài, nhưng sống với họ, thầy chẳng lưu giữ chút tình nghĩa nào. Vợ đầm không phải là một mơ ước của những con người chất phác có một đồng lương ít ỏi như thầy. Thầy cũng hay nói về những vườn nho, về những rượu chát, nhưng thầy không sao quên được những mùa tuyết lạnh thiếu cả than củi trong các lò sưởi và những trận mạc kéo dài nằm trong hầm hố ướt át, thiếu cả bánh mì, nhưng lại dư thừa tạc đạn quân thù. Tóm lại, với thầy, đi Tây trong khoảng gần mười năm ấy chỉ là một cuộc lưu đày mà thôi. Thầy thuộc vào những lớp người hiền lành, hoàn toàn để cho thời cuộc gần nhất đặt định, không hề biết đến phản kháng, và coi những loại ý kiến riêng tư trái với tình hình như là những đồ quốc cấm phải đem cất giấu càng kỹ càng tốt. Thầy đã vào lính là vì không còn cách nào khác hơn, và đã đi Tây vì không còn cách nào khác.

Đến ngày trở lại quê hương, vui mừng gặp được bà con hàng xóm, thầy tưởng sau trên mười mấy năm trời phục vụ mẫu quốc, bây giờ có thể giải ngũ để về kiếm một việc làm hợp với sở thích, nhưng vẫn không xong. Với một viên đội có nhiều kinh nghiệm chiến chinh như thế, người ta cần giữ thầy để huấn luyện tân binh. Cuộc đời huấn luyện lính mới cũng chẳng vui gì. Mỗi khi có chút biến động lại bị đưa đi đóng quân những nơi hẻo lánh, xa xôi. Ngoài khẩu phần và quần áo với một số lương mỗi tháng là ba đồng rưỡi, thầy khó lòng nuôi nổi một gia đình đông đảo. Nhưng đã nhiều năm quen bước một hai, quen hô khẩu

lệnh, bây giờ nếu rời quân ngũ thầy cũng không thể trở lại cuộc đời lao động chân lấm tay bùn để kiếm mỗi ngày từ hai cắc bạc đến một hào tư là cái giá biểu phổ biến trong tình cảnh ấy. Vì vậy thầy phải đành chịu để cho quan trên "lưu nhiệm" và không bao giờ hy vọng có ngày thăng chức.

Đúng ra, thầy cũng nhận thấy nghề lính đã làm hư nhiều tính nết của mình. Ban ngày tiếng là tập trận phải lo tuần rón, đi a-la-mát rập ràng nhưng trên thực tế thầy giao hết cho bác cai dưới quyền làm thay. Và trong khoảng thời gian ấy, thầy đi la cà nơi các hàng quán uống trà, nhậu rượu lai rai gọi là giao thiệp lấy lòng đồng bào. Bất cứ hành động nào lại không thể khoác lên những danh từ đẹp? Hết các tiệc ngọt, đến các tiệc mặn, luôn luôn thầy được dân chúng bao ăn, khỏi phải tốn hao tiền túi. Thỉnh thoảng họ còn biếu thầy con gà, con vịt, chai để đem về thết đãi anh em trong đồn. Chỉ có mỗi việc ban đêm phải thức điểm canh, tuần rón thì thầy đành phải cáng đáng vì không thể để ai thay thế được.

Thầy bỗng nhớ lại các sĩ quan Pháp thường hay nuôi chó béc-giê để bảo vệ mình, còn chắc ăn hơn là các vệ sĩ. Và thầy đội Sáu như tìm ra được đáp số cho bài toán khó. Nhưng rồi nghĩ đến giá tiền mua một con chó béc-giê bằng ba tháng lương, chưa kể đến việc nuôi ăn, chăm sóc hàng ngày, thầy lại cụt hứng. Hay là mình tập chó ta như loại chó xí, chó cò xem sao? Thầy đã nghĩ bụng như thế và bắt đầu tìm trong khắp xóm thôn, nhà nào có con chó tốt đang thời nằm ổ, hỏi xin một con chó đực.

Để tâm tìm kiếm thầy đã gặp được con chó tương đối vừa ý. Nhà ông giáo Tánh có nuôi cặp chó xi lùn. Con chó cái mới đẻ lứa đầu được hai con, và hai con đều chó cái, một con mình đốm, một con mình đen. Cố nhiên là thầy không thích chó cái. Nuôi chó cái lớn nó sẽ bỏ mình chạy theo chó đực, thật là uống công. Còn về chó đực, người ta có thể thiến đi để ép uống nó trung thành với chủ, hơn là có thể thấy nó cuốn gói theo một tình nhân nào đó ở ngã ba đường. Nhưng thầy nghĩ rằng một sự giáo dục thật là cần mẫn và một kỷ luật hết sức nghiêm minh vẫn có thể giữ con chó ở trong khuôn phép. Hơn nữa, loại chó này thật xinh đẹp và điều đáng tin cậy hơn là cha mẹ nó được ông giáo Tánh ca ngợi như là loài vật rất mực trung thành. Không thể chờ đợi lâu hơn, thầy đội quyết định xin một trong hai con đó. Ngày nào thầy cũng tìm đến trăm trờ, vuốt ve hai con chó con vừa mới biết ăn, nắn nì xin cho được một. Thấy thầy đội Sáu đã xuống nước nhỏ mà òn ỉ mãi nên ông giáo Tánh cảm lòng không đậu. Thầy Đội mừng rơn, dùng cái khăn tay quăn lấy con chó rồi ôm trùm trùm trong lòng, trước hai con mắt hậm hực của con chó mẹ.

Về đồn, thầy đặt tên nó là Quít, chịu khó nhai cơm để tập nó ăn. Thầy chăm sóc nó hơn là chăm sóc bầy con của thầy ở nhà, vì kể từ trước đến giờ đối với con cái thầy chỉ nhọc sức mỗi việc tạo ra, còn phần nuôi dưỡng thì giao hoàn toàn cho vợ. Con chó được thầy để ngủ dưới chân, trên một góc giường, trong một chiếc vớ nhà binh đã cũ. Khi nó thức giấc, đòi ra, thầy đem nó thả ngoài sân, tập nó đại tiện, tiểu tiện có nơi có chỗ. Chừng ba tháng sau, nó

đã bắt đầu biết đùa giỡn rồi. Thầy tập nó ngồi, tập đứng trên hai chân sau, và lẽ dĩ nhiên tập nó lạy nữa. Lần hồi, nó càng lớn lên, thầy tập các môn khó hơn nhiều, chẳng hạn ném banh bắt nó đi nhặt, cột chuột bằng sợi dây dài, bắt nó vồ lấy cho quen.

Con Quít lớn lên chỉ to bằng con nai con và không thể lớn hơn nữa. Nhờ sự luyện tập thường xuyên, nó thật gọn gàng, nhanh nhẹn và cũng dẻo để tinh khôn.

Mỗi lần đi chơi hay là dẫn lính đi tuần, cũng như ngồi gác, không có lúc nào thầy Đội rời xa con Quít. Con vật càng ngày càng giúp thầy nổi danh hơn và thầy cũng được nhiều người chú ý. Mỗi khi vào quán hay có ai mời dự đám kỵ giỗ, thầy có dịp bắt con Quít làm trò thu hút khán giả còn vui hơn xiếc. Thiên hạ trầm trồ tán thưởng, và nhờ con Quít, thầy Đội cũng được đãi đằng mời mọc luôn luôn. Không cần đến những món ăn được người cung phụng, con Quít còn có biệt tài tìm kiếm cho thầy những thực phẩm khác. Mỗi khi ra đồng, thế nào nó cũng sục sạo tìm kiếm khắp nơi và thế nào cũng tìm ra những ổ cà cúm, bắt được những con gà nước, ốc cao, mang về cho thầy rô-ti, tha hồ mà nhậu. Qua những cánh đồng có thả vịt đẻ, con Quít cũng biết lặn hụp mò trứng và thầy Đội không sao ăn hết. Chẳng những đã làm tai mắt cho thầy, con Quít còn đem lại những lợi lộc mà thầy không sao ngờ được.

Những khi một mình, thoáng thấy một người lạ mặt, nó sủa vang hồi. Tiếng sủa của nó dồn dập, khẩn cấp, vừa như uy hiếp để tấn công người khách lạ, vừa như báo động với mọi người ở chung quanh. Con Quít vừa sủa vừa chồm người tới, xoay quanh theo người vừa gặp, chứ không thuộc loại bỏ chạy để chồm đầu lại từng lúc như nhiều con chó thường làm. Tiếng sủa của nó như một màng lưới bao vây đối thủ, kỳ cho đến khi không thấy một ai xuất hiện và người lạ mặt cứ việc sấn sổ bước vào thì nó mới gầm gừ lên một cách đáng sợ và nhảy choàng tới như muốn tấn công. Tất nhiên, trước sự đe dọa như thế, người ta phải dừng bước lại. Nghe tiếng sủa vang, thầy Đội và đồng ngũ thầy đã được báo động, và dù bận việc họ cũng vội vàng đứng lên. Trái lại, những khi đi với thầy Đội, con chó không mấy khi sủa. Gặp việc gì lạ, nó chỉ chồm lên báo hiệu cho thầy. Đêm đêm, ngủ dưới chân thầy, thấy bóng những người *ba trui*², nó lấy hai chân phía trước cào nhẹ người thầy, đánh thức.

Con Quít hoàn toàn đáp ứng mơ ước của thầy đội Sáu. Nó đã bảo vệ cho thầy đồng thời sinh lợi cho thầy ngoài sức mong đợi. Từ đó, thầy coi nó như là bùa hộ mạng cho mình. Đi gần, đi xa, thầy Đội cũng dẫn nó theo. Nó là con vật chịu khó, làm việc dẻo dai như không biết mệt bao giờ. Từ ngày có nó, cuộc đời ở lính của thầy bỗng nhiên tươi tỉnh bất ngờ. Thầy Đội cũng nhận thức được về một thành kiến sai lầm từ trước của mình: cứ tưởng loại chó bẹc-giê mới là khôn ngoan, thật là ý nghĩ buồn cười! Nếu mà ngày trước, thầy có đồng tiền dư dả, thầy đã mua ngay con bẹc-giê rồi, đâu có may mắn mua được con Quít khôn ngoan là vậy. Những loại chó cỏ của xứ sở mình, dễ dàng thích nghi trong mọi điều kiện, nếu biết chăm sóc, nó cũng xinh đẹp, nếu biết dạy dỗ, nó cũng tinh khôn, có thể tinh khôn hơn là bất cứ giống chó nào trên thế giới.

Nhưng từ ngày có con Quít, nếu cuộc sống thầy tương đối bình yên và no đủ hơn thì tính thầy lại có thay đổi. Những sự dễ dãi thường làm con người lười biếng và món rượu chè dễ làm kích động thần kinh. Thầy Đội bây giờ lại hay nổi nóng một cách bất ngờ, và giữa cơn say nhiều khi thầy cũng lỡ tay đánh đập con Quít thân yêu của mình. Sự phục thù ngoan ngoãn của nó nhiều ngày đã khiến cho thầy có cái cảm tưởng là mình đủ quyền quyết định về nó, kể cả sự sống và cả sự chết. Hơn nữa, con người đối với loài vật có một ý tưởng khinh rẻ bắt rễ từ ngàn đời rồi. Thường thường sau khi tỉnh rượu, nhìn thấy vết bầm trên mình con vật thầy cũng ái ngại xót xa cho nó. Nhưng nó không biết giận hờn hay là không dám hờn giận. Nó vẫn vui mừng, vẫy đuôi, quẩn quýt bên thầy, hoặc chui đầu dưới chân thầy và nằm với một thái độ phủ phục của kẻ bề dưới, biết điều. Thầy lại lấy tay xoa lên mình nó, nói một đôi lời ngọt ngào, cho nó thêm vài lát thịt hay vài khúc xương nhiều hơn thường lệ, coi đó là sự bồi thường hậu hĩ của sự tàn nhẫn vừa qua. Những trận đòn ấy càng ngày càng thường xảy ra và sự ân hận ở nơi lòng thầy càng không bén nhay như trước. Chừng như suốt một cuộc đời từng phục, chỉ biết có mỗi một việc vâng lời, kể cả vâng lời những sự quá đổi bất công, thầy có những mối dồn nén bất bình ở trong tâm trí. Con Quít bây giờ là cái cơ hội thật tốt để thầy giải tỏa được những buồn phiền ngấm ngấm lâu nay, những nỗi buồn phiền mà thầy cơ hồ không nhận thức được rõ rệt. Ít nhất đó là một kẻ mà thầy có quyền hành hạ, tùy theo sở thích, lại được bảo đảm chắc chắn là không có oán thù nào. Đôi lúc, thầy cũng mơ hồ so sánh đời mình với đời con Quít. Đối với mẫu quốc, thầy chẳng đã là con Quít đó sao? Xa vợ, xa con, xa cả má mồ tiên tổ, gần như không nghĩ gì đến đất nước, quê hương thầy đã giam hãm đời mình trong một vòng trời kỷ luật, nhiều khi lao vào những chỗ hiểm nghèo, rõ ràng là đã làm lợi cho ai? Bởi vậy thầy đã hành hạ con Quít như chính thầy đã bị sự giày vò...

Bây giờ, đã có con Quít bên mình, thầy Đội có thể đi chơi thật xa đồn bót để thăm những bạn bè cũ quanh vùng. Trong số thâm giao hồi thầy còn đóng ở đồn cầu Vỹ, riêng có chú Chưởng là người mà thầy mến nhất. Chú vừa bán tiệm chạp phô vừa mở lò cạo heo thịt, tính tình thật là hào phóng, ăn ở rất thảo đối với bạn bè. Những khi túng ngặt, thầy đều nhờ đến chú Chưởng giúp đỡ. Chịu ơn quá nhiều mà chẳng bao giờ hy vọng có phen báo đáp, nên vào những hôm rảnh rỗi, thầy lại dẫn chó đến thăm. Có khi mượn cơ đi tập, thầy dẫn tốp lính đánh một vòng lớn từ bên Gò Cát qua đình Mỹ Phong, thầy Đội tìm một chỗ mát để lính gác chéo súng lại nghỉ chân đằng xa, rồi dẫn con Quít tới thăm chú Chưởng. Bao giờ cũng thế, vừa thoáng gặp thầy, chú đã kêu lên:

-Ồ, thầy *Lội*. Hay lắm.

Rồi chú sai người múc tô cháo lòng thật lớn, thái một đĩa thịt đầy ắp, mang ra chai đế hạng nhất, và mời thầy nhậu tha hồ. Con Quít ngồi bên cạnh thầy, ngược nhìn thềm thuồng thầy gắp từng miếng lòng heo, húp từng ngụm cháo. Thỉnh thoảng giữa cơn thưởng thức hào hứng như thế, thầy cũng liếc nhìn con chó, biết sự thèm khát của nó nhưng thầy giữ

phép lịch sự không dám gắp thịt cho con Quít ăn. Chú Chưởng là người tinh mắt và lại khéo xử nên đã vội vàng lấy miếng thịt quay dứt cho con vật. Con Quít né tránh, thối lui, trông rất buồn cười. Đây là con vật khôn ngoan và có giáo dục nên dầu thèm khát bao nhiêu cũng biết hạn chế ý mình. Chính sự từ chối của nó làm cho chú Chưởng cảm động. Chú bảo thầy Sáu:

- Thầy *Lội* bảo nó ăn cái *lày li*. Không được cái phép ông chủ, nó chẳng ăn *lâu*.

Thầy Đội làm như là bị ép buộc, ngần ngừ giây lát rồi mới cúi xuống ra lệnh:

- Quít, chú đã có lòng cho ăn thì mày ăn đi. Tao cho phép đó.

Bây giờ con Quít mới từ tôn ngọam miếng thịt, đi dang ra xa, ngồi ăn. Chú Chưởng lại sai người múc bát cháo bỏ ít thịt vào, nói với thầy Sáu:

- Thầy *Lội*, *lưa* nó ra sau cho nó ăn cái *lày li*.

Thầy Đội hiểu ý, gọi con chó ra sau nhà, cho nó ăn cháo. Giữa cái thời buổi kinh tế đang cơn khủng hoảng, cho chó ăn thịt trước mặt mọi người dễ khích động lòng căm giận. Chú Chưởng biết chủ con chó còn sống thiếu thốn, làm gì nó được ăn uống đủ đầy. Thường thường, sau khi ăn nhậu no say, thầy Đội mới hỏi thăm đến sức khỏe gia đình, công việc làm ăn chú Chưởng.

- Này chú, làm ăn dạo này khá không?

- Thời *pủi* này, kiếm cho *lủ* sống là may rồi.

- Tình hình xóm làng ở đây có được an ninh không chú?

- An *linh* mà. Mình có cắt cổ ai *lầu* mà họ cắt cổ lại mình.

- Thím Chưởng có sinh được cháu nào không?

-Ồ! Cái *ló* thì không. Nó không chịu *lẻ*, nhất định không *lẻ*...

- Chú còn trẻ mà, lo gì. Thông thả rồi để.

Chú Chưởng lắc đầu quày quật:

- Khó lắm. Cái *lày* là tại tôi thôi. Chó còn mẹ vợ của tôi thì mẹ *lẻ lược*. Hồi lấy cái *lời* chồng trước, mẹ có *lẻ* mà. *Lẻ lược* một *lứa*, hoang *làng* như quý.

Thầy Đội cũng biết thím Chưởng đã có đứa con với đời chồng trước. Thằng bé tên Múi, vẫn được chú Chưởng nuôi dưỡng và coi như con của mình. Nhưng thằng bé lại lêu lổng, không chịu học hành, bán buôn gì cả. Thầy không muốn nhắc đến nó, sợ gọi thêm sự phiền lòng nơi người bạn mình. Nhưng chú Chưởng không cố chấp, đối với bạn bè chú rất thật lòng. Sau màn thăm hỏi của thầy, chú Chưởng bắt đầu thăm hỏi về phần của chú. Nào là thím Đội có mạnh hay không, mấy đứa bé con ở nhà học hành ra sao, thầy có nghe tin thằng

quan tiền chức gì chưa. Mỗi lần câu chuyện cũng cứ quanh đi quẩn lại bấy nhiêu vì không còn gì để nói hơn nữa. Họ thuộc vào hai lớp người có những sinh hoạt khác nhau, chỉ có mỗi điểm gặp gỡ là chút rượu thịt. Hơn nữa, chú Chương là hạng rất biết chiêu đãi người có thể lực, và những người như thầy Đội, có lính trong tay, trấn giữ đồn bót địa phương là những con người cần phải quen thân càng nhiều càng tốt. Trong cuộc hỏi thăm, chú nghe thím Đội mới sinh một đứa bé con, chú mừng rỡ lắm. Chú mau mắn cắt một chân thịt nạc, mở tủ lấy một nắm bạc rồi giúi vào tay thầy Sáu. Thầy Đội lúng túng, chỉ xin nhận thịt nhưng từ chối tiền. Thầy cắt cả hai tay ra sau lưng để khỏi nhận lấy số bạc. Nhưng khi thầy đưa hết cả hai tay ra sau thì túi quần thầy để trống và chú Chương vội nhét tiền vào đó. Cố nhiên là thầy Đội càng lúng túng hơn và đành để yên như vậy. Để gỡ cơn bối rối ấy, thầy nói:

- Chú tử tế quá, cảm ơn chú nhiều. Bây giờ anh em chờ ngoài cũng đã lâu rồi, thôi xin được kiếu ra về.

Chú Chương sốt sắng:

- Thầy dẫn anh em lại *lây* hết *li*. Mỗi người phải uống với tôi lấy thảo mới *lược*.

Sợ không dẫn anh em đến thì hóa ra mình chỉ lo mỗi việc ăn nhậu no say một mình, nên thầy Đội lại ra ngoài, tập hợp số lính đang ngồi chờ đợi rục rã ở dưới bóng cây và đưa vào nhà chú Chương. Thầy ra huấn lệnh:

- Uống một chén rượu thôi ghen. Hàng quán người ta mà làm thẳng cánh thì có mà đẹp tiệm sớm.

Lần lượt mỗi người ăn một miếng thịt, uống cạn một ly rượu nhỏ. Đối với mọi người Việt Nam, chú Chương đối xử thật là rộng rãi, vì chú đã nhận đất nước này làm quê hương. Chú cũng thường nói là chú đã sống ở đây và cũng sẽ chết ở đây, chết với hai bàn tay trắng. Chú không hề có ý định mang những của cải về Tàu. Dù có công sức của mình, nhưng mà của cải làm ra vốn là của xứ sở này, đâu có mang về Tàu được? Chú cũng tâm sự với thầy Đội là muốn đãi hết lính tráng trong đồn thì chú làm nguyên con heo lớn mới đủ, nhưng làm như thế thật là tốn kém mà cũng phiền phức. Riêng về thầy Đội, nếu cứ mỗi ngày đãi một tô cháo hay một đĩa thịt thì chú đãi được, và nếu thầy Đội chịu khó về đây hằng bữa thì chú sẵn sàng. Nếu liệu đi xa không nổi thì cứ mỗi tuần thầy đến một lần.

Tình nghĩa như thế thật là êm đẹp. Thầy Đội hoan hỉ và thầy tập hợp:

- *Cô-lon pa-đơ!* ³

Rồi lấy gân cổ, thầy hét:

- *Lạp xi pun. Ất!* ⁴

Để cho mọi người cùng chào chú Chưởng cái rụp. Chú Chưởng sung sướng, đứng ở trên thềm, ngơ ngàng đưa một cánh tay lên chào trở lại. Thầy Đội lại hô:

- *Ấn na-quảng, mát!*⁵

Đoàn quân nhíp nhàng theo bước *on, đơ*. Thầy Đội cúi chào lần chót, dạy con Quít xá chú Chưởng mấy cái rồi rảo bước theo anh em.

o

Một hôm, thầy Đội đến chơi cho biết tình hình bây giờ đã yên ổn rồi và thầy cũng sắp sửa ngày về hưu, trở lại quê nhà, chắc còn lâu lắm mới mong có dịp gặp lại chú Chưởng. Có vẻ xúc động trước cái tin ấy, chú Chưởng tổ chức một buổi rượu thịt ê hề thết đãi thầy. Bữa tiệc có cái tính cách tiễn đưa vĩnh viễn làm cho thầy Đội cảm thấy buồn lòng. Rượu ngà ngà say, thầy lại càng thấy buồn lòng hơn nữa. Cuộc đời của thầy, vào buổi chiều tà bóng xế, chẳng còn giữ lại được gì. Những bữa rượu thịt no say như thế này đây, cũng không còn nữa. Con Quít trở về sống trong gia đình kham khổ, ăn cám lứt heo, liệu còn có chịu nổi không? Thầy sẽ làm gì để nuôi một bầy con dại, với cái sức khỏe đã suy mòn rồi, với cái đồng lương hưu trí gầy guộc, mỏng manh? Bao nhiêu sự tình đó được men rượu làm thành cay đắng và thầy cúi xuống nắm đầu con Quít kéo lên như xách một kẻ thủ phạm bắt ngay tại trận.

Con Quít có vẻ đã quen những trò dằn vặt như vậy nên không lộ chút xúc động, bình tĩnh trong một dáng điệu phục tùng, chờ đợi những cơn thịnh nộ thường xuyên của chủ. Bỗng nhiên thầy Sáu chửi lên:

- *Xà lù, mẹ!*⁶

Rồi thầy quật mạnh nó xuống nền gạch. Con Quít bị va đầu vào chân ghế, choáng váng mặt mũi. Nhưng giống như mọi con người trung thành với chủ, nó không được quyền biểu lộ những sự đau đớn của mình. Với cái dáng điệu lão đảo, nó lại ngồi lên, rướn người tiến lại phía chủ, sẵn sàng để nhận lệnh mới. Đối với thầy Đội bây giờ thái độ con Quít có vẻ như sự khiêu khích. Và thầy trợn mắt, thu tay, lấy đà phóng cái mũi giày đinh nhọn vào giữa đầu nó. Con vật bị đá nhào ngửa, kêu lên ăng ẳng. Thầy Đội vớ cái ly rượu còn thừa chút cạn, hất lên mặt nó, rồi cười ha hả.

Chú Chưởng ngồi yên sững sờ trước cảnh tượng ấy. Chú thật không ngờ thầy Đội có thể làm thế đối với con vật khôn ngoan, tận tụy dường kia. Chú cũng không sao ngờ được thầy Đội có lối xử sự lạ lùng như vậy. Theo con mắt chú, thầy là một người hiền lành tử tế, chứ đâu phải kẻ hung ác, dữ dằn. Hay là từ bấy lâu nay thầy Đội đã khéo che giấu bản chất tàn bạo của mình, và bây giờ đây nhân một cuộc rượu quá đổi no say, cái bản chất ấy mới lộ nguyên hình? Chú Chưởng bối rối, ngơ ngác như đối diện với một người lạ mặt. Bỗng chú thấy thầy Đội chồm về phía con chó đang nằm quằn quại, co một chân lên, chú không ngăn

được bất bình nhảy tới xô mạnh vào thầy, cốt để cản ngăn kịp thời một cái hành động bạo tàn. Chú kêu:

- Không *lược*! Không *lược*! Thầy *Lội* bắt nhân quá hà!

Thầy *Đội* bị đẩy ngã nhào ra sau, va đúng vào cái thành ghế đầu giường, tức giận tràn hông, đứng dậy ra về không một tiếng chào. Thầy đi loạng choạng, lảo đảo, đôi mắt đỏ kè, hai tay vung vẩy như muốn phân bua với một người nào tưởng tượng ở trước mặt mình. Chú *Chưởng* cũng không thấy cần xin lỗi trước một hành động như thế. Nhưng con chó *Quít* thì đã gượng dậy chạy theo chủ nó, đầu cúi thấp xuống với một thái độ khổ tâm. Buổi ấy, thầy *Đội* chệnh choáng về đồn, nằm vật xuống giường rồi lại ngồi dậy. Đầu óc của thầy vẩn vù, rối loạn. Ý nghĩ về một ngày mai thật là tối tăm. Thầy cảm thấy mình đã bị xúc phạm nặng nề bởi con chó *Quít*. Bây giờ thầy sắp về hưu, con vật có lẽ không cần thiết nữa. Nuôi nó trong những điều kiện kham khổ, chắc gì nó còn chịu ở với mình? Để nó sống với người khác, làm lợi cho người khác, thiệt là uống công dạy dỗ lâu nay... Nhưng đem bán nó để lấy tiền xài, liệu bán được bao nhiêu đó mà mang tiếng đời? Trong cơn tức giận của sự xúc phạm vừa rồi ở nhà chú *Chưởng*, thầy *Đội* hằm hằm đứng dậy vẫn chưa thấy tỉnh cơn say. Thầy rút súng, đi ra ngoài đồn, xuống dưới bậc sông, leo lên một chiếc tam bản. Con *Quít* vội vàng nhảy theo lên ngồi ở phía sau chủ. Thầy đưa mái chèo đẩy chiếc xuồng nhỏ lướt ra giữa dòng. Thỉnh thoảng thầy vẫn đi xuống như thể săn bắn vịt trời, gà nước ở chung quanh đây. Bây giờ lại được đi săn với chủ, con *Quít* tuy bị ê ẩm do sự hành hạ vừa rồi, nhưng vẫn cảm thấy vui lòng vì được phục vụ. Thuyền ra theo dòng nước chảy vào một mạn đồng, hai bên mọc đầy lau lách. Thầy *Đội* thấy cặp vịt nước đang nằm phơi mình trên đám lục bình, ra lệnh con *Quít* nhảy xuống.

Con *Quít* cố bơi nhanh hơn dòng nước, tiến gần đám bèo. Thầy *Đội* chỉ đợi có thế. Thầy đưa súng lên, nhắm phía sau đầu của nó bắn tới. Nhưng chiếc xuồng nhỏ chao đảo trên dòng nước trôi, không có thăng bằng. Trong cơn váng vất của một đầu óc buồn phiền chưa phai men rượu, mũi súng chúi xuống, đạn bị sức cản của nước chạy vệt lên trời. Hai con vịt nước giật mình, tung bay. Thầy *Đội* hấp tấp nổ tiếp phát súng thứ hai, nhắm vào con *Quít*, con vật vô tình đang bơi ngơ ngác giữa đám lục bình mất dạng con mồi. Nhưng thầy *Sáu* mất bình tĩnh, mũi súng giật ngược trở lên, và viên đạn bay không biết hướng nào. Kể ra thầy không phải là một tay thiện xạ và các thành tích của thầy cũng chẳng đưa thầy từ lâu, qua các chiến trận, lên một địa vị cao hơn. Nhưng khi mũi súng giật ngược trở lên thầy đã ngã về phía sau, và chiếc tam bản gặp dòng nước xiết nghiêng chành khiến thầy nhào ngã xuống sông.

Thầy *Đội* vì những quân phục nặng nề, phần vương cây súng, phần bị tiệt nhậu đã làm choáng váng nên không thể nào lội được.

Thầy cố vùng vẫy nhưng càng nỗ lực bao nhiêu càng uống nhiều nước bấy nhiêu. Sặc sụa, đuối sức, thầy bị dòng nước cuốn trôi và chìm dần xuống sông sâu. Cái chết coi như thấy rõ trước mắt và cuộc đời thầy không được hy sinh ở chốn chiến trường để mà đền ơn mẫu quốc, bây giờ lại chết ở nơi dòng sông hẻo lánh, vùi mình dưới đáy sông lạnh.

Chiếc tam bản không người chèo nổi nhẹ trên dòng nước cuốn, lững lờ trôi đi. Nhưng giữa lúc ấy, con Quít nhìn thấy chủ rơi xuống nước. Nó bung hết sức còn lại, lội ngược dòng sông tìm đến cứu chủ lúc đó đã hụp xuống rồi. Con vật lặn xuống, cắn vào cổ áo thầy Đội, nâng người chủ lên, vừa bơi vừa đuổi theo chiếc tam bản. Thầy Đội hoàn hồn, nước lạnh và sự nguy hiểm làm cho tỉnh táo, thấy con Quít đến cứu mình, thầy vừa thở dốc vừa vùng vẫy bơi để tự cứu lấy. Cả hai vất vả một hồi khá lâu mới đuổi kịp chiếc tam bản. Thầy Đội hào hển, chỉ kịp với tay nắm lấy chiếc xuồng rồi dựa vào đó để thở trong khi con Quít rảnh rang leo lên ngồi giữa khoang xuồng rảy nước. Sau chừng ít phút, lấy lại hơi thở điều hòa, thầy Đội lóp ngóp leo lên chiếc xuồng. Thầy không dám nhìn con Quít, vì thầy cảm thấy xấu hổ với nó. Thầy đưa mái chèo nặng nhọc bơi xuồng về đồn, đôi lúc thắc mắc tự hỏi không hiểu vì sao mình có ý định lặn xuống giết con chó Quít!

Con Quít chẳng hay biết gì về ý định ấy, nhưng dù có biết rõ ràng dụng ý chủ mình, e rằng nó cũng không mang chút oán hận nào. Khi bước lên bờ, cột xong tam bản vào chiếc cọc gỗ, thầy Đội bước đi nặng nề như bị sức nặng của lòng hối hận đè trên người mình. Một đôi người lính trên đồn có vẻ cười cợt về chuyến săn bắt tay không của thầy và cũng lấy làm ngạc nhiên về thân hình thầy ướt đẫm, cái dáng điệu thầy bơ phờ. Nhưng chuyến săn này, thật sự thầy Đội đâu có trở về tay không? Thầy đã săn bắt được lương tâm thầy, một lúc nào đó tưởng như sống chạy. Và con Quít kia rõ ràng là đã cứu thầy khỏi chết. Nó đã cứu thầy khỏi làm một việc bất nhân, nhưng chính cái sự vô tâm của nó trước tội ác đó và sự trung thành bền bỉ của nó đã làm cho thầy cảm thấy sâu xa hơn bao giờ hết bản chất ti tiện của tâm hồn mình.

Thầy Đội thấy rõ là mình không còn xứng đáng với con chó nữa. Con chó tốt quá mà thầy thì xấu xa quá. Sự hiện diện của nó ở trước mặt thầy thường ngày như nhắc nhở lại điều làm thô鄙 vừa qua, thầy Đội suy nghĩ, và đến một hôm gần ngày trở lại quê nhà sống đời hưu trí, thầy dắt con Quít đến thăm chú Chương một lần cuối cùng. Thầy có ý định rõ rệt về chuyến đi này, nhưng bước lên thềm tiệm chú, thầy cũng cảm thấy ngượng ngùng. Chú Chương có hơi ân hận ít nhiều về cái thái độ hôm trước nhưng vẫn âm thầm nhận thấy là sự phản ứng của mình hoàn toàn hợp lý hợp tình nên không nghĩ đến một sự xin lỗi thầy Đội. Nay thấy thầy Đội trở lại, chú có lòng mừng. Chú nghĩ là thầy đã không giận chú vì sau khi tỉnh cơn say, thầy đã thấy lỗi của mình. Những kẻ say sưa dễ thành tàn bạo, thầy Đội đâu có hành hạ con chó giữa cơn tỉnh táo? Và lại, ý nghĩ về sự thết đãi niềm nở của mình đối với thầy Đội có thể là điều kiện tốt để mà dễ dàng xóa bỏ giận hờn, nên chú bước ra hớn hờ cầm tay thầy Đội dắt vào trong nhà:

- Vào *lây*, vào *lây*, thầy *Lội*.

Rồi chú vội bảo người nhà múc cháo, dọn thịt, đem thứ rượu nhất ra mời. Nhưng thầy *Đội* đã khoa tay:

- Thôi chú, đừng bày ăn uống làm gì.

Đây quả là điều lạ lùng hết cỡ. Thầy *Đội* đến đây mà không cần phải ăn uống, vậy đến làm gì? Từ xưa đến nay, chuyện này mới có lần đầu và đáng cho chú ngạc nhiên không ít:

- Sao *dậy*? Có chuyện gì *dậy*? Cái gì cũng phải ăn uống *lã* mà.

Thầy *Đội* có vẻ ngượng ngập, rồi mới trình bày cho chú *Chưởng* rõ:

- Chú nè, tôi sắp về hưu, và tôi còn mỗi việc này cần phải giải quyết.

Chú *Chưởng* vội hỏi:

- Việc gì?

Thầy *Đội* dừng lại như tìm một cách trình bày cho thật dễ nghe, rồi đáp:

- Mai đây, tôi phải về quê. Từ bấy lâu nay chú đối với tôi thật là tử tế. Tôi nghĩ không có cách gì đền đáp tấm lòng tốt ấy nên muốn giao lại cho chú con *Quít* để nó giúp chú coi góc cửa hàng trong lúc đêm hôm. Bây giờ công vụ của tôi chấm dứt, lưu giữ nó không ích gì. Hơn nữa, về quê chúng tôi ở nơi đồng bãi, nó sống khổ sở không sao bằng được như đây là nơi chợ búa, bán buôn sung túc.

Chú *Chưởng* có vẻ cảm động trước lời lẽ ấy, cầm tay thầy *Đội* mà nói:

- Tốt lắm, thầy *Lội* ăn ở với tôi như *dậy* thật là tốt lắm. Nói rằng vì chút tình cảm của tôi mà thầy *Lội* giao con chó thì tôi không có *pằng* lòng. Là chỗ giao tình, không có gì mà thầy phải *pận* tâm. Nhưng thầy *Lội* sợ con chó khổ sở, giao cho tôi nuôi thì tôi *la* tạ, nhưng tôi chỉ sợ thầy *Lội* nuôi nó mền tay mền chân, *pây* giờ phải ở với tôi, nó không chịu *lâu*. Thôi thầy cứ *lem* nó về, chừng nào thầy *luôi* không *lối* nó thì hãy hay. Nó ăn uống gì *pao* nhiều mà sợ?

Thầy *Đội* trả lời:

- Nó khôn ngoan lắm, tôi bảo ở đâu thì nó ở đấy. Để nó về nhà phải ăn chung cám với heo, nghĩ cũng tội nghiệp.

Chú *Chưởng* vui vẻ:

- Vậy thầy *pảo* nó chịu ở lại *lây* thì tôi nhận liền.

Thầy *Đội* nắm tay chú *Chưởng* đặt trên đầu nó, rồi nghiêm sắc mặt bảo nó:

- Này *Quít*, từ đây chú *Chưởng* là chủ của con.

Con chó ngược nhìn hai người rồi lại cúi xuống, lặng lẽ. Thầy dắt nó vào giường ngủ chú Chưởng, đi quanh một vòng rồi lại dắt đến nơi cửa bảo nó nằm xuống, dặn dò:

- Con có bốn phận ngủ đây và canh cửa này.

Thầy chậm rãi nói tiếp như đang tâm sự với người thân yêu sắp sửa chia tay trong cuộc giã biệt lâu ngày:

- Ở đây, con được sung sướng tắm thân và giúp được ta đền ơn đáp nghĩa trước khi ta phải giải ngũ về lại quê nhà. Nhớ lời ta dặn, nghe con!

Thầy vỗ đầu nó, dặn dò nằm yên không được nhúc nhích, rồi bước thụt lùi đi dần ra phía nhà trước. Con vật nằm yên thín thít như hiểu rõ được tâm trạng thầy Đội. Chờ một lúc lâu, nó phóng ra ngoài, sấn đến chân thầy. Mỗi tình quyến luyến từ bấy lâu nay khó lòng dứt bỏ đột ngột như thế. Con vật như xoắn lấy thầy, đưa mõm ngửi hít chung quanh mình thầy và ngược đôi mắt ẩm ướt như tuồng van lơn. Thầy Đội bỗng thấy xúc động, quay mặt nơi khác để khỏi nhìn thấy con vật triu mến như đang kêu gọi một ân huệ nào. Thầy nói nghẹn ngào:

- Ở đây, con sẽ sung sướng hơn nhiều. Hãy nghe lời ta.

Rồi thầy thò cái bàn tay run run móc trong túi ra một sợi xích nhỏ, bấm vào khuy cài ở khoen cổ nó, trao đầu dây cho chú Chưởng. Chú dẫn con chó vào trong. Thầy Đội dỗ dành nó lần cuối cùng:

- Ở đây, không được cãi lệnh, nghe chưa?

Thầy cố nói bằng một giọng quyết liệt như khi cần phải ra một nghiêm lệnh cho thuộc cấp. Rồi thầy quay ngoắt ra phía nhà ngoài không dám nhìn lại nó một lần nữa. Chú Chưởng ra theo, đến tủ mở lấy sáu đồng bạc đặt lên bàn, ở trước mặt thầy:

- Thầy chắc *piết* pung tôi *dồi*. *Lừng* nghĩ *lồng* tiền này *lối* con chó. Thầy cầm số tiền *lày* về làm vốn. Tôi nuôi con chó thay thầy. Công luyện tập nó thành thực như là ngày nay không thể nào *lánh* giá *lược*. Dầu có *pao* nhiều tiền của cũng khó lòng tìm mua *lược* con vật khôn ngoan như *dậy*. Thầy *lừng* thắc mắc gì hết mà phụ lòng tôi.

Thầy Đội không còn từ chối cách nào khác được, cảm ơn chú Chưởng, cất sáu đồng bạc vào túi. Trước khi từ giã, thầy muốn quay vào thăm nó một lần cuối cùng, số phận con Quít bị thay đổi chủ bất ngờ và nó hết sức buồn bã trước sự tình ấy. Nó thấy mình bị xích lại, đặt nằm trong một căn buồng xa lạ, chủ lại ra lệnh bảo phải nằm yên - giọng nói cứng rắn và nặng nề kia chắc là có chuyện cần sự phục tùng. Khi thấy thầy quay trở lại, nó thật mừng rỡ, ngoắt đuôi, ngoắt đầu như muốn chồm lên nhưng nhớ lại sự dặn dò vừa qua nó không dám bày tỏ hơn một sự đón chào nồng nhiệt. Thầy Đội cúi vỗ đầu nó mấy cái, vuốt lên mình nó không nói năng gì, rồi thầy đứng lên từ giã chú Chưởng, bước nhanh về phía cầu Vỹ, cố giấu một sự xúc động.

1 A-la-mát, từ tiếng Pháp à la marche! (đi bước đều).

2 Ba trui: (patrouille) đi tuần.

3 Colonne par deux: sắp hai hàng.

4 L'arme sur l'épaule: súng lên vai

5 En avant, marche: đằng trước, bước.

6 Salaud, merde: tiếng chửi tục tũu.

Chương bốn

Buổi chiều hôm đó, người nhà chú Chưởng đem đĩa cơm trộn thức ăn đặt dưới chân giường. Con Quít ngẩng đầu, quay nhìn rồi lại lặng lẽ cúi xuống, đặt mõm lên hai chân trước thở dài. Nó không ngủ đến thức ăn mặc dầu chú Chưởng cũng đã lưu ý cho những món ngon để mà chiêu đãi khách mới. Đêm đến, sau khi đóng kín cửa trước, chú Chưởng mở xích cho nó thông thả ra ngoài. Chú sợ cột mãi một chỗ lâu quá, nó sẽ làm bẩn trong phòng. Nhưng chú quá lo, con Quít là một con vật sạch sẽ, không bao giờ làm bậy bạ trong nhà. Suốt đêm hình như con vật hết đi lang thang quanh sân lại ngồi lặng lẽ ở dưới mái hiên hướng về chốn cũ. Đôi lần thức giấc, mở cửa nhìn ra chú vẫn thấy nó lặng lẽ ngồi yên hay đi thất thểu chung quanh vòng rào. Có lẽ trọn một đêm dài con Quít đã không nhắm mắt phút nào. Vào sáng hôm sau, chú Chưởng cầm miếng thịt lớn đem đến trước nó để nó nhìn thấy rồi chú lè lưỡi liếm trước và trao cho nó.

- Quít, ăn *li*, tao không có thuốc mày lâu.

Con chó tỏ vẻ ngần ngừ rồi hơi cúi đầu tới trước, ngọam vào miếng thịt một cách nhỏ nhẹ. Nó ăn chậm chạp từ tốn, có lẽ là vì tuân lệnh hơn vì thèm khát. Thấy nó chịu ăn, chú Chưởng mừng lắm. Đợi nó xong bữa chú lại vỗ vào đầu nó nhẹ nhàng, rồi dắt ra ngoài thót thịt dạn dò:

- Nay Quít, tao giao cho mày nằm dưới thót thịt *lẻ* canh chừng mèo. Có người lên mua thì nhớ sữa lên, nghe chưa?

Nó nằm yên dưới thót thịt, đưa mắt nhìn từng người qua kẻ lại. Mỗi khi thoáng thấy bóng dáng con mèo từ xa, nó vọt nhanh như mũi tên, phóng đuổi. Con mèo vội vàng nhảy lên nóc nhà, trốn biệt. Con Quít lại quay về nằm chỗ cũ. Thấy người nào dừng lại trước thót thịt, nó sữa lên một tiếng ngắn vừa đủ báo hiệu cho người nhà biết, vừa đủ cảnh báo khách hàng rằng có một sự kiểm soát trực tiếp tại chỗ về "quyền sở hữu" của thót thịt này.

Dần dà được sự ăn uống no đủ và sự chăm sóc vỗ về, con Quít làm nhiệm vụ mới một cách ngoan ngoãn và quen dần đi với khung cảnh mới. Bây giờ một cuộc sống khác đã làm đổi thay người nó. Về với chú Chưởng nó không còn được chạy nhảy thỏa thích ngoài đồng, đuổi chim, bắt chuột, không còn lặn ngụp tự do giữa dòng theo những chuyến săn ngoài sông, không còn làm những trò vui để tiếp nhận lấy trận cười hỉ hả của người chung quanh vào những buổi tối. Nhưng nó cũng khỏi lê lết trên con đường dài mệt nhọc, nhiều khi đói lòng hứng chịu nắng trưa, nó cũng thoát khỏi những cảnh đêm dài dằng dặc chờn thức

ngủ canh từng tiếng động ngoài xa, và dù gió lạnh mưa bay cũng phải theo chủ tuần canh chung quanh đồn bót. Bây giờ nó được ăn uống béo bổ, lại nằm một nơi, chỉ phải di chuyển từ nhà ra đến thót thịt gần đấy rồi từ thót thịt lại quay về nhà. Vì vậy con Quít no tròn mập ú, bước đi núc na, núc ních. Thỉnh thoảng nó mới được dịp đi xa một chút, đó là mỗi lần chú Chưởng rảo tìm mua heo trong xóm nó được dịp tốt đi theo rong chơi cho đỡ tù túng phần nào. Về sau chú Hai, em của chú Chưởng đến ở chung nhà với anh, bán hủ tiếu ở đầu phố và nó được gọi chạy theo. Chuyển về, chú dọn thùng nước rửa chén, kêu nó vào nằm trong đó, và chú gánh nó lại nhà. Kể ra chú Hai cũng mến nó lắm. Cũng như chú Chưởng, hai anh em của nhà này đối với con Quít thật là tử tế. Tuy vậy, sự tử tế ấy biểu lộ phần nhiều ở trên đời sống vật chất thừa mứa nhưng rất thiếu sót về phần tình cảm. Ở đây, người ta ít vuốt ve nó, ít mơn trớn nó. Người ta cũng không dạy bảo gì hết. Nó cũng không phải làm các trò cũ như là ngày xưa, nhặt banh, mò trứng, bắt cò v.v... những trò chơi làm cho nó linh hoạt và tươi tỉnh hơn. Đã vậy thấy nó quá sức khôn ngoan trong việc giữ gìn nhà cửa chú Chưởng, nhiều người làm công lại không ưa nó, có người thường lên đập đánh con Quít để đuổi nó đi. Một số những người láng giềng cũng ghét con Quít. Họ ghét đến nỗi nhiều khi muốn giết chết nó. Con Quít chừng như cũng biết nỗi ác cảm ấy ở chung quanh mình nên nó đâm ra dè dặt, nghi kỵ đối với mọi người. Bây giờ chỉ còn chú Hai thỉnh thoảng vẫn tung tiu nó. Nhưng chú mới ở bên Tàu chạy loạn sang đây, nói tiếng lơ lớ khó hiểu. Chú chưa vợ con và trong nỗi cô đơn đó, giữa một khung cảnh còn xa lạ người chú dành cảm tình của mình cho con chó Quít. Mỗi lần muốn cho nó ăn, chú dứt vào tận mồm nó. Muốn nó nằm đâu, chú ẵm đặt nó nằm xuống, vì vậy con chó chỉ biết quấn quýt theo sát chú Hai.

Tôi làm quen với con Quít từ khi nhà nước bắt các tiệm buôn phải giữ sổ sách. Thấy tôi lanh lợi, đọc thông chữ nghĩa và làm được các con toán rõ ràng, chú Chưởng vào nói với cha mẹ tôi cho tôi ra cửa tiệm chú làm việc, sau khi đã ở trường về. Công việc của tôi là làm sổ sách, ghi các giá hàng như một thư ký, và cũng như con chó Quít, tôi được nuôi cơm và không ăn lương. Kể ra trong thời buổi đó, được một công việc như thế là quý lắm rồi. Mới học lớp nhì trường làng mà đã giữ chân thư ký trong một tiệm buôn vào cỡ tiệm buôn chú Chưởng, còn gì vẻ vang hơn nữa? Cha mẹ tôi còn sợ tôi ở không sẽ sinh lêu lổng vì giờ rảnh rỗi tôi thường lang thang ngoài đồng, lặn ngụp ngoài sông, ít khi có mặt ở nhà. Đi làm là cách biến đổi con người cho đứng đắn hơn. Tình trạng khủng hoảng kinh tế thời ấy vẫn còn kéo dài, và dù chỉ ăn cơm không cũng đỡ phần nào cho gia đình tôi.

Những lúc làm xong công việc tôi cũng cảm thấy trống rỗng, cô độc. Ngoảnh đi ngoảnh lại, không ai có thể hầu bạn hay là trò chuyện với mình. Mỗi người đều bận công việc của họ và tôi nhận thấy những kẻ phải làm lụng nhiều đều rất tiết kiệm lời nói. Ba hoa, tán dóc, nói chuyện cà kê dè ngổng là thói quen của một lớp ăn không ngồi rồi. Hơn nữa, trong nhà chú Chưởng cũng không có ai vào trạc lứa tôi để mà tâm sự. Người lớn chỉ có la mắng hay là đùa cợt lũ trẻ chứ không chịu xem trẻ nhỏ như những người bạn tâm tình. Điều đó gây nên lắm

nổi thiết thòi - thiết thòi cho lũ trẻ con và cả cho người lớn nữa. Chỉ có anh Múi, con riêng thím Chưởng là lớn hơn tôi vài tuổi có thể nói chuyện ít nhiều. Nhưng anh thuộc về loại trẻ phiêu lưu, ưa sự phá phách hơn là trò chuyện. Ngôn ngữ của anh là sự hiểu động ở trên tay chân và nếu cần phải sử dụng đến miệng là để chửi thề tục tĩu. Cái miệng của anh chỉ còn bận tâm về hai công việc quan trọng là ăn và chửi. Anh cũng không ưa gì tôi, bởi lẽ tuy tôi nhỏ tuổi nhưng có trình độ học vấn hơn anh. Đáng lẽ công việc biên chép, làm sổ sách này là phần việc của anh Múi. Anh làm được thế sẽ là một cách đóng góp thiết thực cho phần cơm áo mà anh thụ hưởng trong nhà, vừa là cơ hội để mà ngày sau kế tục thừa hưởng gia tài chú Chưởng. Nhưng anh không có khả năng để làm như thế, dù khả năng ấy chỉ là chịu khó ngồi yên một chỗ và làm ít phép cộng trừ nhân chia.

Nhiều hôm, không có việc làm, tôi thực hết sức buồn rầu. Tôi bắt đầu cảm nhận được loài người là giống động vật rất ưa tâm sự, cho dù thuộc lứa tuổi nào. Chú Chưởng cố nhiên là không thể nào trò chuyện với tôi. Chú là người lớn, vừa là ông chủ, hai điều kiện ấy đã ngăn cản chú cảm thông với lũ trẻ nhỏ. Thím Chưởng, tất nhiên phải được sắp xếp vào loại với chủ. Chỉ mỗi chú Hai thì lại chưa nghe rành được tiếng Việt và sự bất đồng ngôn ngữ là hàng rào cản ngăn hết sức quan trọng giữa những con người.

Như thế chỉ còn lại mỗi con Quít là tôi có thể thân thiện. Ngược lại, về phía con Quít nó cũng không còn ai khác ngoài tôi. Hai kẻ cô đơn gặp nhau tất nhiên rất dễ trở thành một đôi tri kỷ. Những lúc xong việc tôi thường đùa với con Quít, bắt nó làm trò, dắt nó đi quanh trong vườn, trong sân, thò thẩn ngoài chợ. Ngay cả trong khi làm việc, khi phải cong cả lưng lại liếm lấy môi trên, gò mình nắn nót từng chữ ở trên trang sổ thì con Quít vẫn chui rúc giữa ống chân tôi, nhai gặm ống chân nhỏ bé của tôi một cách nhẹ nhàng hoặc lôi kéo chiếc quần tôi như một dọa dẫm đùa cợt. Tôi nhận thấy chó cũng cần tình cảm như người. Nó cũng cần sự nâng niu, ve vuốt, cần những lời nói ngọt ngào. Tôi đáp ứng lại nhu cầu sâu xa của nó và dĩ nhiên nó quyến luyến tôi hơn ai hết trong ngôi nhà này. Từ con vật ấy, tôi đã bắt đầu cảm thấy rất sớm được rằng, ngay cả giống vật, không chỉ cho ăn uống no nê mà gọi rằng đủ. Hơn các nhu cầu vật chất, loài vật cũng có nhu cầu tình cảm. Và nhu cầu ấy không phải là không bức xúc, không phải là không quan trọng. Như thế, đối với loài người là loài động vật duy nhất được xem như có ý thức, vì có cuộc sống cộng đồng, vấn đề tình cảm tất nhiên là một nhu cầu còn thiết tha hơn, còn bức xúc hơn.

Thành thật mà nói, tôi không có ý dụ dỗ con Quít về ở với gia đình tôi. Nó là con chó nhà chủ, dầu mình ưa thích bao nhiêu, lòng nào quyến rũ cho đành, vả lại, để gì mang nó về được nhà mà không gây những phiền lòng đối với gia đình chú Chưởng. Đó là chưa nói đến một vấn đề khá quan trọng khác là việc nuôi dưỡng, vì lo cơm gạo cho tôi đã là một việc khó khăn. Con chó, dù là con chó khôn ngoan, vẫn còn là vật trang sức của những gia đình dư dả. Nhưng từ khi tôi vào làm thư ký cho tiệm chú Chưởng, hai vợ chồng chú rất yêu quý tôi. Một phần là vì tôi làm sổ sách phân minh rành rẽ, tôi là một thư ký tốt, không tốn kém nhiều, tôi

lại ngoan ngoãn không biết phá phách, chỉ biết có việc đùa giỡn với chó mà thôi. Phần khác, vợ chồng chú thím hiếm hoi, chỉ có mỗi đứa con riêng lại theo bài bạc điểm đàng, thỉnh thoảng về ăn cắp tiền, gây gổ với người chòm xóm nên vợ chồng chú rất là phiền lòng. Có lẽ chú thím nhìn thấy nơi tôi một đứa con nuôi lý tưởng. Một hôm, thím bảo mẹ tôi:

- Này chị Ba ơi, coi cái thằng Bảo con trai gì mà nhát hơn con gái. Mỗi lần nó thấy giết heo là nó nhắm mắt chạy trốn. Anh chị để nó lên ở luôn tại nhà vợ chồng tôi đi. Chúng tôi nuôi nó ăn học đến nơi đến chốn.

Chú Chương cũng đã hết lòng khuyên dụ và mẹ tôi hỏi ý kiến của tôi nhưng tôi nhất định không chịu. Tôi không ưa cái không khí hàng thịt lúc nào cũng thấy máu me, cũng nghe tanh hôi, không khí tiệm buôn lúc nào cũng bận rộn, tháng ngày chỉ lo mỗi việc lời lỗ, làm như ở trên đời này chỉ có mỗi sự đổi chác và những mưu mô thủ lợi là quan trọng nhất. Còn một việc nữa là tôi đã quen ăn uống thanh đạm trong một gia đình đồng ruộng, nay phải ăn theo lối Tàu, món nào cũng mỡ, ngậy quá, tôi nuốt không trôi. Tôi vốn sợ thịt, nhất là thịt mỡ. Những ngày tháng sống ở nhà chú Chương càng làm cho tôi sợ thịt nhiều hơn. Biết tôi như thế, chú Chương thôi không dỗ dành tôi nữa.

Tuy tôi không làm con nuôi, nhưng cũng như là người nhà, tới lui nhà chú rất là thông thả. Lần hồi, công việc tôi làm vừa lòng chú thím, nên chẳng những tôi đã được trả công, còn được áo quần đầy đủ.

Con Quít càng ngày càng là bạn thân của tôi. Tôi thường dẫn nó đi chơi, đi tắm, rượt bắt, làm trò và hẳn là nó thích thú còn hơn khi sống với thầy Đội. Ở với thầy Đội còn có nhiệm vụ canh cánh bên lòng, với tôi chỉ có đùa giỡn mà thôi, ở với thầy Đội là ở với người chủ nhà nghiêm khắc, với tôi là một người bạn đồng trang đồng lứa. Nhất định là tôi không biết ra lệnh, không biết nạt nộ, không hề sử dụng gậy gộc, cũng không mang thứ giày đinh. Tình cảm của con Quít, nếu quả nó có tình cảm, thì hẳn được thỏa mãn nhiều.

Nhưng trong cuộc đời không có cái gì mà không biến đổi. Tất cả sự vật đều phải đổi thay. Tình hình khủng hoảng kinh tế thời ấy mỗi ngày mỗi trầm trọng hơn, thối dần tới chốn thôn quê hẻo lánh. Lúa sụt giá xuống còn 18 xu một gạ, vải bô còn 6, 7 xu một thước. Làm những công việc nặng nhọc như vác gạch xếp vào lò, mỗi ngày chỉ lãnh được từ 12 đến 16 xu là cùng. Những việc vặt như vét mương, làm cỏ mía, ăn một bữa cơm còn lãnh 4 xu. Trong tình trạng ấy, dù chú Chương bán một tô cháo lòng thật rẻ với giá 3 xu cũng chỉ những người khá giả mới dám ngồi vào hàng quán. Những món tạp hóa lại còn ế ẩm. Thím Chương đành trả môn bài, chỉ còn cạo heo mà sống cầm chừng.

Tất nhiên, tôi không còn làm thư ký và cũng không tiện ở mãi trong nhà chú thím để nó đùa với con Quít như ngày trước nữa. Tôi quay về nhà, trở lại nếp sinh hoạt cũ, đôi khi cũng cảm thấy nhớ chỗ ngồi biên chép ở nơi cửa tiệm, nhớ con chó Quít quanh quẩn bên mình. Thỉnh thoảng, có dịp má tôi sai đến mua chút ít thịt, tôi mới ghé lại tiệm của chú Chương,

mới ve vuốt lại con Quít và nó tỏ ra hết sức mừng rỡ được gặp lại tôi. Nhưng những tình cảm không quan trọng ấy đành phải nhường bước cho những sinh hoạt thiết thực hơn nhiều. Việc học, việc nhà, dần dần đã làm tôi phải quên đi người bạn bé nhỏ tinh khôn, và tôi quả thật không ngờ con Quít tìm đến nhà tôi một buổi đẹp trời nào đó.

Ngày đẹp trời ấy là một sáng sớm tinh sương, vào mùng một Tết. Tôi vừa mở cửa định bước ra sân xem cây mai hai lớp cánh trở thêm được bao nhiêu nụ thì con chó Quít từ đâu ập vào, mình mẩy đầy bùn, mặt mũi ngơ ngác như muốn cầu cứu. Tôi cúi mình sờ ngực nó, thấy nó còn run, tim đập thình thịch. Tôi đã hiểu được nguyên do sự sợ hãi này. Con Quít sợ pháo.

Xóm tôi nghèo nhất, không nhà nào có dư tiền mua pháo, cũng không ai có công thừa tán thuốc vắn pháo mà đốt vui xuân. Vì vậy, chỗ của tôi ở là một xóm thôn vô cùng yên tĩnh.

Tôi bèn dẫn nó đi tắm, lấy vải lau khô, trải manh chiếu cho nó nằm, đoạn lo phụ với má tôi dọn một mâm cỗ đơn sơ để cúng ông bà. Con Quít liếm lông sạch sẽ, nằm nghỉ một chốc rồi nhảy lên nằm ở một góc ván. Tôi biết nó không quen nằm dưới đất, nên tìm cái thúng lót giẻ vào trong đặt kề bên nó. Rồi tôi búng tay làm hiệu, chỉ vào cái thúng. Con Quít vâng lời, bước vào, nằm gọn ở trong lòng thúng, ghếch mõm ra ngoài.

Đến lúc cúng xong, tôi dọn cỗ xuống bộ ván, bày thịt cá ra dĩa mà nó vẫn chẳng nhúc nhích, chừng như nó đã tập quen tinh thần kỷ luật trong việc ăn uống. Tôi bưng vài món đặc biệt sang biếu bác Ba bên cạnh, quay về thì cả gia đình đã quây quần bên mâm cơm. Tôi bèn lấy một tô riêng xúc cơm, chan canh, để các thức ăn lên trên, đặt ngoài góc ván và gọi con Quít. Nó vâng lời ngay, bước ra khỏi thúng và hình như nó hết sức đói lòng nên ăn một loáng là đã hết sạch.

Con Quít đã đến ăn Tết với tôi năm đó. Gia đình tôi nghèo hơn tiệm chú Chưởng nhưng chắc nó cảm thấy ấm cúng hơn vì được che chở, được triu mến hơn. Tôi định qua mấy ngày Tết, không còn tiếng pháo sẽ ấm con Quít đem đến trả cho chủ nó. Trong khi chờ đợi ngày sẽ cho nó hồi hương, một buổi sáng nọ tôi bèn đến gặp chú thím hỏi cho biết rõ sự việc con Quít tìm xuống nhà tôi. Thím Chưởng cho hay sự tình đã khiến con vật bỏ nhà ra đi: anh Múi, con trai của thím đã tinh nghịch cột một dây pháo dài vào vòng cổ nó, châm lửa đốt vào, đúng trưa 28 Tết. Con Quít kêu la, lăn lộn rồi phóng như điên ra đường. Nó chạy trở về con đường thầy Đội hay dắt nó đi lúc trước và thím nhất định là nó đi lạc mất rồi. Sau này mới biết là con Quít chạy một mạch về đồn Gò Cát, hy vọng gặp sự chở che của người chủ cũ. Nhưng mới bước vào vòng đồn bên ngoài nó lại gặp một toán lính đốt pháo khiến nó tháo chạy ngược lại. Đến đâu nó cũng nghe tiếng diễu hành, diễu hành nên men theo rừng dừa nước ven sông tìm đường lẫn trốn. Trong bao nhiêu năm sống cạnh thầy Đội, con Quít vẫn chưa dạn với tiếng súng. Nhất là tiếng pháo dồn dập xoắn lấy quanh mình vào trưa ngày 28 Tết đã gây cho nó ấn tượng hết sức kinh hoàng. Rồi cứ đi trong sinh lầy, lẫn trong đám lá, nó

đã đánh hơi lần mò tìm đến nhà tôi. Qua cơn hốt hoảng như thế mà con Quít vẫn biết hướng để chạy, biết hơi để tìm, đủ nói lên sự khôn ngoan của nó.

Đến hạ niên, tiếng pháo thật sự dứt hẳn, tôi ẵm con Quít đến giao lại cho chú Chưởng. Tình cảm chú thím với nó vẫn còn đậm đà như xưa. Chú thím hết sức dỗ dành và an ủi nó, nhưng vừa thấy bóng anh Múi, nó đã vụt chạy ra đường. Vợ chồng chú thím rầy la anh Múi, nhưng sự trách mắng như thế chỉ làm cho anh càng oán giận thêm con chó mà thôi. Tôi phải chạy ra ẵm con Quít vào. Thím Chưởng lấy dây xích lại. Khi tôi ra về nó vẫn nhìn theo lom lom. Hễ gặp anh Múi đến gần là nó cúi mặt cố ý lẩn tránh.

Chỉ vài ngày sau, con Quít lại chạy bỏ đến nhà tôi, run rẩy cầu cứu. Đằng sau, anh Múi đang rượt đuổi theo. Anh bảo cho tôi biết rằng vợ chồng chú Chưởng thấy nó ăn uống trở lại tưởng nó không còn sợ hãi gì nữa nên đã mở xích. Không ngờ vừa thả ra là nó vội phóng đi. Anh Múi bèn lôi nó về, đánh nó một trận, và lần thứ nhất anh cảnh cáo nó bằng cách chặt mất một bên chót tai. Được mấy ngày sau, vết thương đã lành, nó lại được mở dây xích, nhưng cũng như trước vừa được tự do là nó phóng chạy xuống ngay nhà tôi. Anh Múi đến tìm bắt lại và lần này nữa anh chặt luôn chót tai kia. Con Quít lồng lộn, bứt dây, nhất định không chịu ở lại đây nữa. Nó đã kháng cự quyết liệt đến nỗi một người mạnh như anh Múi mà không cách nào trói buộc được nó. Khi nó thoát chạy, anh cầm quả cân hai ký ném theo. Tất cả biện pháp đối xử thô bạo như thế đã khiến con Quít nhất định rời bỏ ngôi nhà chú Chưởng và đến mong được tá túc ở gia đình tôi. Má tôi, nghĩ thương hại nó, nhưng sợ mất lòng vợ chồng chú Chưởng nên đã lên chợ nói với chú thím xin cho nó được ở lại nhà tôi. Má tôi nói thêm:

- Con Quít ở đây có ngày anh Múi lỡ tay sẽ đập nó chết, càng thêm mang tội mà thôi.

Đối với chú Chưởng, dù sao con Quít cũng là kỷ niệm của thầy đội Sáu. Một thứ kỷ niệm khôn ngoan, hữu ích như thế mà không giữ được cho người bạn mình, nghĩ cũng có lỗi.

Chú cần răn dạy anh Múi, la anh một trận kịch liệt. Chú nói:

- Nếu ai cột pháo vào mình của mày mà *lốt*, mày có *liên* không? Mày là một thằng *lộc* ác.

Chú Chưởng biết không cách nào giữ nó lại được, nên đành nhận lời, để chúng tôi nuôi. Nhưng bị la rầy, anh Múi càng căm thù hơn. Một hôm, anh rình rập nó và bắt gặp nó theo sau má tôi lên tiệm mua thịt, anh xông vào nắm chân nó ném mạnh vào một gốc vông khá lớn bên đường. Con chó chết giắc, tôi phải mang về cứu cho tỉnh lại.

Từ khi về ở luôn với tôi nó không bao giờ đặt chân trở lại nhà chú Chưởng nữa. Đôi khi thấy nó, chú đem thịt quay, cháo lòng dỗ dành, nó cũng không ăn. Thấy vậy, chú Chưởng phát cáu, bảo nó:

- Mày giận thằng Múi, chó mày phản tao luôn à?

Cố nhiên, con Quít không biết trả lời. Nhưng coi dáng vẻ của nó thì mỗi thiện cảm ngày qua với gia đình chú đã bị những sự đối xử thô bạo của người con trai thím Chương làm cho tan tành.

Sau khi tôi cứu sống nó, nó đã biến thành con Quít của gia đình tôi. Đúng ra, nhà tôi có hai con Quít. Đứa em gái tôi cũng tên là Quít. Ấy thế mà con vật ấy không hề lầm lẫn bao giờ. Chưa khi nào má tôi gọi em tôi mà nó lầm tưởng gọi mình. Rõ ràng nó biết phân biệt giọng nói. Khi cần sai nó đuổi gà, rượt mèo, bà bảo: "Xuyt, con mèo kia Quít", hoặc: "Đuổi gà coi Quít", là nó biết ngay bà gọi nó rồi. Còn với em tôi, giọng của má tôi nhẹ hơn, câu cũng dài hơn. Chẳng hạn, bà nói: "Con Quít sửa soạn để đi học chưa? Coi chừng trễ giờ rồi đó." hoặc gọi: "Quít? Thay áo đi chợ với má".

Nếu có việc gì cần kíp gọi nó, má tôi thường gọi dồn dập: "Quít, Quít". Mỗi lần phải ngăn cấm nó điều gì, má tôi thường tăng hăng trước rồi mới gọi tên: "Con Quít có trở vô không?" là nó tiu nghỉu quay lại không dám cãi lệnh bao giờ. Nó giống như một trẻ ngoan dễ dạy. Mỗi lần đi đâu muốn dẫn nó theo, tôi phải xin phép má tôi. Nó chực ngoài cửa, nghe má tôi ừ là nó mừng rỡ tíu tít, vọt chạy trước xa một đổi rồi vòng trở lại như một người lính dò đường. Có lúc, tôi không có ý định dẫn nó đi theo, nhưng vừa ra ngõ kịp trông thấy tôi nó phóng đuổi theo thì nghe tiếng má tôi gọi: "Quít, trở lại" lập tức nó quay về ngay và nằm trong thúng ở bên cạnh bàn. Má tôi liền giải thích rõ lý do cấm đoán vừa rồi, như bà nói chuyện với người nào vậy: "Thằng Bảo đi xa, đến tối mới về, mày theo sao nổi? Chừng nào cho phép, mày mới được đi nghe không?"

Con Quít đỡ tay, đỡ chân chúng tôi rất nhiều. Từ ngày nó đến tá túc, khu vườn nhà tôi không hề có bóng con gà nào ở hàng xóm dám bén mảng đến. Cũng không có con mèo nào dám héo lánh đến ăn vụng. Không một con vịt nhà ai dám đến rúc rĩa dưới ao. Mỗi lần đem lúa đi phơi, tôi dẫn nó theo, giao trọn mấy đệm lúa dài cho nó canh chừng. Rồi tôi vót nan, đan giỏ hay đi hái ổi, đánh trống cùng với lũ trẻ trong xóm, mãi cho đến khi tắt nắng, gom lúa xúc về mà không gà vịt đến ăn mất một hạt nào.

Tới bữa, nếu má tôi còn bận việc đằng xóm chưa thể về kịp, tôi dọn sẵn cơm rồi kêu con Quít lên giữ để làm việc khác. Nó thật xứng đáng với lòng tin cậy của tôi.

Phải nói về sự ăn uống, con Quít đã được giáo dục theo một phong cách vững vàng. Bất cứ người lạ cho món ăn nào, nó cũng không bao giờ ăn. Ngay cả những khi đói khát, nó cũng tự biết giữ mình như thế. Chính khi cho ăn mà không đúng cách, nó cũng không thèm. Có lần tôi trộn bắp nấu với dừa, cho thêm muối mè và đường xà ngẫu như cháo, đưa tận mõm nó mời mọc, nhưng nó quay đầu ra sau né tránh không ăn. Tôi bèn ăn trước vài miếng rồi dứt cho nó, nhưng cũng vô ích, nó vẫn quay đi. Tôi bèn lấy gói bắp khác rắc dừa lên mặt, rắc mè và đường lên trên, đưa lại thì nó ăn hết.

Có lúc nhặt được một chiếc mo cau mới rụng, tôi bèn ép nó kéo cộ nhưng nó giẫy nảy cự tuyệt. Tôi bèn cột vào cổ nó, nhưng nó lồng lộn rồi chạy vượt ra tới tận đầu làng đón má tôi đi chợ về. Khi bà trở về, nó lại lót tót theo sau. Mỗi lần gặp nó như vậy, má tôi đoán biết đã có sự gì bất thường xảy ra ở nhà. Và bà rầy bọn chúng tôi: "Lũ bây giờ cái trò gì bắt ép con Quít đó hả?". Nghe má tôi rầy bọn tôi, con Quít đưa mắt lăm lét nhìn anh em tôi. Nhưng chúng tôi không giận nó như anh Hai Múi, mà thường vào trường hợp ấy tôi làm lành với nó trước.

Học xong tiểu học, má tôi gởi tôi lên tỉnh tiếp tục theo ban trung học. Rời khỏi gia đình, đồng quê, bạn bè chòm xóm là một nỗi buồn lớn lao đối với một đứa bé con như tôi. Nhưng trong nỗi buồn khổ ấy, sống xa con Quít là nặng nề nhất. Dù sao, không ai vì sự quyến luyến con chó mà lại chối bỏ học hành. Tôi đã ra đi, chỉ vào dịp hè mới trở về chơi với nó. Vào một mùa đông sau đó, con Quít cảm lạnh và ho khúc khắc. Thời ấy chưa có những thuốc bào chế dành cho gia súc, dù biết nó đã có lần bị đánh, bị ném mạnh vào gốc vông nên phải mang bệnh, nhưng chúng tôi không biết làm cách nào cứu nó. Tôi chỉ còn biết cho nó ăn uống nhiều hơn để lấy sức mà chống bệnh. Nó lại còn có thói quen mỗi ngày tắm hai ba lượt, mùa hè cũng như mùa đông, cho nên bệnh phổi của nó lại càng trở nặng.

Còn mấy hôm nữa thì tôi chuẩn bị tựu trường. Con Quít ho khạc ra máu. Nó lết lại sát gần tôi, sau hồi ho ngất máu trào từ trong cổ họng và từ lỗ mũi. Sợ nó nghẹt thở, tôi thổi mạnh vào hai lỗ mũi nó. Nó có một vài cử động yếu ớt, cổ lết lại gần tôi hơn, mắt nó từ từ khép lại. Tôi nghĩ là nó đã chết, nhưng sờ vào ngực thấy còn thoi thóp. Tôi ẩm nó bỏ vào thùng, ủ kín nó lại, và nó nằm yên như thế trong mấy ngày liền. Đến ngày tôi phải lên đường, con Quít vẫn chưa tỉnh lại. Tôi luồn bàn tay sờ vào người nó, thấy mình mẩy nó nóng ran, hơi thở nặng nhọc. Con Quít vẫn còn mê man không hay biết gì. Tôi nói với nó vài lời ngọt ngào, vỗ nhẹ lên mình của nó, ủ lóp vải lại cho nó thêm ấm rồi tôi chào mẹ, nựng em, lên tỉnh tiếp tục sự học. Tôi đinh ninh rằng thế nào con Quít cũng chết vài ngày sau đó. Nhưng sau khi tôi rời nhà được chừng vài hôm, một người bạn thân của gia đình tôi tìm đến hỏi thăm tin tức cha tôi. Thời ấy, cha tôi có chân trong một phong trào Cách mạng, ông phải bận ba hoạt động đây đó nên không mấy khi ở nhà. Suốt cả quãng đời thơ ấu của tôi cũng không mấy khi tôi được gần gũi với ông và sự chăm sóc nuôi dưỡng chúng tôi đều nhờ vào mỗi người mẹ.

Người khách đến nhà chúng tôi là ông Hai Thìn. Ông đến ở lại nhà tôi một buổi, ăn trưa tại đây và nghe mẹ tôi than thở về con chó Quít lâm vào tình trạng ốm đau không có cách gì cứu thoát. Câu chuyện về con chó ấy đã làm ông Hai động lòng. Chính ông, trong bấy lâu nay, giữa bao nhiêu điều lo lắng việc nhà việc nước, ông còn băn khoăn tìm người bạn đời cho con chó Vá tàn tật của ông. Được con Quít này, còn gì quý bằng. Dù nó đã là con nuôi của thầy đội Sáu, điều này quả thật ban đầu ông Hai không mấy cảm tình, nhưng cuộc đời nó chứng tỏ nó không nhể gì quá đỗi sâu xa về phần thầy Đội. Kể ra trong sự ăn uống nó còn một đôi kiểu cách, nhưng đã chịu được gia đình của tôi là nó có thể thích hợp với mọi

gia đình nghèo khổ. Điều kiện sinh sống ở nhà ông Hai khá quan hơn chúng tôi nhiều. Con Quít chùng như cũng hơi nhu nhược, có vẻ phục tùng một cách thái quá, nhưng nghĩ cho cùng khó lòng đòi hỏi con chó như thế có những biểu hiện ý thức cao hơn. Ông Hai đề nghị với gia đình tôi cho ông được mang con Quít về nhà chữa trị. Vốn biết ông là người tốt và hy vọng nó sẽ được ông Hai cứu sống hơn là ở với chúng tôi đã khiến mẹ tôi vui vẻ chấp thuận mà không khỏi có ít nhiều bùi ngùi. Con Quít được che đậy kỹ và đem xuống chiếc xuồng nhỏ để ông Hai Thìn mang về. Tôi không có mặt ở trong buổi tiễn đưa ấy. Nhưng từ nơi xa, nhận được tin tức mẹ tôi gọi đến, tôi cũng tưởng tượng ít nhiều về buổi chia tay giữa con chó Quít và gia đình tôi.

Chương năm

Con Quít về nhà ông Hai không được mọi người đón tiếp một cách nồng nhiệt. Nhìn cái đồng tử gói kín một con chó nằm mê man, bà Hai cảm thấy như một gánh nặng đem tới nhà mình. Thật chưa bao giờ có người tìm kiếm lặn lội mang về một con chó bệnh vào độ liệt giường liệt chiếu như thế. Không ai tin rằng nó sống. Con Vá tàn tật cũng đón tiếp người bạn mới một cách e dè. Nó đi quanh quẩn chỗ con Quít nằm, rồi tìm một chỗ khá xa nghỉ ngơi, sợ người bạn mới gói trong đồng giẻ có nuôi ác ý gì chăng, vả lại, hình như trong bấy lâu nay nó đang có chuyện buồn phiền, lo lắng trong lòng, và những chuyển đi thường nhật của nó chỉ còn thừa thớt.

Nhưng ông Hai Thịn nghĩ rằng loài vật có sức chịu đựng lắm khi hơn cả con người. Cái món quý nhất nơi người chính là ý thức, nhưng với ý thức con người có thể tự làm cho mình yếu hèn và suy nhược hơn, hoặc làm cho mình mạnh dạn và ngoan cường hơn. Loài vật thì khác, những sức chịu đựng thiên nhiên của nó vốn rất dẻo dai, hơn nữa, bệnh tật của nó có thể giản dị hơn cả con người. Dầu sao phải thừa nhận rằng đời sống của loài súc vật dầu không được phép vệ sinh quy định nhưng vẫn thanh khiết, điều độ hơn là đa số con người chúng ta. Bởi vậy, nếu tìm mọi cách bồi dưỡng cho nó, phục được cho nó một cách chu đáo, hy vọng nó sẽ mạnh lần. Vả lại, từ trước đến giờ, loài chó nào có thuốc men bồi bổ gì đâu? Bởi vậy một khi được sự săn sóc, cơ thể của nó sẽ phục hồi chóng.

Ông Hai tìm một người bạn chuyên về Đông y, mời đến luận bệnh và dựa vào những điều mẹ tôi kể với ông, ông cùng góp sức với người thầy thuốc bàn bạc về cái bệnh chứng gãy vò con Quít. Suốt hai tháng dài, ông Hai chăm lo con Quít như đối với một con người. Đôi lúc ông cũng ngạc nhiên vì thấy nhà mình bỗng dưng trở thành một thứ bệnh viện bỏ túi, chuyên săn sóc cho loài chó. Bà Hai thỉnh thoảng cũng có trách móc xa gần, ngụ ý nói rằng ông đã mất nhiều thì giờ, công sức vào việc săn sóc những đồ chó má, hơn là săn sóc những người ở trong gia đình hay trong quyền thuộc. Đối với ông Hai, những lời nói ấy là không căn cứ. Từ trước đến nay, ông vẫn đối tốt với những bà con, với những thân bằng chòm xóm, đâu có coi họ kém hơn những loài gia súc của ông? Sự việc chữa trị con Quít thật ra còn có ý nghĩa sâu xa hơn là công việc trông nom bệnh tật cho một con chó. Ông đã nghĩ tới con Vá mà làm việc này. Nghĩ đến con Vá là nghĩ đến những hoạt động đã qua, đến sự đóng góp xương máu của biết bao người, đến cái truyền thống oanh liệt, dù truyền thống ấy đã được thể hiện ở một tầng lớp nhỏ mọn là những con chó lạc loài. Cây cỏ vô tri có được hoa thơm trái ngọt còn đáng vun trồng, tưới nước, bắt sâu, bón phân, nhổ cỏ, hưởng thay là loài

chó kia giúp đỡ cho ta, bảo vệ cho ta, quý hóa chừng nào. Gầy được một loài chó tốt, quả là một điều đáng làm. Đó cũng là món lợi lớn, xét về tinh thần cũng như vật chất.

Suy nghĩ như thế ông Hai tận tụy chăm sóc con Quít và những công khó của ông đã được đền bù. Sau ba tháng trời nằm liệt con vật đã đứng dậy được, ăn những chén cháo một cách ngon lành và sữa những tiếng đầu tiên chào đón chàng trai tàn tật sống chung dưới một mái nhà. Dần dần con Quít bình phục rất chóng và nó có thể chạy nhảy như xưa. Đôi lúc nó cũng có vẻ ngẩn ngơ, nhìn về một phía chân trời nào đó, có lẽ hồi tưởng lại nơi chốn cũ chỉ còn là trong kỷ niệm mờ mờ. Nhưng sự đối xử của ông Hai Thìn làm cho con Quít quyến luyến và nó cảm thấy được sự chở che, được sống yên ổn dưới mái nhà này. Chỉ riêng đối với con Vá thì nó có vẻ ngơ vờ. Anh chàng vừa chột, vừa què, dáng hình tiều tụy, không mấy linh hoạt có phải là tay gian ác nào chăng? Tại sao mà lão khốn khổ như thế? Trông lão không có chút gì thiện cảm, nhất là vẻ mặt của gã khinh khỉnh, lạnh lùng.

Dầu sao chị Quít nhà ta cũng có những thời tươi đẹp, non mướt lông tơ, và không kể đến những cơn hoạn nạn đã qua trong nhà chú Chưởng thì quãng đời cô đã sống luôn được cưng chiều và được ấm no. Chính trong thời khoảng nằm dưới thớt thịt chú Chưởng, cô Quít quá mập gần như bước đi không nổi, nhưng mà may thay đời sống thanh đạm khi về với gia đình tôi lại làm cho cô tìm được những nét mảnh dẻ ngày nào. Cơn đau vừa rồi có làm gầy sút, tiều tụy, nhưng sự bồi dưỡng tiếp theo đã giúp hồi phục lần hồi được vẻ mỹ miều sẵn có. Như những cô gái biết mình có chút duyên dáng, cô Quít cũng thấy tự kiêu. Nếu lại có dịp rong chơi ngoài đường thì không thiếu gì những chàng trai trẻ vẩy đuôi, mon men tìm lại làm quen để mua một chút cảm tình người đẹp. Thế mà coi bộ anh Vá nhà này có vẻ phớt tỉnh đối với cô nàng. Gã là thứ gì mà lại cao ngạo như thế? Hay đây là một con người bệnh hoạn, chẳng còn chút sinh lực nào nên có thái độ thờ ơ hững hờ đối với sự đời? Dù sao đi nữa thì sự lạnh lùng của gã chẳng đáng quan tâm. Cô Quít nghĩ ngợi như thế để tự trấn an lấy mình. Nhưng dầu không thêm để ý đến gã, sự việc gã không để ý đến cô ít nhiều cũng làm cho cô phiền lòng. Dưới mái nhà này, chỉ có hai người đồng loại mà lại thờ ơ hững hờ với nhau, chẳng là buồn sao?

Cứ thế, hai con vật ấy nuôi dưỡng những điều ngờ vực lẫn nhau, và hình như tìm mọi cách để sống dưng xa dưới một mái nhà. Một hôm, con Quít đang ngồi gần nơi cửa chính thì thấy con Vá khập khiễng lê bước ra ngoài. Trông cái bộ tướng của gã sao mà ghét thế! Gã đi gần bên cạnh mình mà tưởng như đang mãi mê bận suy nghĩ gì ở trong gan ruột. Rõ ràng là gã vẫn còn một con mắt đây, chứ đâu có phải mù lòa cho cam. Thế mà như dưới vòm trời gã không hề biết có một cô Quít đang nằm giữa chốn cô đơn. Lập tức, thấy gã đi lại gần mình và sắp vượt qua, cô Quít đứng choàng ngay dậy, nhe một ít răng vừa đủ biểu lộ chút lòng giận dữ, vừa gừ một tiếng, chong mồm vào mặt anh chàng. Anh Vá có vẻ ngạc nhiên, lùi lại đứng yên, giương một con mắt còn sáng nhìn vào người bạn cùng dưới mái nhà. Trông gã không có vẻ gì sợ hãi, cũng không có một chút gì giận dữ. Dáng điệu của gã có vẻ chừng chặc của

một người anh, có vẻ tự tin của một người chủ, và con mắt gã vừa sáng long lanh vừa có một nét dịu hiền kỳ lạ. Cô Quít tự thấy thái độ của mình thật là kỳ cục, vội hạ mồm xuống, giấu bớt những chiếc răng phô ra ngoài. Về phần anh Vá, sau khi nhìn ngắm như muốn đoán hiểu thái độ của kẻ trước mặt, anh lại quay đầu lặng lẽ bước ra khỏi nhà. Cô Quít nhìn theo lo lắng mãi cho đến khi anh chàng đã khuất, và cũng tự hỏi không biết với những khó khăn, cực nhọc như thế, gã đi về đâu mà thường vắng mặt cả nửa ngày trời? Anh chàng lại có một cô tình nhân đâu đó hay chăng? Chỉ có yêu đương quần quýt người ta mới bỏ nhà đi suốt buổi, suốt ngày như thế. Trông cái bộ dạng chàng ta thì tìm cho được người tình xứng hợp chắc phải khó khăn - cô Quít nghĩ ngợi với chút mỉa mai trong lòng. Nhưng điều cô Quít có phần ngạc nhiên là vợ chồng người chủ nhà coi bộ nề nang anh chàng tàn tật và thường chăm sóc anh ta thật là chu đáo. thỉnh thoảng có vài người khách xa lạ đến chơi - điều này cô Quít nhận rõ qua sắc diện họ và những dấu bụi đường trường ở trên quần áo - họ thường nói chuyện một cách nồng nhiệt rồi vụt chỉ chỗ về phía anh Vá, gật gù với cái dáng điệu hâm mộ chùng nào. Thậm chí có người đã không ngần ngại mua những tô cháo lòng heo thơm phức đem lại cẩn trọng mời mọc anh chàng. Nằm nghe những mùi thơm tho từ tô cháo ấy bốc lên, cô Quít cảm thấy nao nao gan dạ. Nhưng người ta đâu mời mình? Trong khi cô ả thèm thuồng rồi cả ruột gan thì anh chàng nọ lại không thiết tha gì đến miếng ăn ngon ngọt dâng mời. Anh chàng chỉ ngược lên như gật đầu cảm ơn, cúi xuống ngửi trên tô cháo rồi hướng nhìn về cô Quít với dáng mời mọc. Có nên nhận lời hay chăng? Chẳng lẽ trong bây lâu nay không có chút thân tình nào, bây giờ lại nhảy xổ đến ăn uống của người ta sao? Hơn nữa, chính phần ăn ấy là dành cho anh chàng mà. Cô Quít ngẩng đầu lên đáp lại sự mời mọc rồi lại cúi xuống. Miếng ăn thường dễ làm hư nhân cách con người. Thôi thì đành chịu nhin vậy, dù mùi cháo lòng gọi cho cô Quít nghĩ đến những ngày no đủ xa xôi trong tiệm chú Chưởng. Chùng như nhìn thấy người bạn cùng nhà có vẻ bẽn lẽn, anh Vá vội vàng đứng dậy, khập khiễng đi ra ngoài hiên. Ở lại một mình, chắc hẳn cô Quít phải dám ăn xong phần cháo. Và đợi khá lâu, anh chàng mới lại quay vào. Bát cháo vẫn nguyên như cũ, bây giờ đã nguội lạnh rồi. Đảo mắt nhìn về cô bạn, anh thấy cô ta cũng đang ghéch mồm nhìn lên, và trong sự lặng lẽ ấy cả hai cùng thấy phân vân không biết xử trí thế nào.

Nhưng ông Hai Thìn đã hiểu tâm sự của hai con vật. Ông lấy cái bát, sót nửa phần cháo đem lại con Quít. Rồi đứng giữa nhà, ông truyền mệnh lệnh:

- Ăn đi!

Cả hai cùng ngược nhìn chủ, lại liếc nhìn nhau, rồi mới cúi xuống trên bát cháo lòng. Mỗi con ăn hết phần mình một cách thông thả với niềm tự trọng đặc biệt. Nhưng sau bát cháo lòng ấy cô Quít nhận thấy mình được sống gần một người bạn trai lễ độ, một kẻ tật nguyền nhưng vẫn đầy đủ phong thái của một hạng người biết điều. Tuy vậy, không vì những miếng ăn ấy mà tình cảm được kết nối đậm đà giữa hai con vật. Bây giờ con Quít không còn khó chịu như trước nhưng vẫn chưa chịu biểu lộ một thái độ cởi mở hơn xưa. Về phần anh Vá,

bao giờ cũng vậy, anh chẳng có gì để phải thay đổi trong cái cung cách đối xử của mình. Mỗi đêm, anh là người nghe tiếng động trước tiên và cất tiếng sửa hùnh hồn báo động cho gia chủ biết những khi có kẻ lạ mặt đến gần. Vào đêm lạnh lẽo, gió mưa, chính anh là người chịu khó tuần rôn quanh nhà, bao giờ cũng tỉnh táo trong giấc ngủ, chừng như anh thức suốt đêm mà không chớp mắt. Sống nhiều ngày cạnh người bạn siêng năng như thế, cô Quít thấy mình thoải mái và tìm lại được thú vị biếng lười ở nơi thót thịt ngày xưa. Nhưng ngày xưa còn làm việc, nào là đón khách, đuổi mèo, bây giờ thì có anh Vá lo cho tất cả. Trong cái thú vị làm người lười biếng có cái niềm vui được sự chở che.

Một hôm, thơ thẩn đi ra đầu ngõ, cô Quít mừng rỡ nhận thấy khá nhiều chàng trai lảng giềng từ đầu bữa đến xúm xít vây quanh. Đây là một cuộc hội lớn trong đó chỉ có cô Quít và một cô bạn lảng giềng màu lông vàng mượt non tơ, đáng điệu uyển chuyển nhịp nhàng, là hai người đẹp duy nhất, về các chàng trai thì lại khá đông, bốn năm chàng đủ giống loại và đủ màu áo, xun xoe vồ vập, ngả ngón chào mừng. Cô Quít phần nào bỡ ngỡ trước khung cảnh ấy, bởi kể từ khi rời khỏi thót thịt của nhà thím Chưởng, rời cái không khí chợ búa ồn ào, cô không có dịp gặp lại các chàng trai trẻ hào hoa kiêu đó. Vả lại, từ trước đến giờ khuôn phép giáo dục của thầy đội Sáu đã khiến cho cô dè dặt quá đáng đối với mọi người. Những kẻ gạ gẫm, tán tỉnh, coi bộ sốt sắng thế kia liệu có nuôi những mưu toan ám hại gì không? Tốt hơn, mình phải đề phòng. Cứ đề phòng mãi, lâu ngày thành mối sợ sệt, và từ sợ sệt biến thành phản ứng âm thầm, tự nhiên chi phối trong mọi động tác, khiến cho cô Quít được xếp vào loại chính chuyên nhà lạnh. Bây giờ sống mãi trong ngôi nhà này, bên cạnh chàng trai lãnh đạm, cô Quít đã thấy nỗi buồn gặm nhấm và muốn thơ thẩn rong chơi. Các chàng trai trẻ ở trong thôn xóm và từ khu phố gần bên có lẽ kháo nhau trong bấy lâu nay về sự hiện diện của nàng. Trên bãi cỏ rộng xanh mượt có hoa bằng lăng tím nhạt rơi rụng và những lá vàng lất phất bay theo chiều gió hây hây, mỗi chiều loài chó trong vùng tụ tập ra đây như một công viên lý tưởng để mà bày tỏ tâm tình.

Cô hàng xóm mặc áo vàng không lộ chút gì sợ hãi vì cô đi lại thông thả, tự do giữa những chàng trai phong nhã, nhưng chừng như cô có nỗi tự kiêu âm thầm. Với kẻ này cô gật đầu, với kẻ kia cô vẩy đuôi, với người nọ cô nhếch mép, nhưng những biểu lộ như thế vừa đủ cho một thái độ "ngoại giao" bên ngoài chứ tuyệt nhiên không chút gì vồ vập thật lòng. Hẳn là cô đang lựa chọn. Những đám trai trẻ ngày nay, chàng nào trông cũng sạch sẽ, nhã nhặn, tốt mã, nhưng họ gần như đồng loạt giống nhau trong cái cốt cách xun xoe tán gái. Trong cái lém lỉnh, tinh ranh hào nhoáng bên ngoài, họ không có được vẻ gì đặc biệt của một nhân cách khác thường. Họ cũng chìm khuất trong cái đám đông của họ, và thật nản lòng khi thấy những cách bày tỏ tâm tình của họ tuy thật sốt sắng mà lại nghèo nàn không biết bao nhiêu, cũng như những kiểu sang trọng đúng mức của họ lại có vẻ gì buồn thảm lạ lùng.

Về phần cô Quít thì được một sự chào đón như thế cô cũng hãnh diện không ít. Hơn nữa, những chàng trai kia thấy không có hy vọng gì bên cô áo vàng, lại quay sang cô áo đen mới

mẻ với sự nồng nhiệt khác thường. Quả là đứng giữa những chàng chuyên viên tán tỉnh, thấy mà bối rối trong lòng. Mỗi người đều cố biểu lộ cốt cách đặc biệt của mình để cho người đẹp lưu ý và cô Quít không còn phán đoán được ai là xứng đáng hơn ai. Cứ mỗi buổi chiều hay mỗi buổi sớm quần thảo nơi đây trong những kiểu cách bay bướm thanh nhàn như thế cũng quên được những ngày giờ dài dặc trôi qua.

Một hôm, cô Quít đang nhảy nhót giữa công viên và đã bắt đầu mệt mỏi vì phải đóng kịch trong muôn ngàn cách đối đáp với những con người hào hoa quanh mình, thì thấy anh Vá từ đâu đi về, khập khiễng lê bước trên con đường vắng. Anh chàng coi bộ có tâm sự gì rầu rĩ. Hẳn là gặp sự cãi cộ với cô nhân tình nào chăng? Hay là nạn nhân của sự phũ phàng nào đó? Anh chàng như không lưu ý đến cái đám đông tươi mát nô đùa ở trên bãi cỏ, lặng lẽ tiến bước về nhà. Cô Quít dừng lại, liếc mắt nhìn xem coi thử chàng ta có muốn nhập cuộc hay chăng. Biết đâu anh chàng lại cũng có nỗi khát thèm như thế, nhưng vì mặc cảm bởi sự tật nguyền nên làm ra vẻ xa lạ đấy thôi. Dù sao, anh ta cũng là bạn tốt, cô Quít thấy rõ điều đó hơn bất cứ ai trong những kẻ này. Nhưng anh chàng Vá vẫn đi trên đường, bình thản, tự nhiên, rõ ràng không phải là anh cố ý làm ra như thế. Có lẽ anh thuộc về thế giới khác, thế giới của sự suy tưởng và sự làm việc, thế giới của những trách nhiệm và những âu lo, không phải là cái đám người hỗn độn chỉ lo đủ đốn và chịu lệ thuộc một cách vô tư. Cô Quít bỗng nảy ý định gọi cho anh ta thấy cô đang được những chàng trai hào hoa quần quýt bên mình. Một lối chọc tức theo như phản ứng tự ái thông thường của những giống loại nhàn rỗi. Cô phóng nhanh qua bãi cỏ, vừa quay đầu lại có ý mời mọc những chàng trai kia rồi lướt qua đường đón đầu anh Vá lang thang. Những chàng trai trẻ không đợi gì hơn, ồ ạt đuổi theo trong sự phấn khởi có dịp bày tỏ tài năng, bản lĩnh của mình. Và cô áo vàng cảm thấy trợ trọi cũng chạy theo sau trong cuộc biểu diễn khá ồn ào đó.

Nhưng kỳ lạ thay khi vừa chạm mặt con người tàn tật trên đường, những chàng trai kia bỗng nhiên khựng lại. Họ như va chạm một sức cản ngăn vô hình và cùng ngược về anh Vá khập khiễng với niềm kính cẩn đặc biệt. Rồi tức thời họ dang ra, ngoan ngoãn lảng tránh ở hai bên đường, nhường chỗ cho chàng khập khiễng đi qua. Thấy thế, cô Quít cũng vội nép lại một bên vệ đường, ngơ ngác đứng nhìn. Người bạn cùng nhà của cô có gì đáng phải sợ hãi dường kia? Những chàng trai trẻ chung quanh khỏe mạnh như thế, phương phi như thế, lẽ nào sợ hãi một kẻ tật nguyền? Thái độ của họ với niềm khuất phục rõ rệt khiến cho cô Quít ngơ ngác. Nhưng họ không phải khuất phục như sợ một tay anh chị hung hãn mà niềm tôn trọng của họ với những cặp mắt ngưỡng vọng dõi theo anh chàng có cái ý nghĩa của sự thán phục sâu xa. Rõ ràng anh Vá là kẻ khác thường. Anh Vá uy nghi, lặng lẽ mà đi, không hề kiêu hãnh mảy may về sự ngưỡng mộ chung quanh. Anh không lộ chút xúc động trước cái vinh dự mà những kẻ khác ước ao, thêm muốn gần như tuyệt vọng trong cuộc đời mình. Hình như anh sống và hiển nhiên có được giá trị ấy, chứ không dụng tâm xây dựng cho mình những thứ hào quang. Con đường anh đi, và anh cứ đi. Nhưng cô Quít càng ngạc nhiên

hơn nữa khi thấy lẻo đẻo ở sau chân anh có cô áo vàng nổi bước. Cô ả dần dần tiến lên, đi cạnh anh chàng khập khiễng như muốn tạo dịp làm quen. Anh chàng ngược sang nhìn cô, vẩy đuôi một cách nhẹ nhàng, hơi nghech mồm sang như ngửi trên màu lông tơ vàng óng rồi lại lặng lẽ mà đi. Cô Quít bỗng nhiên nghe như có mối hờn giận trong lòng. Cô ném về phía cô áo vàng kia cái nhìn khinh bỉ như cho rằng đây là hạng trácnett lẳng lơ, tự do quá trốn xông vào tán tỉnh đàn ông mà không biết ngược. Nhưng cô áo vàng với niềm tự tin đặc biệt vẫn đi bên cạnh anh chàng, sóng đôi trên quãng đường vắng trời chiều. Cô Quít không ngăn được mình, lẻo đẻo theo sau. Những chàng trai kia vẫn còn ngoan ngoãn ngồi lại phía sau trên những bãi cỏ, ở những lề đường. Cô Quít nhìn thấy hai người đi trước không hề lộ một chút gì suồng sã, họ cũng không thân mật lắm. Thỉnh thoảng mỗi người có nghech mồm sang bên cạnh như một cử chỉ thân ái nhưng ngoài cách biểu lộ ấy họ không có những ân tình gì khác. Khi đến cổng nhà, anh Vá dừng lại quay nhìn cô bạn đồng hành như có ý bảo: "Thôi cô về đi. Trời đã chiều rồi, tôi phải lại nhà". Cô áo vàng cũng nghiêng đầu, rồi mới quay lui. Anh chàng nhìn theo một thoáng rồi lại quay mình lặng lẽ vào nhà.

Như thế, rõ ràng chưa phải là tình yêu đâu, đó mới chỉ là tình bạn. Cô Quít bước theo vào trong, không còn cảm thấy hứng thú nô đùa ở nơi công viên như trước. Cô vào chỗ nằm, khoan tròn, ra vẻ sầu thảm. Anh Vá cũng đang nằm nghỉ sau chuyến đi về nhọc mệt, bỗng ngược nhìn cô ra tường quan sát, rồi lại nằm xuống.

Buổi tối hôm ấy cô Quít không ăn. Cô như một kẻ hờn dỗi, và cô hờn dỗi ai đây? Cô nằm ghech mồm, duỗi dài bốn chân, tự nhiên cảm thấy cô độc hơn bao giờ hết từ khi đến ở nhà này. Khi cô nhẹ nhàng nghiêng đầu liếc mắt trông sang, cô bỗng bắt gặp anh chàng liếc mắt nhìn về phía mình. Đó là một gã kỳ lạ, một người khác thường, một kẻ coi như chẳng đáng giá gì mà lại có một cung cách đặc biệt khiến cho mọi người nể trọng, là tại làm sao? Có gì trong sự què quặt và mù lòa kia? Có gì trong những chuyến đi cô độc và lang thang đó? Tại sao gã được nể sợ dường ấy? Và tại sao cô áo vàng coi thường bao nhiêu những chàng trai trẻ hào hoa, lại cố mua chuộc cảm tình của gã? Cô Quít đôi lúc cảm thấy ghét gã không biết chừng nào. Nhưng thật sự gã có làm gì để cho cô oán hận được đâu? Gã đã lo liệu mọi việc cho cô, gã biết nhường nhịn và biết chia sẻ. Kìa gã đã ăn xong rồi bát cơm và bây giờ đang hướng mắt nhìn cô có ý thăm hỏi: "Tại sao cô Quít không ăn? Cô Quít buồn phiền việc gì? Ăn đi một bát cơm nào, chúng ta phải ăn để sống, và nếu không còn một niềm an ủi nào khác thì bát cơm kia chính là sự sống, là cái nguồn thương đối với chúng ta". Nhưng cô Quít đã nghiêng đầu phía khác, không ăn. Phải đồ dành nhiều, chưa chắc ăn hết một bát cơm đâu. Cô có thoáng thấy mấy lần anh ta hình như nhồm dậy muốn tiến lại về phía cô, nhưng lại ngồi xuống. Người ta có những tâm sự thầm kín, và tốt hơn hết mình đừng nên dây dính vào.

Rõ ràng anh ta không hiểu được mình, cô Quít giận dữ hơn bao giờ hết. Mãi cho đến khuya khi anh chàng đã bước ra sân ngoài canh gác, cô Quít mới ngồi nhồm dậy lẹ làng ăn hết bát cơm.

Một buổi chiều nọ, đứng ở cổng nhà nhìn ra bãi cỏ, cô bỗng ngạc nhiên thấy một anh chàng to lớn khác thường đang đi nghể nghện. Hai tai xù lên, vóc dáng cao ráo, hiên ngang, lưng dài cong như lưng ngựa, bắp đùi to lớn rắn chắc đưa những bước chân đỉnh đạc. Có lẽ đây là một người xa lạ mới về cư ngụ nơi đây hay là anh chàng lạc loài đến từ một khu phố khác. Thoáng thấy cô Quít, anh ta vội nhảy chồm lên chào đón và chiếc đuôi cong đầy lông được quýt xuống thấp nhiều hơn giữa những chân sau. Một sự mời mọc có vẻ ân cần với những cốt cách hoàn toàn mới mẻ. Cô Quít bé nhỏ cảm thấy lòng mình rung động, những muống phóng tới, nhưng nhớ lại thể giá mình nên chỉ vẩy đuôi nhẹ nhàng rồi tiến tới từng bước một. Cuối cùng họ đã gặp nhau ở giữa bãi cỏ. Anh chàng này lại vẩy đuôi, lại ngúc ngắc đầu, chồm sang bên tả, nghiêng sang bên hữu, đánh bạo hít lấy trên mình cô ả với sự sẵn đón thật là ân cần. Làm sao cưỡng lại trước một thái độ nồng nhiệt chào mời như thế? Cô Quít cũng vẩy đuôi lại, cũng ngẩng đầu lên, nhưng mồm của cô chỉ với tới giữa lồng ngực anh chàng. Bên kẻ khá cao lớn ấy cô Quít như được che chở dưới cái bóng núi sừng sững. Anh chàng hơi khom người xuống như tự làm cho bé nhỏ để vừa chạng cô bạn mới và để mồm cô có thể ghếch lên cần cổ của anh trong một cử chỉ tâm tình. Dầu sao cô Quít vẫn nhớ những lời dạy dỗ từ xưa, không cho phép mình suồng sã. Kẻ này là kẻ lạ mặt, làm sao có thể tin cần ngay được phút đầu? Mọi cuộc ân tình phải có thời gian tìm hiểu mới không chuốc lấy hiểm nghèo, cô vừa sốt sắng đáp lại những sự hỏi han ân cần vừa tự hạn chế lấy mình như vậy.

Lúc ấy trời chiều thật mát và gió từ nơi sông xa phe phẩy đưa về, thấp thoáng những chàng trai khác lảng vảng nơi xa có vẻ e chùng chàng cao lớn nọ. Giữa phút cùng nhau lân la êm đềm như thế, bỗng nhiên cô Quít nghe hực một tiếng khá lớn ở sau lưng mình. Cô quảy ngoắt lại và thấy sừng sững một cô nàng lớn, chẳng khác hình dạng với anh chàng kia bao nhiêu, đang nhe những chiếc nanh nhọn chồm về phía cô. Cô Quít nghiêng đầu rất nhanh, nhảy thoát khỏi sự vồ chụp, quay nhìn lại một lần nữa kẻ vừa mới tấn công mình. Rõ ràng đây là một cuộc đánh ghen xảy đến bất ngờ. Cuộc đời cô Quít chưa hề gặp những rắc rối loại này, bây giờ nó đã xuất hiện đột ngột, cô cần phải đối phó lại. Nhưng coi bộ dạng kẻ thù thật là hết sức hung hăng, chùng như cô ả vừa đến không muốn chờ nghe sự phân trần nào, cô thuộc vào loại ý tứ thể mạnh của mình sẵn sàng trấn áp đối thủ. Trong cuộc đối phó này đây, cô Quít không hy vọng gì thắng trận. Nhưng nếu anh chàng cao lớn, quả thực có lòng, ắt phải tiếp sức với cô. Vậy thì cứ hãy đương đầu, đừng có sợ nào. Và khi cô kia nhảy tới thì cô Quít cũng chồm lên, nhất định một mất một còn. Nhưng cái vóc dáng cô Quít thật quá bé nhỏ để đối địch lại với kẻ trước mắt. Cô kia chỉ cần phóng tới là đã trùm cả thân hình to lớn lên mình cô Quít, chìa đủ mấy cặp răng nanh ngoạm mạnh vào lưng đối thủ như muốn rút

ra một mảnh da lông để làm chứng tích. Cô Quít nghe những chiếc răng bấu vào da thịt của mình, đau buốt tận xương, vùng vẫy quyết liệt để cố vượt thoát khỏi kìm kẹp ấy. Anh chàng to lớn vẫn đứng yên như cục đá, ngơ ngác nhìn cô chịu sự giày vò. Y đúng là tên khốn nạn, một kẻ chỉ biết lợi dụng trong cơn yên ổn, mà lại rút cổ, co đầu giữa phút hiểm nguy. Xem cái bộ gã ân cần ban nãy tưởng gã có thể chia sớt ruột gan, san sẻ cuộc đời, thế mà giờ đây trước cơn hùng hổ của một con mụ quái ác, gã đã đầu hàng, có thể nhả tâm đứng làm chứng nhân thụ động cho vụ bức hiếp thô bạo ở giữa thanh thiên bạch nhật.

Bây giờ chỉ còn mỗi cách là phải đào thoát. Cô Quít vùng chạy, cố quay về hướng cổng nhà nhưng con mụ kia với những sải chân rộng rãi đã kịp thời ngăn cản cô. Cô Quít tuyệt vọng, trong lúc vết thương nhức nhối trên lưng, cuống quýt phóng ngược về một lối khác. Con mụ kia vẫn đuổi theo với những chiếc nanh hàm hè gớm ghiếc lạ thường. Giữa cơn choáng váng tưởng như đất trời đảo lộn, cô Quít phóng mạnh ra đường, vừa kịp thấy cái bóng lớn phủ xuống người mình. Chỉ còn chờ đợi phút chết. Nhưng cô nghe kêu lên một tiếng lớn, tiếng kêu lạ lùng như thoát ra từ cổ họng đối thủ, và choàng mắt ra cô thấy người bạn tàn tật của mình đã nhảy chồm lên húc ngã kẻ thù của cô lộn ngược ra sau. Chừng như chàng ta vừa mới trở về, sau chuyến lang thang thường lệ. Kẻ hung hãn kia dù bị nhào ngã nhưng quay ngoắt lại kịp thời nhe nanh chĩa vuốt quyết hạ kỳ được kẻ vừa nhập cuộc. Cô Quít những lo lắng thay cho người bạn mình. Trong lúc cô cũng hoang mang chưa biết đối phó thế nào để mà ứng chiến đỡ đòn cho bạn, và người bạn cô cũng quá bé nhỏ so với kẻ thù, nhưng anh chàng Vá gầy gò mà hiên ngang kia dù đã tàn tật vẫn đủ lanh lẹ né tránh những đòn tấn công tới tấp và lừa đối thủ sơ hở để xô ngã nhào trên đất. Đã trên ba lần như thế, con vật to lớn và hung hãn kia bị xô ngã nhào bằng những cái húc lì lợm, nhưng tuyệt nhiên anh chàng Vá không hề cần xé đối thủ của mình. Tại sao anh không cần xé kẻ thù? Điều ấy cô Quít không sao hiểu nổi. Anh chỉ muốn bênh vực cô và làm khiếp đảm kẻ kia mà thôi, phải chăng vì kẻ đó không phải là thù địch của anh, hay vì kẻ đó là người khác giới nên anh khó lòng xuống tay một cách phũ phàng?

Nhưng đối thủ anh như không nhận biết tấm lòng tốt ấy. Cứ sau mỗi lần ngã xuống, ả lại chồm lên, lặn xả vào anh với sự hung hăng gớm ghiếc như cố xé nát được anh dưới nanh vuốt mình. Bây giờ cô Quít mới có dịp thấy tận tường bản lĩnh của người bạn đó. Anh ta không dùng sức nhiều, nhưng sự bình tĩnh lạ lùng của anh và cái tài năng tuyệt diệu với những cú đánh chính xác đã khiến đối thủ dần dần khiếp sợ. Khi bị ngã xuống đến lần thứ tư thì ả kêu lên một tiếng vang dội. Anh chàng to lớn này giờ thản nhiên đứng nhìn bạn mình uy hiếp kẻ khác, bây giờ lập tức nhảy vào quyết hạ kỳ được con người tàn tật.

Một mình anh Vá phải đương đầu lại hai tay đối thủ to lớn chừng nào. Cô Quít nhận thấy nếu không phải bị tật nguyên thì chàng ta thừa sức mạnh cũng như tài năng triệt hạ hai đối thủ ấy một cách dễ dàng. Nhưng cái chân què đã làm cho sự xoay chuyển của chàng chậm lại, và con mắt chột có giảm bớt nhiều mức độ chính xác của sự tấn công. Cuộc đánh dữ dội,

ác liệt đến mức cô Quít không biết mình phải nhảy vào can thiệp thế nào để cứu người bạn hào hiệp. Nhưng những tiếng kêu vang lên từ phía anh chàng to lớn chứng tỏ gã đang liên tiếp bị đòn, và đối với anh chàng này, người bạn cô Quít như không có chút nỗ lực. Sự quyết liệt chắc không phải vì duyên cớ nào hèn mọn, nhưng vì bất bình thái độ ỷ chúng hiệp cô của chính gã này. Sau những đòn đau, gã càng hăng máu nhiều hơn cố hạ cho được đối thủ. Nhưng trong khoảnh khắc sau đó, gã bị chàng Vá đánh ngã, chồm tới cắn ngay vào giữa cổ họng. Cô bạn gã thừa dịp ấy nhảy tới vỗ lên mình chàng. Giây phút thật là nguy kịch, cố nén mọi sự đau đớn, cô Quít vùng lên, phóng mình lao tới, ngoạm mạnh lên lưng kẻ thù vào chính giữa chỗ da thịt mà nàng đã bị đau đớn trên thân thể mình, theo đúng tinh thần của sự ăn miếng trả miếng. Cô này vội bỏ chàng Vá để quay trở lại đối phó cô Quít. Lúc ấy chàng Vá cũng đã làm cho kẻ thù tê liệt, kịp quay lại để ứng cứu. Thấy chàng xuất hiện, kẻ hung hãn kia cúp đuôi chạy thẳng và cùng theo sau là anh chàng nọ bây giờ cũng đã lủi dài như kẻ chiến bại thảm thương.

Anh Vá dừng lại để thở giữa bãi cỏ rộng phe phẩy gió chiều. Trông anh bơ phờ, xơ xác nhưng cái khí thế vẫn còn quyết liệt khác thường. Anh cúi xuống nhìn nơi ống chân trước bị vết cào xước và sau khi kiểm điểm lại mình vẫn hoàn toàn bình yên, anh tiến lại gần cô Quít đang ngồi rên rỉ bên một khóm cỏ. Đôi mắt của anh như tuồng an ủi và vuốt ve nàng. Rồi anh nghiêng xuống lưng cô, nhẹ nhàng liếm sạch các vết máu tươi loang chảy từng dòng. Cô Quít ngồi yên, vui sướng đón nhận sự săn sóc ấy. Lưỡi mềm của người bạn tốt lướt trên da thịt đem lại cảm giác dịu dàng, một sự âu yếm chan chứa thương yêu. Thoáng chốc cơn đau như tan biến mất và những giọt máu cũng được ngưng lại do chất nước bọt ở miệng anh chàng hàn gắn vết thương. Cô Quít ngược nhìn người bạn với một cặp mắt triu mến, mang ơn, đưa mồm ngửi hít lên lớp lông cổ của chàng, kêu lên những tiếng nho nhỏ thân yêu. Chàng Vá cũng như đáp lại những tình cảm ấy và đưa đầu mình gác lên đầu bạn với một dáng điệu vô cùng thân mật. Khi trời bắt đầu sụp tối, chàng dìu cô bạn trở về. Cả hai cùng đi bên nhau trong bóng hoàng hôn xuống chậm, và đêm hôm ấy ông Hai vui mừng nhìn thấy cô Quít cúi liếm những vết trầy trụa ở chân anh Vá một cách dịu dàng. Ông quay sang bảo bà Hai:

- Kể đã lâu rồi, bây giờ hai con vật này mới thấy gần nhau. Anh chị đã biết săn sóc cho nhau tận tình như thế, sớm muộn gì mình cũng có một bầy chó nhỏ.

Từ đấy cô Quít quyến luyến không rời người bạn của mình. Tật nguyên của anh không có vẻ gì là thảm thương nữa. Trái lại, nó như xác nhận thêm cái bản lĩnh chàng ta. Cả vẻ cần cù tiêu tụy nơi người bạn ấy cũng không còn nữa. Trong cái bề ngoài như tầm thường ấy quả có chứa đựng cái gì phi thường. Cô Quít cảm nhận sâu xa giá trị của người bạn mình không những ở trên thực tế mà cả ở trong linh diệu của khiếu năng mình. Được gần gũi chàng người ta cảm thấy yên lòng không biết bao nhiêu. Trong con người đó có một sự sống tiềm tàng kỳ lạ với nhiều đức tính tốt đẹp của một truyền thống tuyệt vời. Chàng ta chiều chuộng

mọi điều phiền nhiễu của người bạn gái, trừ những buổi đi lang thang dành lấy một mình. Và những ngày chàng quyết định ra đi như thế, cô Quít ngó ý đi theo bỗng bắt gặp vẻ quyết liệt nơi con người ấy. Sự quyết liệt có nghĩa như lời ngăn cản, như một chối từ. Và cô Quít đành ngoan ngoãn tuân lời, ngồi trong ngưỡng cửa nhìn theo bóng chàng thấp thoáng xa dần rồi mất hút sau những khu phố hẹp. Những buổi ra đi như thế, bắt đầu từ sáng thì đến trưa lơ mới thấy chàng về. Đôi lúc ra đi vào lúc xế trưa thì đến chiều mát, chàng mới quay trở lại nhà.

Nhiều đêm trăng sáng, sau đấy, vợ chồng ông Hai nhìn thấy đôi bạn thân thơ ngoài vườn, đi bên cạnh nhau một cách lặng lẽ. Có lúc họ cùng đưa nhau ra ngoài bãi cỏ, kê mõm, cọ vai rồi lại lững thững quay về trong sân. Ngồi bên nhau chán họ lại trở vào dưới hiên, nằm sát cạnh nhau, lơ mơ trong một giấc ngủ chập chờn. Nhiều đêm mưa lạnh. Vợ chồng ông Hai thấy đôi bạn ấy quấn quýt nằm sát bên nhau như để chia chung hơi ấm. Và ông Hai Thìn vui mừng chờ đợi...

Sự chờ đợi của ông cuối cùng đã được toại nguyện. Cách mấy tháng sau cô Quít trở nên nặng nề mệt nhọc nhiều hơn. Cô nàng thường nằm vật vã và hay hờn dỗi. Bữa cơm ít khi được ăn vào giờ đã định mà chừng như đợi có sự ân cần mời mọc của người bạn mình. Bụng cô càng ngày càng lớn và những chuyến anh Vá đi suốt buổi cũng thừa thốt lần. Trách nhiệm - gia đình đã làm hạn chế những chuyến phiêu lưu kia chẳng? Và những cái gì phải đến, đã đến. Cô Quít một hôm trở dạ vào lúc nửa đêm, đã cho ra đời được hai đứa nhỏ thật là kháu khỉnh. Ông Hai vào nhìn, kêu lên mừng rỡ. Hai con chó đực có bộ lông giống như cha mẹ chúng: một con màu lông đen tuyền, một con lông trắng vá nâu. Ông Hai vẫn mong đợi nhiều hơn thế nhưng được bấy nhiêu cũng đã quý rồi. Tất cả công phu gầy dựng, chờ đợi trong bao lâu nay, thế là toại nguyện. Nòi giống tốt đẹp không bị tuyệt diệt và những cái gì đáng được lưu giữ kể như được duy trì rồi. Dĩ vãng, dù được thể hiện qua cái sự sống nơi loài súc vật, vẫn không hề bị xóa nhòa. Dĩ vãng còn đấy và đang di chuyển về hướng tương lai.

Chuyện sinh đẻ này là điều vui chung cho cả gia đình: vợ chồng ông Hai lấy làm toại nguyện, cô Quít tỏ ra hoan hỉ và anh chàng Vá cũng thực hài lòng. Bây giờ mới thấy rõ được tấm lòng người cha chan chứa nhiệt tình của anh. Suốt ngày anh ta quấn quýt bên những đứa nhỏ, liếm lông của chúng, đùa nghịch với chúng, tập chúng bò lê bò lết ra cửa đón ánh mặt trời. Mẹ chúng nằm yên nơi ổ, lim dim đưa mắt nhìn theo không nói tiếng nào. Nhưng khi người cha hăng hái muốn dìu những đứa bé con ra khỏi ngưỡng cửa để tiến về vườn thì người mẹ khẽ ngóc đầu và hực một tiếng cản ngăn. Cô Quít có lẽ đánh hơi được cái ý hướng phiêu lưu mà người chồng mình truyền dạy quá sớm cho bầy trẻ nhỏ. Người đàn bà vốn không thích phiêu lưu, và những di chuyển trong đời cô Quít ít nhiều là chuyện đau lòng. Số phận của con cái nàng, của giống loại nàng hình như đã được chỉ định ở trong khung cửa và nên bằng lòng như thế để khỏi rước lấy hiểm nghèo. Không ai biết được người cha của

chúng, hào hùng là thế, lịch thiệp là thế, đã phải chuốc lấy tật nguyên là bởi vì đâu? Phải chăng là vì những cuộc phiêu lưu ngang dọc giang hồ? Bởi vậy, đánh hơi được ý hướng ấy manh nha nơi tổ ấm mình, cô Quít vội vàng phát biểu một lời ngăn chặn. Tiếng hực của cô thường làm chấm dứt rất mau ý định phiêu lưu như thế. Và anh chàng Vá nghe sự phát biểu của vợ, ngược đầu nhìn lại với một vẻ mặt không mấy bằng lòng nhưng vẫn ngoan ngoãn lấy chân khều hai đứa nhỏ để chúng quay vào bên mẹ. Rồi anh lặng lẽ, khập khiễng một mình ra dạo ngoài vườn và đến ngồi ngay chỗ ngõ, hướng nhìn về một nơi xa.

Suốt cái thời gian cô Quít sinh đẻ và trong mấy tuần sau đó anh Vá thường nằm ở nhà, quanh quẩn săn sóc vợ con. Khi hai đứa nhỏ đã chạy liến láu khắp nhà, đã biết vui đùa cùng với mẹ nó thì anh Vá lại thỉnh thoảng rời nhà như trước. Cô Quít tỏ ý không được bằng lòng. Cô muốn làm cho ra lẽ một phen để chấm dứt những phiêu lưu như thế nơi người đàn ông bây giờ đã có trách nhiệm gia đình, cần phải bảo vệ sự yên ấm này để mua những ngày hạnh phúc mà đợi tuổi già sẽ đến.

Nhưng nỗi yên vui mà cô chờ đợi không thể xảy đến như cô mong ước. Sau niềm vui của ông Hai Thìn, tai biến đột ngột xảy ra trong gia đình ông. Một buổi chiều nọ, theo như lệ thường, con Vá ra đi và đến tối mịt không thấy trở về. Đến chín giờ tối thì ông Hai Thìn bắt đầu sốt ruột, cô Quít nhấp nhồm ra vào, chờ đợi, bồn chồn. Người ta linh cảm có một sự gì bất thường xảy đến. Lát sau, Ba Tuất, một người láng giềng của ông Hai Thìn, hối hả chạy vào:

- Này ông Hai ơi, ông có biết chuyện gì chưa?

Ông Hai ngơ ngác:

- Chuyện gì kia chớ?

Ông Ba cúi xuống thì thào vào tai ông Hai:

- Thằng Tẩu Bù Lon chết rồi.

Ông Hai bàng hoàng, liếc nhìn mẹ con cô Quít nằm ở góc phòng. Tuy không hiểu được tiếng người, nhưng trông dáng họ thì thầm thế kia vừa liếc nhìn mình, cô Quít chừng như cũng đoán được một chuyện gì bất hạnh xảy ra cho mẹ con nàng. Cô rời hai đứa bé con, tiến lại phía chủ. Ông Hai một tay vuốt nhẹ lên đầu cô Quít, mắt nhìn ông Tuất, nói bằng một giọng lo âu:

- Câu chuyện thế nào, anh kể cho tôi nghe với. Từ chiều đến giờ con Vá đi đâu biệt tích biệt tăm.

Chương sáu

Từ hôm cố gắng ngăn cản kẻ thù để người chủ mình kịp thời nhảy xuống dòng sông vượt thoát và bị liên tiếp cả ba viên đạn trên người, con Vá âm thầm mang mối cừu thù trong dạ. Nó còn nhớ rõ vẻ mặt hung hãn của con người ấy. Gã là Tư Tẩu, một lính mã tà khét tiếng tàn ngược, thường sử dụng cây búa-lon bằng sắt khá dài tra khảo tội nhân. Cái danh hiệu Tư Bù Lon đã được "trước bạ" trong miệng thế gian là vì lẽ đó. Với năng khiếu đặc biệt của loài chó tinh khôn, sau khi đã được cứu sống, con Vá chờ đợi một ngày bình phục để tìm cơ hội trả thù.

Những buổi rời khỏi nhà chủ lê la đây đó con Vá để tâm dò xét nơi ăn chốn ở và sự đi lại của Tư Bù Lon. Nhưng sau thời kỳ toàn bộ cơ quan đầu não Mỹ Tho thời ấy đã bị di chuyển vì không khám phá kịp thời một cuộc hội kín quy mô ở khu rừng Sát thì Tẩu Bù Lon cũng được di chuyển tiếp theo cùng với quan thầy. Sáng rồi lại chiều, thỉnh thoảng con Vá đến tìm hơi hướng kẻ thù tuy còn sót lại đâu đây mà bóng dáng gã vẫn không tìm thấy. Với cái khứu giác tinh vi riêng của loài chó (mà theo các nhà khoa học hiện đại cho biết trung bình bén nhạy hơn người gấp một triệu lần), con Vá vẫn chưa mất dấu kẻ thù. Nhưng một ngày kia những hơi hướng ấy lại bị xóa mờ. Rõ ràng Tư Tẩu đã không còn nữa. Hoặc là y đã chết rồi, hoặc là y đã đi xa. Con Vá âm thầm chờ đợi. Những chuyến đi lại của nó nơi các đồn bót ban đầu cũng khiến đôi người lưu ý nhưng rồi người ta quên đi và chẳng một ai quan tâm. Nó đã đổi khác quá nhiều, không còn vòng da nơi cổ, không còn đai mây trước ngực, không còn phương phi, sung sức như xưa. Những con chó Vá cũng không phải loài đặc biệt có thể nổi bật ở trong sinh hoạt thường ngày. Hơn nữa, bây giờ nó chỉ là kẻ què liệt, gần như mù lòa khắp khiêng lê bước trên đường, đâu có vẻ gì đáng kể. Cũng có đôi người mã tà tinh nghịch ném đá chọi nó khi nó lảng vảng chung quanh đồn bót nhưng rồi thấy nó như đui như điếc trước những đe dọa người ta cũng phải nản lòng trong cuộc chơi đó. Có kẻ ném về phía nó một mẩu bánh mì hay một khúc xương, nhưng con chó Vá chẳng hề xúc động. Nó không sợ những viên gạch, nó chẳng thèm cả miếng ăn, con chó như thế có gọi được gì hào hứng cho người chú ý? Dần dần không ai còn nhìn thấy nó, dù nó vẫn cứ xuất hiện đều đặn hàng tuần chung quanh đồn bót, hoặc từ đồn bót về nơi nhà cũ của Tư Bù Lon ở một dãy phố chật hẹp. Con Vá ngày xưa, theo những hơi hướng, đã dò biết được chỗ ở kẻ thù. Bây giờ kẻ thù tuy không còn nữa nhưng nó còn nhớ đường xưa lối cũ để thỉnh thoảng đến trông chờ. Suốt cái thời khoảng dài dặc, sau đó, con Vá hầu như tuyệt vọng. Càng ngày kẻ thù càng thấy mất tăm, đã vượt thoát rồi. Hắn đi về đâu? Con Vá ngần ngừ nhiều lần không sao hiểu được. Nếu nó nằm dưới nắm mồ nào đó, cho dù vùi sâu dưới lớp đất dày, con Vá

cũng sẽ đào lên nhai nát thây ra, gặm từng miếng xương của nó, kéo lê kéo lết từng mảnh di thể trên khắp con đường của phố phường này. Nếu nó đổi về một nơi nào khác, dù cho phố phường chen chúc hay là rừng vắng xa xôi con Vá cũng sẽ tìm đến ngoạm vào cổ nó, đòi nó phải đền sinh mạng mà chuộc tội mình. Nhưng nó biến đi không sao biết được thể nào. Con Vá ngẩn ngơ, sầu buồn, nhưng không nản lòng chờ đợi. Gần một năm trời như thế, con Vá tới lui, thăm viếng đồn bót, nom chừng bóng dáng kẻ thù. Trong suốt thời khoảng chờ đợi khá náo nê ấy nó đã gần gũi con Quít và đã làm cha của hai đứa nhỏ kháu khỉnh. Thời khoảng con Vá ở nhà chăm sóc vợ con, bắt đầu một nhiệm vụ mới trong cái cuộc sống giang hồ lang bạt của mình thì kẻ thù kia lại thấy trở về chốn cũ. Gã Tư Bù Lon vì nhiều năm tháng quen thuộc nơi đây, đã tìm cách quay trở lại. Ở đây ngôi nhà của gã vẫn còn, người tình của gã vẫn đợi và nhiều bạn nhậu của gã vẫn đang còn nhắc nhở gã. Quan thầy của gã mãn xong nhiệm kỳ đã trở về nước. Gã quay lại đây với niềm vui sướng đặc biệt. Cái uy thế cũ của gã vẫn còn và gã vẫn được cấp trên, những người chủ mới, đang cần củng cố quyền hành đặt sự tín nhiệm ân cần vào gã.

Tư Bù Lon đi giữa thành phố này như đi giữa chỗ không người. Dân chúng vốn khiếp sợ gã là lẽ dĩ nhiên. Gã cũng thừa biết trong số những người đông đảo mà gã gặp gỡ hàng ngày, trong số những kẻ ân cần mời mọc, thưa dạ với gã, kể cả những người anh anh, em em, thầy thầy, cháu cháu với gã thường xuyên, cũng vẫn không thiếu kẻ thù. Thiên hạ vẫn thèm ăn gan gã lắm nhưng gã kể như con người vô địch, gã có những thần hộ mệnh là các quan trên, có cả lá bùa hộ mệnh đeo ở nơi ngực và một vật dụng bảo mệnh lủng lẳng cạnh sườn có thể cấp kỳ khắc đạn bất cứ lúc nào. Ý tưởng có nhiều người thù trong đám thiên hạ chung quanh không làm cho Tư Bù Lon khiếp sợ, trái lại điều đó kích thích được gã nhiều hơn trong sự kiêu ngạo thường ngày. Gã vẫn thèm khát hiểm nguy và từ lâu rồi đã được đào luyện trong không khí ấy. Kẻ thù càng gần gũi hơn, càng khó nhận diện, đối phó, lại càng hào hứng. Bây giờ trở lại chốn cũ, nơi có khá nhiều bạn hữu và nhiều kẻ thù, thật là thích thú gấp đôi.

Tư Bù Lon đến nhiệm sở làm việc theo như thời khắc ngày xưa và với dáng điệu hống hách đã được đổi mới ít nhiều. Bây giờ công việc bình định coi như đã tốt đẹp rồi và phong trào "bọn gây rối" đã được dẹp tan. Nhà nước mẫu quốc cũng đã khen tặng cho y và y đã lên ngạch bậc. Kẻ thù nếu còn, cũng chẳng có được những dòng nước đục để nương theo đó buông câu. Gã không sợ nữa. Mối đe dọa dù vẫn còn nhưng có triển vọng một ngày một đẩy lùi xa để Tư Bù Lon hiện rõ như một nhân vật bất khả xâm phạm, ở lâu trong nghề gã cũng hiểu rõ tâm lý con người, và gã biết rằng ít ai đại gì trong lúc thời buổi yên ổn lại gây nợ máu với gã để chuốc lấy những hậu quả không sao lường được. Lao Bảo, Bà Rá, Côn Lôn, bao nhiêu nhà tù đang mở rộng cửa để đón họ vào với những cực hình thảm khốc. Nhưng liệu có được an toàn để mà vào đấy ăn món cá thối cơm thiu hay là chính sự trừng phạt của gã sẽ làm cho họ điều đúng đắn hơn? Tất cả những ý tưởng ấy đã đặt gã Tư Bù Lon trong

niềm tự tin vững chắc lạ lùng. Một hôm nào đó ngồi trong đồn bót nhìn ra gã thoáng thấy con chó Vá vẫy đuôi mừng rỡ, rà mũi dọc theo con đường. Con chó ngược lên như tìm một người thân quen nào đó bên trong. Gã bỗng ngỡ ngàng giây phút. Con chó thật là quen thuộc. Nhớ như đã gặp nó ở đâu rồi... Và gã sức nhớ, chừng như ngày xưa đã bắn chết một con Vá loại này. Phải rồi. Đó là một con chó Vá vô cùng nguy hiểm, con chó của một tay Cộng sản gộc giả làm một kẻ mù lòa ăn xin để dễ liên lạc những người đồng tâm, đồng chí trong địa phương này. Con chó nguy hiểm, gã tự nhủ thầm là vậy, nhưng ba phát đạn của gã đã đưa nó vào dạ dày của những dân nhậu ở đây một cách ngon lành. Con chó ngày xưa, cố nhiên không thể là con chó này. Ngày xưa, nó oai vệ hơn, nó đẹp đẽ hơn. Nhưng sự tàn tật của con vật này thoáng gợi nơi gã ít nhiều ngờ vực. Có thể đó là con chó ngày xưa sống sót hay chẳng? Chắc là không phải. Nhưng dù nó còn sống sót, cũng là điều vui. Nó mang tội nguyên do gã gây nên, nó lại có dịp nhắc nhở cho dân địa phương biết đến uy thế của gã. Con chó được kể như một bích chương sống động tuyên truyền cho uy quyền gã đó thôi. Tẩu Bù Lon đã không sợ con người thì loài chó má nào đáng kể gì. Gã không chú ý đến con chó nữa. Nhưng một tuần sau, trên chuyến đường về nơi ngôi nhà cũ, gã bỗng bắt gặp con chó ở một góc đường. Con chó như theo bước gã trên một đoạn dài, rồi lại biến mất trong một ngõ hẹp. Chắc đó là một con chó lang thang, một loài chó hoang ăn bẩn sống bằng rác rưởi bên đường. Không ai có hơi sức đâu tìm hiểu về một con chó tàn tật.

Nhưng lúc gã ở trong nhà, vô tình phóng mắt nhìn ra trước ngõ gã thấy con chó lảng vảng ở trước hàng rào. Gã bước ra hiên, cúi nhặt viên đá ném về phía nó. Tự nhiên gã thấy gồm nhóm những loài vật đó. Những con chó hoang tàn tật coi thật khó thương. Viên đá xốt đầu con chó, lăn ra vệ đường. Con chó không hề hốt hoảng, nhưng nó cúi đầu rảo bước đi luôn. Cách mấy tuần sau, gã Tư Bù Lon không còn thấy con chó nữa, nhưng một buổi tối nào đó ở trong quán nhậu bước ra gã trông thấy nó thấp thoáng tìm ăn ở bên vệ đường. Có lẽ trong mấy lần nhậu trước đó gã cũng đã thấy đôi con chó Vá lẩn quẩn xa gần như thế. Có những con chó bên mình, trên quãng đường vắng, lại càng yên ổn chứ sao.

Lần này gã Tư Bù Lon đã nhậu từ chiều với mấy người bạn và trời tối mịt gã mới chệnh choáng ra về. Trong cơn ngà ngật men nồng, gã bước lảo đảo như người đi giữa chiêm bao. Gió sông thổi lại đem hơi nước mát làm người khoan khoái. Qua những mảng lá xanh đen chập chờn sáng ánh đèn đường, thỉnh thoảng gã cũng bắt chột những mảnh trời xa thấp thoáng vì sao. Tiếng gió lao xào lượn qua cây lá trên đầu, tiếng giày lạt xạt kéo lê trên con đường nhựa, những tiếng xe cộ ồn ào vắng lại từ những phố phường tấp nập gần bên. Gã bước trên con đường vắng, nghe hơi rượu nồng bốc lên tỏa nóng khắp người.

Đến một ngã đường khuất vắng xa ánh đèn đường, một chỗ có nhiều tàng lá rậm dày, thừa thớt nhà ở, gã như đang chìm vào trong bóng tối âm u thì bỗng một cái bóng trắng lơ mơ bên đường thoáng vút sát bên mình gã. Chưa kịp quay đầu nhìn lại thì những chiếc răng bén nhọn đã ngoạm vào ngay gáy gã, xuyên thủng vào da thịt gã với sức trì kéo thật mạnh

của một con vật có những móng vuốt bén nhọn cào cấu lên khắp thân mình. Gã Tư Bù Lon hoảng hốt, mắt đà, ngã vật mình xuống vệ đường không kịp kêu lên được một tiếng nào. Con vật ngoạm chặt gáy gã với một sức mạnh vô cùng dữ tợn, vừa nhai vừa cào khiến gã giãy giụa, vùng vẫy, quờ quạng tìm lấy khẩu súng. Máu nơi người gã cuồn cuộn tuôn ra và khuôn mặt gã dập xuống mặt đường cũng bê bết máu. Con vật biết gã đuổi sức, vừa cào vừa cấu mạnh hơn vừa dùng những chiếc răng nhọn cắn sâu vào cổ họng gã. Tư Tẩu cầm được khẩu súng, quờ quạng hấn trả vào mình kẻ thù đang cố lẩn xả muốn nhai nghiền gã. Những viên đạn nổ vang dội trong đêm nhưng không trúng được kẻ thù. Kẻ thù chùng như điên tiết nhiều hơn, cào cấu loạn xạ hơn lên, và trong những phút rối loạn cuống cuồng Tư Tẩu nhìn thấy được con chó Vá tàn tật. Cuối cùng gã đã bắn được viên đạn sót lại vào ngực con vật nhưng gã cũng phải buông xuôi cánh tay nằm sấp ở trên mặt đường. Máu tuôn từng vòi, xối xả và có tiếng người ồn ào di chuyển lại gần. Có lẽ trong phút cuối của cuộc đời mình, Tư Tẩu đã nhận diện được kẻ thù là ai. Nó đấy, nó là con chó của người mù lòa ăn xin, đã chờ đợi gã trên mấy năm nay để rửa mối hận ngày nào.

Khi nhà chức trách tìm đến thì Tư Tẩu đã chết rồi, máu đọng thành vũng chung quanh người gã và máu đang còn rỉ chảy từ các vết thương cào cấu khắp mình. Gã đã chết trong đau đớn tột cùng, đã phải quằn quại giãy giụa, qua những dấu vết lẩn lộn và những áo quần bê bết máu me. Thủ phạm rõ ràng không phải là một con người. Người ta dò thấy dấu máu loang dài ra đến bờ sông. Nơi đây, hung thủ mất dạng. Có lẽ nó đã nhảy xuống dòng sông tẩu thoát, hay là đã tìm nơi đây trầm mình. Cuộc điều tra được tiến hành và họ cấp tốc mang xác Tư Tẩu đưa về khám nghiệm để mà chôn cất. Buổi tối hôm ấy sau khi được nghe Ba Tuất kể chuyện, ông Hai Thìn như đoán được sự tình. Vội vàng, ông rời khỏi nhà và tìm đến chỗ án mạng xảy ra. Mới rời khỏi cổng độ một quãng đường ông nghe tiếng chó theo sau, quay lại đã thấy con Quít bén gót. Con chó cũng như linh cảm điều gì bất trắc về phía chồng mình nên dù chủ không gọi nó đi theo nó vẫn tự động tìm kiếm. Khi ông Hai Thìn đến nơi thì xác Tư Tẩu được khiêng đi rồi, vũng máu cũng được dội sạch và những lớp người tò mò không dám dừng lại quá lâu nơi ấy đã tản hết rồi. Chỉ còn đôi người qua đường chậm bước để nhìn quanh chỗ xảy ra tai nạn rồi bước đi mau, mắt vẫn dè chừng bóng tối chứa chấp những điều đe dọa. Con Quít rà những dấu máu còn lại đây đó, đưa dần ông Hai về phía bờ sông. Nó tiến xuống gần mặt nước, cuống quýt, kêu lên những tiếng ăng ẳng nho nhỏ đượm nỗi lo âu pha lẫn sợ hãi. Về đêm, mặt sông như trải dài ra thăm thẳm, gợn những đốm sáng lẩn tẩn dọc theo ven bờ, thấp thoáng ẩn hiện đây đó những cánh buồm đen xuôi ngược trên dòng.

Con Quít càng lúc càng tỏ ra hoảng hốt hơn. Hai chân trước nó cào cấu loạn xạ trên bùn, mình nó chỉ chực chồm tới, lao xuống mặt nước. Ông Hai nghĩ rằng con Vá có lẽ noi gương chủ nó ngày xưa phóng mình xuống sông để trốn thoát rồi. Như vậy, không còn hy vọng gì tìm gặp lại. Rõ ràng là nó đã quyết báo thù và rửa hận xong, nó đã ra đi. Nhưng liệu máu

me đầm đìa như thế, vết thương của nó ắt cũng trầm trọng liệu còn sống sót được chăng? Nó lựa đêm tối để phục thù và tìm dòng nước để thoát thân là cách bảo vệ an toàn cho gia đình ông.

Ông Hai đứng lặng, nghẹn ngào. Thái độ con Vá khiến ông cảm phục, ông thấy loài vật vẫn có thể đạt đến những đức tính cao đẹp. Kể ra phải mang ơn nó rất nhiều. Nó đã loại trừ được tên ác ôn khét tiếng và nó cũng cho nhiều người thấy rằng loài chó vẫn biết căm thù một cách chính đáng, huống thay là những con người. Trên một năm nay ông vẫn không hiểu về những chuyến đi của nó, cứ tưởng chút máu giang hồ sót lại dẫn dắt nó vào những chuyến lang thang đây đó trong phố phường này. Bây giờ mới hiểu là nó quyết tâm rửa hận và giờ đây mối hận thù đã được trả xong. Không tiện dừng lâu ở bên bờ sông, ông gọi con Quít trở về. Nhưng gọi cách nào con vật cũng chẳng chịu nghe. Sợ gọi thêm sự chú ý ở một số người có thể lảng vảng gần đây, ông Hai lợi xuống bãi sinh, nắm tai con vật kéo lên. Nhưng con vật đã vùng thoát và như điên cuồng, phóng mình xuống nước, hì hục lội ra giữa dòng. Ông Hai biết mọi cố gắng gọi nó quay lại đều là vô ích. Con vật tìm thấy hơi hướng người chồng, và nó dẫn thân vào cuộc phiêu lưu có thể hiểm nghèo. Ông đứng chờ đợi trên bờ một lát, nhìn dòng sông đen thẫm thăm thẳm mịt mù, chong tai cố nghe qua những tiếng gió nhưng không nghe thấy gì hơn là tiếng bì bõm của những mái chèo khua nước, tiếng sóng bì bộp vỗ vào mạn bờ. Con vật như chìm trong bóng đêm dày mênh mông và ông thở dài quay trở về nhà.

Những ngày sau đó, không thấy con Vá cũng như con Quít trở về. Một số người quen ông Hai sống ở ven bờ bên kia sau đó đã cho ông biết là họ nghe nói có hai con chó chết đã trương sinh tấp vào trong bãi, một con chó Mực và một con chó Vá. Có lẽ con Vá bị vết thương nặng đã tự trầm mình để tìm cái chết dưới dòng sông sâu và trong chuyến đi tìm chồng con Quít cũng đã đuối sức, gỏi xác giữa dòng.

Nhưng cả thời đó, chó chết vẫn chưa hết chuyện. Con Vá mặc dù đã cố bảo toàn cho chủ, nhưng theo những sự suy luận của nhà chức trách và sự bàn ra tán vào của một số người, ông Hai Thìn bị nghi ngờ về vụ giết chết Tư Tẩu. Ông bị bắt giữ, bị cật vấn mãi về vụ con Vá. Cuối cùng, không có chứng cứ rõ rệt người ta phải thả ông về, sau một tháng trời nằm ở biệt giam. Nhưng khoảng thời gian ông bị câu lưu, bà Hai vì quá sợ hãi về sự liên lụy nên vội đem hai con chó nhỏ kia cho một người bạn ở xa.

Vụ chó giết người và giết một tên ác ôn vào cỡ Tư Tẩu có làm sôi nổi dư luận một dạo, nhưng vì tình hình thời đó mọi sự lan truyền như thế đều bị hạn chế nên không được nhiều người biết.

Chương bảy

Hai con chó nhỏ của ông Hai Thìn đã được đem cho ông Hội đồng Dực là một điền chủ miền Tây, giàu lòng yêu nước, đã từng giúp đỡ tận tình cho những phong trào Cách mạng thời ấy. Hoạt động của ông hết sức bí mật, ít ai rõ được hành tung. Ông còn là Mạnh Thường Quân có thể sánh với ông Hội đồng Tồn ở vùng Chợ Lớn. Ông cũng đã từng sang Nhật, gặp Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và một số nhà Cách mạng Việt Nam còn lưu tại Nhật. Cha tôi là một đồng chí của ông nên thường ghé lại nhà ông. Cha tôi ít khi về nhà, mãi mê theo các hoạt động Cách mạng nên từ khi ba chị em tôi ra đời, cha tôi cũng như chim trời theo gió, rày đó mai đây, chẳng hẹn lúc về chẳng báo lúc đi. Đúng ra mỗi năm ông cũng về nhà độ hai ba lần, một lần vào mùa gió nồm đón khách từ Lục Tỉnh lên, và mùa gió bắc, ở vào dịp Tết, đón khách từ Trung, Bắc vào thường đi theo những ghe buồm. Những chuyến phải xuống Lục Tỉnh cũng như lúc về, thế nào cha tôi cũng ghé lại nhà ông Hội đồng Dực ở tại Sa Đéc. Một lần, nghe ông Hội đồng kể lại chuyện hai con chó mang về từ nhà Hai Thìn, cha tôi thật là xúc động. Ông kể lại cho ông Hội đồng nghe câu chuyện con Quít được nuôi trong nhà chúng tôi, rồi được Hai Thìn mang về chữa trị. Như thế, bây giờ mặc nhiên cha tôi có quyền chia một con chó trong số hai con. Ông Hội đồng Dực nhường lại cha tôi con Mực, bởi vì mẹ nó ngày xưa cũng sắc lông này. Bây giờ nó đã khá lớn và cũng khôn ngoan không kém gì cha mẹ nó ngày xưa. Để có thể đưa nó về yên ổn, suốt khoảng thời gian ở lại nhà ông Hội đồng, cha tôi tìm cách làm quen với nó, giữa vật và người bắt đầu có niềm quyến luyến. Bấy giờ ông Hội đồng cho người nhà đóng một cái thùng, tập nó ra vào trong đó và giao nó cho cha tôi. Một hôm, cha tôi cho nó vào thùng, chở xuống con tàu Long Hồ cùng về Mỹ Tho. Nó được mua vé hăn hoi và cuộc hành trình có vẻ êm thấm, xuôi dòng sông nước Cửu Long. Không ngờ, vào lúc đêm khuya, khi tàu sắp tới Mỹ Tho con Mực bỗng tru tréo lên dữ dội, hăn nó đòi ra làm việc vệ sinh khiến những hành khách trên tàu thấy đều thức giấc.

Viên cò tàu rất nổi giận, hùng hổ xách khẩu súng sáu chạy đến đòi bắn chết nó và vớt xuống sông. Cha tôi đành phải xin lỗi tất cả hành khách, năn nỉ viên cò người Pháp, trình vé của nó cho y thấy rõ. Viên cò vẫn chưa hết giận, gọi người bán vé buộc cha tôi phải đóng phạt gấp đôi.

Về nhà, nó được chúng tôi đón mừng, săn sóc, được cho ăn uống đầy đủ nên nó lớn mau như thổi. Khác hẳn mẹ nó ngày xưa, nó có sức mạnh thật là kinh hồn. Một mình nó có thể vật ngã hết một bầy chó đông, và khi đã biết đòn của nó rồi không một con nào dám xáp lại gần. Tài lặn của nó cũng không thua gì loài rái. Những khi gặp những kỳ đà, nó rượt thật

nhanh chận lấy miệng hang của giếng loại này và ngoạm lấy cổ, không để con kỳ đà nào dùng đuôi mà quật được nó. Nếu kỳ đà lặn xuống nước, nó cũng chẳng chịu buông tha. Nó đứng trên bờ, bơi đá để rớt lõm bõm buộc kỳ đà phải lội đi, rồi nó trông theo hướng dòng nước rẽ mà nhảy xuống theo, vồ lấy. Nhiều lần gặp những kỳ đà quá lớn nó phải vật lộn dưới nước khá lâu, và thế nào đến lúc cuối cùng ngoạm được cổ con vật lôi lên trên bờ, quật chết. Ở con Mực này truyền thống về cái sức mạnh và sự gan dạ của người cha nó vẫn được lưu truyền. Kỳ đà cứ được kéo về, nhưng mẹ tôi không ưa món thịt này, bảo tôi đem sang cho chú Năm tôi. Về sau, mỗi khi săn được con nào, tự nó mang sang nhà chú chứ không đưa mời về nhà như trước. Thỉnh thoảng gặp những vịt bầu lội ở dưới mương, nó tìm cách đuổi xua đi rồi lặn xuống nước mò trứng. Nó khéo đến nỗi ngoạm trứng giữa hai hàm răng lõm chồm mà không hề làm bể trứng bao giờ. Tôi chợt nhớ lại một dạo những người gánh hàng đi từ chợ về sợ ý là bị nó cắn xâu thịt mà chẳng ai hay. Nó biết ngậm lấy ở chỗ dây cột chứ không cắn ngang miếng thịt mà gọi chú ý. Mỗi lần ăn cắp được thịt, cũng như mò trứng nó mang về nhà, nhả lên đặt ngay giữa ván một cách chững chạc rồi mới quay đi. Má tôi lại xách xâu thịt đem ra ngoài xóm hỏi thuộc về ai, để mà trả lại. Chừng đó kẻ bị mất cắp mới biết. Rồi má tôi về kêu nó lại gần, bảo nó nằm xuống, răn dạy:

- Từ rày không được ăn cắp nghe không? Nếu mày còn đi mò trứng hay là lấy thịt của người thì tao đập chết.

Không hiểu thế nào mà con Mực biết ý nghĩa của lời dạy đó. Từ đấy nó không còn dám giở trò đạo tặc như cũ.

Chú Năm của tôi thích ăn thịt chó, cho nên nó ghét chú lắm. Hễ gặp chú đâu là nó sửa lên dữ dội. Nhiều khi chú ở đằng xa, chưa vào đến ngõ mà nó đã sửa ồm lên để đón chú rồi. Tuy vậy, biết chú ưa thịt kỳ đà, mỗi khi săn được nó vẫn mang sang nhà chú biếu luôn. Chú tôi biết nó khôn ngoan lại hay tìm cách để chọc phá nó. Chú cầm một miếng thịt heo ném cho nó đớp, rồi làm tiếp theo cầm miếng thịt chó ném tới. Con Mực tấp trúng, vội vàng nhả ngay, bỏ đi về nhà một nước khiến ai trông thấy cũng phải buồn cười. Nhưng sự khôn ngoan con Mực đã bị hoàn cảnh gia đình của tôi hạn chế nên không thi thố được gì. Cũng như mẹ nó ngày xưa, tất cả giá trị của con vật đó chỉ được gói kín trong bốn bức rào gia đình, trong sự trung thành với chủ, quanh quẩn giữa một thế giới gà vịt mà thôi. Nếu có điều kiện để dạy dỗ nó, và nếu nó được dùng vào những công việc khác lớn lao hơn nhiều như cha của nó ngày xưa, chắc rằng con Mực sẽ lập được nhiều kỳ công, thành tích oanh liệt.

Tôi còn nhớ rõ, năm ấy, trái với thường lệ, ba tôi có nhả sẽ trở về nhà vào khoảng tháng Tám, trong ngày hai mươi bốn Âm lịch. Vì có ngày hẹn chính xác như thế nên gia đình tôi nờ nức đợi chờ. Suốt ngày hôm ấy vẫn không thấy bóng cha tôi. Trời lại mưa dầm, gió lạnh, cảnh vật rất đổi thê lương. Vào lúc mười hai giờ khuya, từ phía sau bến có tiếng xuống khua, tiếng mái chèo chống và tiếng chạm đất của chân người nhảy lên bờ. Rồi một tiếng la đột

ngột cất lên giữa đêm lạnh lẽo: "Có phải nhà của thầy Năm đây không?" Chưa dứt câu hỏi bên ngoài má tôi đã chống cửa liếp vừa vịn cao đèn đi ra, đáp "phải", vừa soi đèn cho người khách thấy đường. Má tôi đã quen những điều bất trắc, tưởng cha tôi sai người về vì ông bận đi một nơi nào đó gấp rút. Không ngờ, sau khi nghe má tôi đáp, khách lạ buột miệng kêu trời một tiếng, quay lại nói với người bạn đồng hành còn ngồi dưới xuồng:

- Rõ ràng thầy Năm soi đường cho chúng ta đi.

Cũng vừa lúc ấy người cầm lái xuồng tay rút bó nhang tỏa khói cắm ở trước mũi vội vẫ đi lên. Có tiếng ngã huych xuống đất, má tôi giật xủ buông rơi chiếc đèn. Dầu đổ tung tóe, ngọn lửa bén cháy suýt thiêu rụi cả mái tranh. Diễn biến xảy ra thật nhanh như chớp. Hai người khách lạ vực má tôi dậy, lay tỉnh và sẵn lá dừa chất ở vựa củi sau hè, họ đốt cháy sáng rực lên sưởi ấm má tôi rồi khiêng vào nhà.

Hai người khách lạ, sẵn dầu bạc hà đem theo trong túi xoa cho má tôi, và một lúc sau người choàng mở mắt. Vừa thấy chúng tôi, bà liền òa lên khóc ngất, nói nghẹn ngào qua nước mắt:

- Cha của các con chết rồi!

Bây giờ bao nhiêu đèn trong nhà đều được thắp sáng. Khách lạ cầm bó hương lên bàn thờ. Chú Năm ở cách chúng tôi độ chừng trăm thước, thấy đèn rực sáng liền khoác áo ngoài đi sang coi xem việc gì. Hai người khách lạ, từ giữa Đồng Tháp Mười kinh rạch chằng chịt như những chỉ tay, chưa từng bước đến nhà tôi lần nào, chỉ nghe lời dặn: bơi theo Kinh Sáng, ra ngã Rạch Gầm Vĩnh Kim rồi đổ ra sông Cửu Long, đi tẽ vào Kênh Bảo Định, qua khỏi ngã chợ Mỹ Tho tiến vào ngọn rạch cầu Vỹ, về Lương Hòa Lạc... Hai người khách lạ không sao nhớ hết lời dặn, liền ôm theo một bó nhang cứ đốt liên tục, hết năm này sang năm khác, cắm trước mũi xuồng ba lá vừa bơi vừa khẩn cầu xin cha tôi dẫn dắt họ đi ngay đường, để cho trúng nhà kịp lo chung sự cho người. Với lòng tin đó, họ đã đi đến tận nơi và vào đúng bến.

Tôi không hiểu nhiều về những hoạt động Cách mạng mà cha tôi đã theo đuổi trong bao nhiêu năm. Chỉ khi cha tôi lâm bệnh bất ngờ, từ trần, chú Năm - người em nuôi của cha tôi - sang báo cho ông tôi hay, ông chỉ buông, một câu than não lòng:

- Tao gãy cánh tay mặt rồi!

Tất cả hoạt động cha tôi được gồm trong câu nói đó. Cái chết của ông khiến cho ông tôi buồn phiền không ít, và cho đến khi qua đời ông tôi vẫn không hề chịu nói gì cho chúng tôi biết. Những tâm sự ấy đã được giấu kín vào cõi thiên thu. Tôi còn nhớ rõ, lúc gia đình tôi thuê được một chiếc ghe chài chở lúa để đưa quan tài cha tôi về nhà, con Mực đã xuống tận ghe, quần quýt ở bên quan tài cho đến lúc đem quàng xong giữa nhà. Kể từ phút đó, con vật nằm phủ phục dưới áo quan, mồm gác lên hai chân trước. Nó nằm bất động như vậy, không

ăn uống gì, chẳng hề rời khỏi quan tài cho đến lúc chôn. Đến lúc phát tang, má tôi cẩn thận buộc vành khăn tang vào cổ con vật.

Nơi an nghỉ cuối cùng của cha tôi là gò đất cao có nhiều cây chà là gai giữa bãi ruộng biển không cấy lúa được phải để trồng lác. Muốn đi vào đó phải bọc vòng lối ruộng gò mới có lối bước. Con Mực đi theo đám tang đến lúc hạ huyệt, đắp nấm mộ rồi ai nấy ra về, riêng nó nằm lại trên nền đất ướt của ngôi mộ mới. Nó đã nhịn ăn đến ngày thứ ba, cổ vẫn còn mang khăn tang.

Cả nhà bận rộn không ai còn nhớ tới nó. Cho đến hôm mở cửa mả mới thấy nó nằm sải chân như chết ở trên nấm mộ. Mưa gió lất phất từ ngày chôn cất tới nay vẫn còn kéo dài. Bầu trời âm u với những lớp mây thấp nặng, xám xịt, gọi cho người buồn héo ruột thắt gan. Nhìn thấy con Mực trong tình trạng đó, má tôi càng xúc động hơn.

Chị tôi ẵm nó về nhà và lấy sữa pha rồi để âm ỉm đổ vào họng nó, buộc nó phải nuốt.

Đến lúc làm tuần, má tôi khẩn vái cha tôi nếu có linh thiêng hãy giúp cho con Mực sống để mà làm bạn với lũ con mình. Nó được đổ sữa như vậy liên tiếp mấy ngày nên đã tỉnh hẳn.

Khi đã bắt đầu ăn lại, nó gần như không chịu rời bàn thờ. Chị em chúng tôi phải thay phiên nhau đút cơm cho nó như là săn sóc đứa em tập ăn trong những ngày đầu. Cho ăn xong rồi, chúng tôi kéo tấm rèm bàn phủ xuống.

Một hôm, con Mực chui qua bàn thờ đi ra phần ngõ. Chúng tôi tưởng nó đi làm công việc vệ sinh cần thiết thường lệ, không ngờ nó bước qua cầu, tiến thẳng ra đường lần hồi tìm đến ngôi mộ cha tôi, nằm lên chỗ cũ. Nó cứ nằm yên như thế trọn ngày, chúng tôi phải tìm ẵm nó đem về. Qua cử cúng thất tuần rồi, con Mực vẫn cứ ngày ngày ra nằm bên mộ. Từ đó đến ngày mãn khó, xả tang, chiếc khăn của nó cũng được mẹ tôi gỡ lấy đốt chung một lượt với đồ tang sự trong nhà. Và cũng sau ngày lễ ấy, con Mực ở hẳn lại nhà không còn đi đi về về như trước. Thỉnh thoảng nó mới sang thăm mộ của cha tôi, nằm ở trên ấy trọn buổi hay là trọn ngày. Má tôi vẫn thường bảo rằng con Mực có hiếu hơn anh chị tôi nhiều lắm. Bà còn quả quyết cha tôi đã làm cho nó sống lại, vì nó cự tuyệt ăn uống, đã nằm ngoài mưa rõ ràng muốn chết theo chủ - bà đã van vái cha tôi khuyên nó ở lại với lũ chúng tôi.

Tất cả những sự việc này xảy ra trước mắt, ngay trong gia đình cho nên chúng tôi không thể nào suy nghĩ đến mà không cảm thấy ngạc nhiên về sự thông minh của loài vật đó. Nhưng điều đáng ngạc nhiên nhất là từ khi mang nó về. Cha tôi ít khi ở nhà, cũng không bao giờ có chút rảnh rỗi để chăm sóc nó, tại sao có sự triu mến một cách lạ thường như vậy? Cho đến bây giờ, chúng tôi vẫn chưa tìm được lời giải đáp đó.

Sau khi cha tôi qua đời, tiền bạc mà ông hùn hạp đây đó trong các công cuộc kinh doanh kể như đóng góp luôn cho Cách mạng, má tôi không đòi tính toán làm gì. Cho đến quốc trái, công trái người Pháp bắt mua lấy tiền đánh Đức, bà cũng không biết làm những thủ tục đi

lãnh. Gia đình chúng tôi ngày càng sa sút và cái tình trạng khủng hoảng kinh tế thời ấy khiến gia đình tôi không còn thuê nổi chỗ ruộng vườn cũ, nên phải trả đất dời nhà mà đi. Chúng tôi về cất ngôi nhà nhỏ hẹp, nằm trên miếng đất ông tôi, gần mộ cha tôi. Từ đó, cảnh sống gia đình lại càng kham khổ, con Mực chỉ còn ăn cháo gạo lứt nấu chung với cám.

Bây giờ con vật không còn sức sạo đi săn như trước. Nhưng về đêm, một mình nó đi canh gác, bao quanh khắp cả khuôn vườn ông tôi. Kẻ trộm không làm cách nào vào được, nhiều lần lấy da trâu nướng ném vào gạt phỉnh nó ăn, nhưng nó không để mắc lừa. Tôi chắc là bọn trộm này không phải từ nơi xa đến nên chúng biết rõ ban đêm không làm thế nào dụ được con Mực, đành đợi ban ngày chờ lúc chúng tôi dẫn nó đi chơi, kẻ trộm mới lên vô nhà, trút cháo vào bát dành riêng cho nó rồi vùi mấy miếng thịt heo nhét đầy mảnh chai ở giữa. Con Mực đã tưởng của nhà nên không đề phòng. Từ lâu kham khổ, bây giờ gặp miếng thịt ngon, lại ở trong nhà, nó không ngờ đến. Nuốt trôi mấy miếng, nó bị mảnh chai xóc cổ khạc mãi không ra. Mảnh chai đâm cổ họng nó sưng vù, không uống được nước. Mảnh chai vào ruột, đâm lủng ruột nó, nó rặn ra máu mà không tiêu được. Má tôi thấy mấy miếng thịt găm đầy miếng chai, biết chúng tôi đã bỏ nhà đi chơi cho nên con Mực mới bị ám hại. Một đời tinh khôn của nó phút chốc vấp phải miếng ăn mà chịu đau đớn, nằm rên ư ử không phát thành tiếng. Nó không còn ở trong nhà, tìm một chỗ khuất ở ngoài đồng rơm nằm trốn. Mỗi ngày, tôi ra thăm nó, đổ nước cho nó thấm giọng. Vào một đêm kia, không nghe tiếng nó rên nữa, tôi ra đồng rơm nhưng không gặp nó.

Đến sáng, tôi đi tìm khắp khu vườn, thấy xác nó chui vào một cái bông tháo nước. Nước lớn dâng ngập, nó chết cách xa nhà tôi gần một trăm thước. Má tôi hay được tin ấy, không sao cầm được nước mắt. Người bảo: "Con Mực đã tự vận rồi". Lúc sống nó đã gần gũi chúng tôi không chịu rời xa, lúc chết gom hết tàn lực cố lết cho xa chúng tôi. Biết đâu, khôn ngoan một đời, lỡ lầm một phút, con Mực đành phải chết nhục thể thảm nên không muốn nhìn thấy mặt chúng tôi vào lúc cuối cùng. Tôi ôm xác nó về nhà, chôn cất thật là tử tế. Nhiều lần, sau này, tôi cũng nghĩ ngợi về cuộc đời nó, biết đâu trong cái truyền thống tinh khôn nó đã mang sẵn trong mình của cha mẹ nó, lại không có những tí vết của một nhược điểm đã khiến cho nó mắc mưu kẻ thù? Phải chăng cái tỳ vết ấy là sự hưởng thụ no béo mà mẹ nó đã thừa hưởng một thời ở trong gia đình chú Chưởng?

Chương tám

Con Vá, anh em ruột thịt đồng lứa với con Mực, được ông Hội đồng đặt tên là Ki, cùng danh tánh với con chó có nghĩa mà cụ Sào Nam đã làm bìa thờ.

C Nó giống y hệt cha nó ngày xưa, pha cái dáng dấp uyển chuyển của người mẹ nó. Đó là giống chó rất nòi Việt Nam, hao hao giống loại chó rừng, mõm dài, tai đứng dáo về phía trước, mũi bằng và hơi phồng to nhưng không nhọn như chó rừng. Lông nó nhuyển ngắn, sát mình. Đặc biệt trên lưng có xoáy và chòm lông gáy chạy dài dọc theo xương sống. Đuôi nó xòe như chiếc chổi tàu cau. Chân nó thon dài, gân guốc. Nó thuộc về giống chó săn độc đáo và những tài nghệ bắt chồn, đuổi sóc, moi chuột v.v... của nó rất là tài tình. Những bản lĩnh này của nó không kém mẹ nó ngày xưa. Nhưng cũng giống như cha nó, con Ki hình như ra đời không phải để làm một loại chó săn tầm thường.

Ban đầu ông Hội đồng giao nhiệm vụ cho nó là đứng canh chừng nơi cổng. Khi đánh hơi được người quen, tự nó biết ngoạm chiếc chốt kéo sang một bên để cho người ta đẩy cổng đi vào, và nó dẫn đầu chạy trước vào sân báo hiệu cho người nhà biết. Nếu có một người lạ mặt thì nó sủa hực lên một tiếng lớn, báo động cho trong nhà biết chớ không mở cửa. Có một điều lạ là nó mang mối căm hờn sâu xa đối với lính tập hay lính mã tà. Bất cứ gặp lớp người này nơi đâu nó cũng sủa rống lên từng cơn dài, và những muồn nhảy chồm lên trong một dáng điệu sẵn sàng để mà uy hiếp.

Một hôm, có người đồng chí của ông Hội đồng đến thăm, được nghe phi báo là hiện đang bị truy nã bởi bọn tay sai của nhà cầm quyền thực dân, bèn vội từ giã ra đi vào lúc nửa đêm. Ông Hội đồng bảo:

- Con đường từ đây ra đến bờ sông có nhiều khoảng rất khuất vắng. Anh hãy dẫn con Ki theo, nó là một kẻ đưa đường rất tốt. Đến bến, anh cứ bảo nó trở về, nó sẽ hiểu được ý anh.

Rồi ông quay gọi con Ki, vuốt ve đầu nó:

- Nay con, hãy theo ông Tư ra đến bến đò. Nhớ dẫn đường cho ngoan nhé.

Thế là con chó lon ton đi trước dẫn đường cho khách trong đêm. Nó thường chạy trước một quãng, như dò xét trước đoạn đường rồi quay trở lại. Đôi khi nó dừng bước lại, vểnh tai như để lắng nghe rồi lại cúi xuống ngửi hít trên những lối đi, hay lại ngược chạy đón tìm ở trong không khí một tấm dạng nào. Ông Tư cảm thấy yên dạ được đi với người dẫn đường tinh khôn như thế. Lúc đến một khu rừng nhỏ, con vật mất hút vào trong, rồi bỗng phóng nhanh trở lại cản đường người khách của ông Hội đồng. Ban đầu, ông ta chưa kịp nhận thấy

sự báo động ấy nên lách qua nó, bước tới, nhưng con vật đã phóng nhanh về trước, chồm lên những muồn cản ngăn. Nó không kêu một tiếng nào, có lẽ sợ lộ hình tích. Ông Tư dừng lại và con chó Ki cúi xuống lôi một mảnh quần của ông, kéo lại nhẹ nhàng. Biết là có gì bất trắc, người khách của ông Hội đồng tần ngần không biết xoay trở ra sao. Trở lui thì cũng bất tiện vì không có đường nào khác. Ở lại nhà ông Hội đồng thì sợ liên lụy. Vả lại, nếu không thoát khỏi đêm nay thì để ngày mai gặp nhiều khó khăn, vốn cũng là người có biết ít nhiều võ nghệ, ông Tư nghĩ rằng dù sao con chó cũng đã giúp mình phòng bị và thế là quá đủ rồi. Bây giờ cứ sẵn bước tới, gặp những bất trắc thì sẽ chủ động ra tay cũng chẳng hề gì. Ông cúi xuống vỗ nhẹ đầu con chó, vuốt trên mình nó như muốn tỏ rằng ông đã hiểu hết những điều nó muốn thầm bảo với ông, rồi ông tiếp tục lên đường.

Con chó chừng như hiểu hết ý định của ông nên phóng đi trước. Trong bóng đêm dày vì những cây rừng làm cho đêm tối càng khó nhận rõ lối đi, người khách của ông Hội đồng bước rất chậm chạp, nhướng mắt, chong tai, tỉnh táo trước mọi động tĩnh ở chung quanh mình. Gần khỏi khu rừng, nhìn thấy loáng thoáng từ xa trước mắt cánh đồng lơ mờ trải rộng, ông Tư mừng thầm, hy vọng có thể thoát khỏi mọi cuộc truy lùng. Nhưng vừa lúc ấy ông cũng kịp thấy con chó từ một bụi cây bên đường phóng ra, như chặn lối đi. Ông Tư dừng lại đột ngột thì từ gốc cây bên đường một kẻ nhảy ra, và ở sau ông, từ một bụi rậm, ông nghe tiếng người nhảy tới. Ông Tư vội vàng quay ngoắt mình lại đối phó với kẻ sau lưng, tung một ngọn cước vào ngay bụng dưới của gã khiến gã té nhào xuống đất, thì hai bóng đen khác nữa cũng đã ập đến. Con người xuất hiện trước mặt ông Tư ban nãy giờ chiếc gậy lớn tiến tới trợ lực đồng bọn thì nhanh như cắt con Ki đã phóng vào gã, ngoạm lấy cánh tay vừa cào cấu khắp người gã. Bị tấn công quá bất ngờ gã phải thả rơi chiếc gậy, hoảng hốt lùi lại, nhưng con chó vẫn không tha, hết sức nập theo, cắn xé khắp người. Khi gã mang những thương tích tìm đường tháo chạy thì con Ki đã quay lại phụ lực ông Tư tấn công ba kẻ thù kia. Con chó chiến đấu ác liệt đến độ nó đã dồn hẳn ba kẻ vào một góc rừng để ông Tư kịp thì giờ phóng chạy ra cánh đồng rộng.

Không dám đi theo lối sẵn, người khách của ông Hội đồng bươn xuống ruộng lầy, chạy về bên đò cho được mau hơn. Ông đã tránh những bãi lác, vũng sinh dày đặc, nhưng vì đêm tối, đường trơn lại không quen thuộc rõ ràng lối bước nên ông sa chân ngã xuống một vũng lầy lớn. Ở đây mặt đất bấp bênh như vùng cát lún, hễ càng cựa quậy lại càng bị lún sâu hơn. Ông Tư cũng đã nghe biết những vùng đất lầy như thế, những nơi mà người nông dân phải cấy lúa trên những cây sào dài thả trên mặt đất để khỏi bị chôn vùi dưới bùn sâu. Nhưng không còn cách nào khác để tự cứu mình, ông phải nhoi lên một cách tuyệt vọng, nhưng mỗi cố gắng như chìm sâu hơn vào trong sinh lầy. Cuối cùng, đuối sức, ông Tư thấy mình đã bị ngập sâu tới ngực, chỉ còn sải dài hai tay để giữ cho mình khỏi bị nhận chìm. Mỗi lúc ông nghe lồng ngực càng nặng nề hơn, hơi thở trở nên khó nhọc. Đêm càng về khuya, hơi lạnh

càng thắm vào trong xương thịt qua lớp đất bùn ẩm ướt và những con đĩa bắt đầu rĩa rới trên khắp châu thân.

Giữa lúc mệt mỏi và đau nhức ấy, ông Tư nghe tiếng cào cẩu loạn xạ trên bờ, những tiếng sủa nhỏ của con chó Ki và cái hình bóng cuống quýt của nó lượn quanh vũng lầy. Ông Tư hết sức vui mừng, nhưng sau sự mừng rỡ ấy ông càng thắm thía cảnh ngộ tuyệt vọng của mình. Không có cách gì cứu thoát ông khỏi nơi đây, bởi con chó Ki nếu phóng mình xuống cũng sẽ bị chìm ngập trong vũng lầy. Con chó nháo nhác trên bờ như một đốm trắng chờn vờn giữa mảng trời khuya. Ông Tư đập một bàn tay lên mặt vũng lầy, kêu những tiếng nhỏ triu mến: "Ki! Ki!" như những tiếng chào già biệt, nhưng trong một thoáng con chó đã vụt biến mất. Nó chạy về báo cho ông Hội đồng hay chăng? Ông Tư vẫn không hy vọng gì được cứu sống. Từ đây về nhà của ông Hội đồng con đường thật xa và chuyến khứ hồi như thế dù được thực hiện nhanh chóng cũng mất vài tiếng đồng hồ. Mỗi phút, ông Tư bị lún dần xuống một tí, và chỉ chừng một giờ sau khi sự chống chọi đã kiệt lực rồi ông cũng khó lòng thoát khỏi cái chết khủng khiếp ở dưới bãi lầy.

Nhiều phút trôi qua trong nỗi đợi chờ tuyệt vọng và ông Tư đã bắt đầu thấy những sao trời lốm đốm trên cao tắt dần trong đôi mắt mình. Giữa lúc mệt mỏi và sắp buông xuôi ông nghe mơ hồ những tiếng động nhỏ dồn dập của một con vật phóng nhanh qua những vũng nước bãi sinh và nhiều lần ông mở mắt nhưng vẫn không trông thấy gì. Có thể đây chỉ là một ảo tưởng xuất phát từ một thần kinh xúc động trong những nốt độ hãi hùng. Rồi sự im lặng của bầu trời khuya giữa cánh đồng vắng mênh mông mỗi lúc mỗi nặng nề thêm.

Nhưng bây giờ những tiếng động lại nghe rõ hơn, cả tiếng chó hực, và ông Tư cố mở mắt xoay chuyển người mình một cách khó khăn, nhìn về phía bờ. Con Ki lại đã xuất hiện, không còn cuống quýt như trước, đứng cúi nhìn ông kêu những tiếng nhỏ như lời mời gọi. Ông bỗng nhìn thấy con vật cúi xuống trên đất, ngoạm lên một chiếc gậy dài rồi thả gậy xuống vũng lầy vừa cắn một đầu để chìa đầu kia về phía tay ông. Lập tức, ông Tư nắm lấy chiếc gậy như bầu vút vào sự sống. Ông vẫn còn lo phập phồng không biết con vật liệu có đủ sức làm một điểm tựa cho ông lê người ra khỏi vũng lầy, nhưng không còn cách nào khác là phải tự mình nỗ lực nương vào sức trì kéo kia vươn lên khỏi chốn hiểm nghèo. Con vật như tìm được một điểm tựa trên bờ, ghì sâu chân xuống mặt đất cắn chặt cây gậy, và ông Tư cứ như thế nhoi dần người lên, rướn tới từng chút từng chút cho đến khi ngã soài người vào được mé bờ, một tay vẫn nắm chiếc gậy, một tay bám được vào một mô đất. Bây giờ thì ông có thể buông tay khỏi chiếc gậy kia, dừng lại ít phút để thở. Con chó cũng nhả gậy trên bờ cỏ, kêu lên những tiếng nho nhỏ vui mừng, rồi cúi mình xuống ngoạm lấy vai áo của ông, phụ lực để kéo ông lên. Ông Tư cố bám vào đất để leo lên bờ, vừa thả người xuống đám cỏ ướt dẫm sương đêm đã ôm choàng lấy con Ki vào lòng như ôm người bạn thân thiết, một kẻ ân nhân đầy sự gan dạ và óc thông minh. Có lẽ con vật cũng hiểu được sự triu mến và tri ân ấy, nên nó nằm yên trong lòng ông Tư, rồi nhẹ nhàng ghếch mõm lên trên cánh tay ông,

liếm những vết máu do bị đĩa cắn đây đó ở trên da thịt. Những giọt nước mắt ẩm áp từ trên khuôn mặt ông Tư nhỏ xuống trên mình con vật. Ngồi được một lát, hơi thở trở lại điều hòa, ông Tư quờ tay tìm lấy chiếc gậy. Chắc là chiếc gậy kẻ thù toan quật ngã ông ở trong khu rừng, bây giờ đã được con Ki biến thành phương tiện để cứu sống ông. Ông ôm con chó trong lòng, chống cây gậy ấy đứng lên và dựa vào nó để tìm lối bước trên những đường ruộng mấp mô. Tới một ao nước ửng sáng trong vùng đêm đen, ông bèn dừng lại rửa ráy những lớp sinh lây quết đầy trên mình, giặt giũ quần áo, rồi cùng con Ki tìm đường ra tới bến đò. Bây giờ có lẽ cũng đầu canh năm, trời còn tối mịt, vì ánh sao mai đã thấy lấp ló ở chân mây xa. Qua khỏi được dòng sông này, thế là thoát nạn. Bước lại bến đò, gọi người lái đò đang ngủ chập chờn trong chiếc lều nhỏ bên bờ sông vắng, ông Tư chịu món tiền lớn để được đưa gáp sang sông. Trước khi lên thuyền, ông còn cúi xuống ôm chặt con Ki vào lòng, hôn trên đầu nó, nói lên mấy lời cảm tạ ân cần. Đợi cho con thuyền ra đến giữa dòng, con chó mới quay trở lại, phóng mình về nhà.

Câu chuyện con Ki cứu người bạn ông Hội đồng khỏi sự vây bắt của những kẻ thù hung ác và thoát chết khỏi vũng lầy mãi về sau này nhiều năm ông Hội đồng mới biết được. Người bạn của ông, vì những công tác nơi xa và gặp hoàn cảnh khó khăn không tiện thư từ nên đã không viết cho ông biết rõ về sự việc ấy. Gần năm năm sau, khi có dịp kể lại câu chuyện cũ với ông Hội đồng thì bấy giờ con Ki đã vĩnh biệt cõi đời.

Nhưng ông Hội đồng còn nhớ sau cái đêm ấy không lâu, chừng độ vài tháng có lẽ, một hôm nhà ông có đám kỵ lớn, bà con cùng những thân hữu xa gần kéo đến khá đông, trong số những khách đến dự con Ki bỗng nhiên cứ chạy theo mãi một người khách lạ cùng có những mối tương quan bề bạn với một đôi người bà con bên ngoại của ông, gằm gù, hực sủa trong một dáng điệu căm thù. Người khách tỏ ra khó chịu rõ rệt, và ông Hội đồng phải vừa xin lỗi vừa mắng con vật bảo nó im đi. Con chó tuân theo lời chủ, lui về một góc sau nhà nhưng nó vẫn lăm lét nhìn người khách, thỉnh thoảng lại muốn chồm tới để tấn công gã. Sự lưu ý quá đáng của một con chó làm cho người khách khó chịu, và sau tuần rượu khai vị y đã vịn cớ bận việc để mà cáo từ. Ông Hội đồng đã để tâm theo dõi một thời gian sau mới biết người khách hôm ấy là tên điếm chỉ đắc lực của bọn cầm quyền thực dân, nhưng ông không ngờ được rằng chính y là kẻ đã từng mai phục bên rừng để hại một người đồng chí của ông từng được con Ki cứu thoát, và đã tìm cách đến dự ngày giỗ hôm ấy với cái dụng tâm dò xét, điều tra về ông.

Bấy giờ, sau khi ông Nguyễn An Ninh về nước khởi động lên lòng ái quốc, các bậc chí sĩ của thời Đông Du đều có cảm tình và những phần tử tích cực hưởng ứng phong trào do ông khởi xướng. Nhờ các ông Mai Bạch Ngọc, thầy Nhứt Giai, thầy giáo Hộ, Hương trưởng Hoài mà phong trào lan rộng khắp Tân An, Mỹ Tho, Gò Công... và vào sâu tận Cai Lậy, Đồng Tháp.

Những trạm liên lạc đã được thiết lập theo một tuyến dài ở giữa các vùng hoạt động. Con Ki được ông Hội đồng đưa về giúp việc cho người bà con, vừa là đồng chí của ông, ở miền Đồng Tháp, gọi là bác Năm. Từ đó, một nơi mới được dựng lên trong một khu vực người ta khai phá đồng lầy mở vườn lập ấp, bác Năm thường xuyên liên lạc với một trạm nổi kế tiếp vào quận Bến Tranh. Suốt một thời gian khá dài con Ki đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc thư từ đi lại, đưa rước những người hoạt động, đã từng qua mặt lính tráng, tuần đinh, và các đồn bót, chưa hề một lần bại lộ.

Chương chín

Một buổi chiều nọ, mặt trời đã xuống khuất rặng trâm bầu ngang lán điền ở bên kia con đường đá đỏ. Tiếng trống công phu của chùa Bửu Lâm đổ hồi sắp dứt, bác Năm vẫn chưa nghe tiếng con Ki cào vào cổng tre báo hiệu đã về. Ánh nắng tàn úa xuyên qua kẽ lá ngả màu xanh sẫm, cảnh nhá nhem tối giữa một miền quê mới tạo, nhà cửa hầy còn thừa thớt, làm tăng thêm nỗi hoang vu.

Bác Năm gái thổi lửa từ con cúi bện rơm vùi trong tro bếp, mời sang cây rọi mù u quét với bông gòn quấn vào que tre như cây đèn dọi của người Trung Hoa. Ánh sáng bùng lên chói chang tỏa khắp căn nhà, chiếu đến nhà ngang nơi chiếc chõng tre có đặt khay trà. Bác Năm trai ngừng đan giỏ, dẹp tất cả nan tre lên gác chái nhà trên. Như một chiếc bóng, bác cúi cúi bước vào nhà vẫn điều thuốc rê với một đọt non của lá trâm bầu, châm vào chiếc dọi mù u, hít một hơi dài, nhả khói lòe lòe tỏa ra trước mặt. Hơi thuốc làm bác tỉnh hơn sau ngày mệt nhọc.

Bác trở ra mở hoắc cổng, bước qua chiếc cầu ván bắc ngang nương dọc theo lộ đá, đi rảo ra đường về phía Gò Tích. Sương xuống chập chờn như hơi khói phủ trắng lợp ngọn cây. Từng tốp đi làm lò gạch Bang Hoạch lũ lượt kéo thành hàng dài bóng đen lướt trên bờ ruộng. Mấy người con bác rẽ đám đông đi vào nhà. Bác lầm lũi bước trở vào buồng thắp một câu chán nản: "Con Ki mất tích thật rồi!"

Cả nhà thấp thỏm, không biết nó đã gặp phải một tai nạn nào. Tuy không nói ra, ai cũng ngầm hiểu con vật không về nghĩa là nó chết, và dù có bị thương nặng nó cũng cố lết về nhà. Từ bao lâu nay, nhận cái nhiệm vụ mang thức ăn cho bà Cố, con Ki chưa hề đi lạc hay theo những con chó khác giống trong vùng. Mỗi chuyến đi về như vậy, nó đều theo những lối tắt ở trong rừng sâu, bụi rậm, tránh xa tất cả bóng dáng đồng loại cũng như bóng dáng con người.

Bà Cố của bác Năm gái dầu tuổi đã gần chín mươi nhưng còn mạnh khỏe, sống trợ trợ trong túp lều dựng sát bờ rừng, chăm sóc một khu vườn nhỏ đủ để tự túc, thỉnh thoảng nhờ có rể con tiếp tế và đến viếng thăm. Người đàn bà ấy, với túp lều ấy, là trạm liên lạc rất tốt đối với phong trào Cách mạng.

Bây giờ đã quá tối rồi, cả nhà xúm xít dùng bữa trên chiếc chõng tre. Mỗi ngày nó vẫn ngồi chờ dưới một góc chõng thức ăn đặt trong chiếc gáo dừa to được gọt bóng láng. Những chuyển liên lạc của nó thường được thực hiện vào khoảng giữa trưa đứng bóng. Trưa nay,

bác gái đã gọi nó đến, đem một hũ cái bắc thảo có đầy thịt nạc kho rim treo vào cổ nó, rồi vỗ vào đầu dặn dò:

- Đem hũ thịt này vào cho bà Cố.

Rồi bác mở cổng, đưa nó ra đường, chờ nó lủi khuất vào lối đi riêng trong các bụi cây xa khuất bác mới trở về. Do những trường hợp lạ lùng của một hoàn cảnh đất nước, con Ki ngày nay cũng như cha nó ngày xưa phải mang thức ăn tiếp tế cho người, cho những con người đã chịu khổ đau và sống khuất lấp chỉ vì một lòng vì nước, vì dân. Khác với ngày xưa, cha nó mang những thức ăn đi giữa phố phường tấp nập thì nó ngày nay mang những thức ăn đi che khuất bóng giữa những cây rừng. Nhưng niềm tận tụy và sự trung thành của nó thì vẫn y như cha nó ngày xưa. Khác chăng là sự gian khổ và sự chịu đựng nhiều hơn ngày trước.

Thường thì mỗi chuyến liên lạc trở về, con Ki vẫn mang trên mình thức ăn bà Cố gởi cho, hoặc khoai, hoặc mía, đôi khi là một quả dưa, năm ba quả trứng. Thỉnh thoảng, gặp hôm bà không có món quà nào gửi lại, nó mới thông thả phóng đi trên con đường cái để về nhanh hơn. Thế mà hôm nay, đã tối mịt rồi chẳng thấy nó về. Từ xưa đến nay con Ki không hề trễ nãi bao giờ.

Tàn bã trà trôi, bác gái lặng lẽ đi nằm, bác trai vẫn còn tần ngần ngồi đó một mình, tưởng nhớ con Ki. Bác lo cho nó, lo cho phong trào... Nếu rủi ro gì, chuyến đi này không đáng ngại về mặt tổ chức vì đây chỉ là chuyến đi thường lệ, nhằm lúc không tin tức gì cần phải mang theo. Nhưng đối với cả phong trào yêu nước, con Ki mất đi là một sự thiệt thòi lớn. Từ đây cho đến khi luyện tập được hay tìm được con vật khác thay nó phải mất bao nhiêu thời gian, công khó, để gì tìm được một con vật khác khôn ngoan thạo việc như nó. Nếu quả nó không còn nữa thì bác phải gánh lấy nhiệm vụ này, bởi vì giờ đây, ngoài bác Năm ra không ai có thể thay thế kịp thời. Bác đã già rồi, quả nôm bắt cá hay là gánh gió bỏ mối cho các tiệm buôn để làm liên lạc không khó khăn gì và ít khi bị xét hỏi, nhưng bác thấy sức yếu nhiều và còn phải gắng làm lụng để tìm sự sống hàng ngày.

Đêm đó, bác Năm không ngủ hết nằm lại ngồi, vẫn điều thuốc này tới điều thuốc khác để mà chờ sáng. Đến khi chân trời chưa ửng, sương còn ướt lạnh cỏ cây, dù chưa nhìn rõ mặt người bác đã lên đường. Bác tìm tới nhà bà Cố vào lúc mặt trời lên khỏi ngọn cây.

Bà Cố cho biết con Ki đã mang hũ thịt kho rim vào hồi xế trưa. Nó uống nước xong, bèn nằm nghỉ mệt, và không ăn cơm mặc dầu bà đã dỗ dành. Sau đó, khi nó trở về bà gởi theo mấy cây mía chặt từng đoạn ngắn treo ở hai bên hông nó. Nó đã lủi theo đường cũ và bà cũng đã nhìn theo cho đến khi nó mất hút vào trong cây rừng.

Bác Năm uống một bát nước, từ giã bà Cố lần theo lối rừng mong tìm ra dấu vết nó. Nhưng giữa một vùng rừng rậm bao la, để gì tìm được dấu chân bé bỏng của nó. Tuy nhiên,

bác không thối chí. Ngày này tiếp sang ngày khác, bác đã lần theo lũ trẻ chăn trâu, mô tả hình dáng con Ki, hỏi xem lũ trẻ có gặp con vật ở một nơi nào. Trong bọn cũng có đứa biết vì thỉnh thoảng chúng có thấy con chó như thể lủi trong cây rừng, nhưng chúng không hề để ý. Bỗng một đứa khác như chợt nhớ ra: vào một buổi chiều, cách đây không lâu, chúng có gặp thầy Hương Quán như đang tuần rôn và rình rập ai ở trong rừng này. Rồi cả bọn cùng reo lên:

- Phải rồi! Thầy Hương Quán rình con Ki...

Bác Năm nghĩ bụng, hay là con Ki bị lộ tung tích nên họ nghi ngờ theo dõi từ lâu? Lọt vào tay thầy Hương Quán, con vật khó mà toàn mạng. Bác nhờ lũ trẻ hỏi thăm lũ con cháu nhà thầy Hương và được chúng cho biết rõ như sau: trên chuyến đường về hôm đó, con Ki bị thầy Hương Quán rình đánh. Vì bị mang hai bó mía ở hai bên hông nó không xoay trở cho nhanh nhẹn được nên thầy Hương Quán đã dùng chiếc roi làn can đánh gãy xương sống. Nó nằm giãy giụa thì bị thầy Hương Quán cột cổ lồi về. Đêm đó, nó bị giết chết. Thầy Hương không bắt được thừ từ gì bí mật, chỉ lấy được hai bó mía và đem thân xác con vật cho bọn tuần đình dưới quyền tổ chức ăn nhậu say sưa đến sáng.

Con Ki đã chết, nhưng lòng yêu thương và quý trọng nó vẫn lưu lại trong gia đình bác Năm và trong những người âm thầm hoạt động suốt một thời kỳ tối tăm gian khổ chuyển sang thế hệ chúng tôi. Đến khi đất nước vùng lên cởi bỏ xích xiềng nô lệ, con Ki vẫn thường được nhắc nhở đến trong câu chuyện của những người yêu nước. Và tên Hương Quán, sau đó, đã bị giết chết trong khu rừng ấy, Không biết người nào đã giết chết y, nhưng dù không rõ tánh danh, ai cũng đoán biết đó là một người yêu nước đã diệt trừ y để loại bỏ một phần tử ác ôn phá hoại phong trào.

Con Ki đã được trả thù. Tôi cũng không rõ trong suốt quãng đời của nó, con Ki cùng con Mực có lưu lại được dòng giống của mình hay không. E rằng mãi mê trong phần việc mình chúng chưa có dịp nghĩ đến một sự truyền giống. Trung thành đối với những gì mình phải gắn bó cũng như gan dạ đối với kẻ thù, đó là truyền thống của người Việt Nam, và ngay loài chó Việt Nam cũng thừa hưởng được cái bản sắc ấy nơi kẻ đã nuôi dưỡng mình.

Chia sẻ ebook: <https://downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://facebook.com/caphebuoitoi>